

I THÁNG 7 NĂM 1968

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười hai

VÕ PHIẾN *tuổi trẻ và cách mạng* * ĐOÀN NHẬT TẤN

vấn đề chống nạn mù chữ và cương bách học vấn *

NGUYỄN THẢO *bước đi của lịch sử Phật-giáo* * VƯƠNG

HỒNG SẼN *thuật một chuyến đi săn đồ cổ* * TRẦN ĐẠI

hát trên quê hương rã rời : phong trào du ca và Nguyễn

dức Quang * NGUYỄN KHÁNH HÒA *đọc nhật ký của*

Hammar skjöld cổ Tổng thư ký L.H.Q * BÙI ĐĂNG *cúi mặt* *

TRẦN HOÀI THƯ *trưa địa ngục* * TRẦN HOÀI THƯ *về trời*

* BÙI KIM ĐÌNH *ngược chiều* * TỪ TRÌ *thời sự quốc tế* *

TỬ DIỆP *thời sự khoa học* *

PHAN PHỤNG THẠCH *thánh hạ* *

TRẦN ĐẠI *hát lại tâm ca* *

276

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 265 ĐẾN 276



SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 276 ngày 1 - 7 - 1968

VÕ PHIẾN <i>tuổi trẻ và cách-mạng</i>	3
ĐOÀN NHẬT TẤN <i>vấn đề chống nạn mù chữ và cưỡng-bách học-vấn trong hiện-tình đất nước</i>	13
NGUYỄN THẢO <i>bước đi của lịch-sử Phật-giáo</i>	18
VƯƠNG HỒNG SẼN <i>tôi nhớ Huế : thuật một chuyến đi săn đồ cổ...</i>	24
TRẦN ĐẠI <i>hát trên quê hương rã rời : phong trào Du ca và Nguyễn-đức-Quang</i>	31
NGUYỄN KHÁNH HÒA <i>đọc nhật-ký của Hammarskjöld cố Tổng-thư-ký Liên-hiệp-Quốc</i>	41
BÙI ĐĂNG <i>cúi mặt (truyện dài)</i>	47
TRẦN HOÀI THƯ <i>trưa địa-ngục (truyện ngắn)</i>	55
TRẦN HOÀI THƯ <i>về trời (thơ)</i>	58
BÙI KIM ĐÌNH <i>ngược chiều (truyện)</i>	59
TỪ TRÌ <i>thời sự quốc-tế</i>	66
PHAN PHỤNG THẠCH <i>tháng hạ (thơ)</i>	69
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	70
TRẦN ĐẠI <i>hát lại Tâm ca (sinh-hoạt)</i>	72

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ CHÂU
 Tòa soạn :
 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
 Điện-thoại : 25.539
 H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
 133 Võ-Tánh Saigon
 GIÁ : 25\$ Công sở Giá gấp đôi
 Cao Nguyên và Miền Trung :
 thêm cước phí máy bay

SÁCH BÁO MỚI

Tạp-chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác giả, dịch-giả, nhà xuất bản và tòa soạn đã gửi tặng những sách báo sau đây :

— **Chiến quốc sách quyền I** do Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê giới thiệu, dịch và chú thích, Lá-Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 270 trang gồm 2 phần : Giới thiệu và Trích dịch. Phần Trích dịch gồm 3 chương : Chu sách, Tần sách, Tề sách. Quyền II sẽ ra tiếp quyền I nói trên. Bản đặc biệt.

— **Quân vương thuật** lãnh đạo chính-trị, nguyên tác « Le prince » của Machiavel, bản dịch của Phan Huy Chiêm do Quảng Hóa, cơ-sở tu-thu, dịch-thuật, xuất bản thanh niên sinh viên học sinh, xuất bản và gửi tặng Sách dày 160 trang, có « Lời giới-thiệu » của Raymond Aron. Giá 98đ.

— **Âm thầm tập thư của Đặng-Đức-**

Côn, Chi-lăng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 34 trang gồm 40 bài thơ. Giá 30đ.

— **Diêm vương xử án và Nỗi lòng** ông ký Tốt truyện vui thiếu-nhi của Võ Thanh Cần và Liên-Phong, do Xởi-đất xuất bản và gửi tặng. Sách dày 28 trang. Giá 15đ.

— **Người nghệ sĩ bất khuất và Tài thiện xạ** truyện thiếu nhi của Liên-Phong và Võ Thanh Cần do Xởi-đất xuất bản và gửi tặng. Sách dày 32 trang. Giá 15đ

— **Biểu tượng tập san số 2 và 3** tháng 5-58, tiếng nói trung thực của những tâm hồn rạo động, do Hoàng Đông Truối và Nguyễn Sinh Từ chủ biên. Tòa soạn đặt tại 83 Trưng Nữ-Vương Vĩnh Long. Mỗi số khổ 16x24 dày 54 trang. gồm thơ, truyện, biên-khảo. Giá 30đ.

HỘP THƯ

Tạp chí Bách-Khoa đã nhận được những bài sau đây :

Một phương trời nhớ ; Trên vùng tiếng động (Lê Đình Phạm-Phú). Trong thành phố bây giờ ; Trong khuya ; Khởi từ (Trầm Miên). Nét phong trần (Nhất tâm-Phương). Thoáng nguyện ; Về đâu ; Lạc lõng (Huyền Phong). Phiến đá tôi (Lã Thanh Nguyên). Lời ca tuổi ngọc ; Hỏa tuyến (Nguyễn Văn Cát Sơn). Tâm sự người lính trẻ ; Những khúc hát cho quê-hương (Nguyễn Lệ Tuấn) Người thắng cuộc (Hoàng-Nhược-Liên). Cảnh tang tóc ngày đầu năm (Ngọc-Sâm) Nhà sắp đổ hoang (Ỗ-Yên). Trái tim còn lại ; Viết từ mặt trận (Phan-Vinh-Khuyên). Tuổi trẻ nghĩ về mình ; Tìm về quê hương (Đoàn Ng.). Vào đời ;

Lời vọng ; Buổi chiều xanh ; Khi anh về Huế ; Dung nhan ; Lời mẹ ru (Thủy-Triều). Linh hồn đen (Thiên-Vân-Lang). Chinh nhân ; Hạ ; Tiếp sấu ; Hoàng hôn ở rừng (Khuê-Vũ). Biết rồi thì đã qua rồi (Mỹ-Lan-Anh). Nhớ người hồ Tây ; Người bên cõ thành (Lê Văn Ngẩn). Ngày trở lại thành (Phổ-Đức). Tình ca (Chu-Vương-Miễn).

Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường-hợp có thư riêng) thì các bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

— **Ô. Trần Văn Sinh (Cai-Lậy)**. Rất tiếc không làm vui lòng ông được.

— **Anh Doãn Dân (KBC 4061/2)**. Đã nhận được đầy đủ. Sẽ viết thư riêng. V.P. gửi lời thăm anh. Chúc anh mọi sự vui vẻ. L.C.

Tuổi trẻ và Cách-mạng

Thế-kỷ XX kết thúc những đòi hỏi của dạ dày. Dạ dày mất vai trò lịch sử. Từ đây bắt đầu kỷ-nguyên của những đấu tranh vì quan niệm văn-hóa. Sau cuộc xung đột dưới lá cờ đỏ, đến cuộc xung đột vinh quang dưới lá cờ đen...

Những thanh niên gây nên các phong trào ồn ào ở Âu-Mỹ, trước đây người ta bảo là họ nổi loạn, bây giờ thường nghe nói là họ làm cách mạng. Tạp chí *Newsweek* dành số ra ngày 20-5-1968 cho « Cuộc Cách mạng Pháp 1968 ». Như vậy phong trào mỗi ngày có mỗi khác, khác ở mức độ phát triển của nó và khác ở tính chất nữa.

Về mức độ, trước hết có sự lan rộng. Trong những tháng gần đây, trên thế giới ít ra có hơn hai mươi quốc gia bị khó dễ vì các cô các cậu. Phong trào lan rộng thêm và mãnh liệt thêm. Năm ba năm trước, chuyện thanh niên nổi loạn là chuyện của những kẻ tò mò : « Nghe nói bên Tây con trai thả tóc dài, đánh phấn thoa son hả ? Hay quá ta ! Con gái lác cắc, cùn cựa, chịu chơi... Ngộ thillet ! ». Cũng có một số người chú ý đến một cách đứng đắn : đó là các nhà đạo-đức, các nhà xã-hội-học, dân-tộc-học v.v... Nhưng hiện nay thì ai nấy đều biết thanh niên đứng dậy không còn là vấn-đề của các học-giả nữa, mà là của Cảnh sát chiến đấu, của các ông Thủ-tướng, Tổng-thống, các chính khách... Ở Pháp chẳng hạn, nó đang là vấn đề

mất còn của một chế độ có tiếng vững nhất từ sau đệ-nhị thế-chiến.

Về tính chất, tiếng nổi loạn có nghĩa tiêu cực, nó chỉ nói đến ý-chí phủ-nhận, chống đối. Như thế để làm gì ? Không biết ; có thể chống đối chỉ để chống đối. Hỏi tại sao lại để tóc tai bù xù, có phải vì ưa thích một kiểu đồng phục chẳng ? Antoine, một thủ lãnh *beatnik*, trả lời : « Nếu là kiểu do tôi với lũ bồ tôi đặt ra thì vâng, nó làm cho tôi cách biệt với những kẻ khác, những kẻ đã sai khiến và răn dạy tôi từ ngày còn bé ». (1) Nhưng kẻ khác ấy không ai khác hơn là các bậc cha mẹ, chú bác. Như vậy, nổi loạn, chỉ là biểu dương một sự không vâng lời, của một lớp tuổi đối với các lớp tuổi cao hơn. Thế thôi, không có cao vọng gì xa xôi. « Xin đề ý là tôi không đề nghị thay đổi xã hội đâu nhé, tôi biết mình không làm được việc ấy, xã hội thế nào nó cứ ra thế ấy, nhưng tôi tự thoát ra ngoài. » (2) Gilles Lapouge nhận xét : « Nổi loạn, cuộc nổi loạn của họ không có đích, trống trơn như một hạt hồ đào, rỗng ruột. » (3)

(1,2, 3, 10) *Le Figaro littéraire*, số 1058 ra ngày 28-7-1966.

Như hạt hồ đào ! Đó là thời kỳ của những cuộc nổi loạn xinh xắn.

Bây giờ, đừng có ai nhắc lại chuyện ấy mà họ giận. Bây giờ là một thời kỳ khác hẳn, thời kỳ trọng đại của *Cách mạng*. Ở Nga-xô, kỷ-luật nghiêm-khắc là thế mà cũng không ngăn rỗi những ý định bất khuất lớn. Tờ tạp chí ở Lenin-grad của nhóm thanh niên trí thức chống đối được đặt tên là *Kolokol* (*Cái chuông*), đề nhắc nhở đến một tác phẩm phổ-biến bí mật của nhà cách-mạng Alexandre Hertzzen từng chống Nga hoàng ở thế-kỷ trước. *Cái chuông* ra đời được hai số thì kẻ chủ xướng bị bảy năm cấm cố, tám cộng sự viên khác bị năm ba năm tù. Trùng phạt ấy không làm sợ hãi một thi sĩ khác, ẩn dưới bí danh M. Nor, viết những lời hăm dọa :

« Không công việc chúng ta không phải là cầm vũ-khí ;

Nhưng thời thế vẫn luôn luôn tạo ra những nhà thơ,

Và các nhà thơ tạo ra các chiến sĩ.

Cho những ngày trọng đại của Lịch-Sử. » (4)

Ở các xứ tư-bản, chiến-sĩ đã được tạo ra : họ cũng mặt nạ, mũi sắt, cũng chiếm nhà, đốt xe v.v... Ở Pháp, khi thế cách-mạng như nước vỡ bờ, đây đó nhan nhản những khẩu hiệu quyết liệt, đại loại : « Hỡi những tên phát xít từng thoát khỏi Điện-Biên-Phủ. »

Chúng bay sẽ không thoát khỏi Nan-terre ! »

Cách-mạng phô trương uy thế, nó cũng phô trương ít nhiều đặc điểm bằng các giọng chữ kẻ vôi trên vách : «Càng làm cách mạng càng khao khát làm ái tình»

oOo

Trước kia phong trào thanh niên nó rỗng ruột, thôi thì không nói làm gì. Ngày nay nó đã có nội dung, thử xem nội dung ấy ra sao.

Trước hết, các sinh-viên họ đứng

lên là đề đòi hỏi những điều liên quan trực tiếp đến họ : đòi tăng gia ngân sách giáo dục, mở thêm trường học, cải tiến chương trình, đòi được tham dự vào việc quản trị các viện đại học, đôi khi vào cả việc chọn lựa giáo sư, đòi tự trị đại học v.v... Quả thực khuôn khổ của tổ chức giáo dục cũ kỹ không còn thích hợp với tình thế mới, không đáp ứng kịp những nhu cầu mới.

Rồi vượt khỏi phạm vi những vấn đề học hành của mình, giới trẻ cách mạng can thiệp vào chủ trương chính trị của các quốc gia. Và họ làm câu tiết các nhà cầm quyền. Tại xứ Hoa kỳ đang lâm chiến họ phản đối chiến tranh. Tại Tây Đức, đồng minh khăng khít của Hoa kỳ trong lý tưởng chống cộng, họ đá đảo cuộc tham chiến Mỹ tại Nam-Việt, họ ca ngợi «Mặt trận giải phóng miền Nam. Tại Pháp, Anh, Ý, v.v... họ trưng cờ đỏ, trưng hình Guevara, Mao-trạch-Đông. Trong khi ấy báo chí và các lãnh tụ nhà nước Nga-Xô không dấu nổi lo ngại rằng thanh niên Tiệp, Ba-Lan v.v... đang làm suy yếu hàng ngũ minh-ước Varsovie. Ở bên này họ làm suy yếu minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương, ở bên kia họ làm suy yếu minh-ước Varsovie. Về mặt chính trị, họ là những phần tử bất hảo. Dầu sao, đã có những phương hướng rõ rệt.

Nhưng cách mạng không ngừng lại ở chuyện giáo dục và chính trị. Phong trào không chỉ nhằm yêu sách về những vấn đề thiết thực cụ thể, nhưng nhỏ hẹp rời rạc. Cách-mạng phải có cái nhìn tổng-quát lên toàn-thể vũ-trụ, nhân-sinh, phải có một nhận-thức về ý nghĩa cuộc đời, về chiều-hướng văn-minh v.v... Tóm lại, cách-mạng phải có triết-lý của nó. (Nếu

(4) Trích dịch trong *Réalités* số tháng

không, lấy gì soi sáng đến quan-niệm làm ái tình như ta vừa thấy ?)

Triết lý ? Gì chứ cái ấy, cách-mạng này có sẵn. Hai mươi năm trước, giữa các bạn trẻ đi đâu cũng nghe nói toàn những phi-lý với buồn nôn, nhữn ghiền hữu với suy-tư v.v... Lúc này, những danh-từ thịnh hành truyền miệng rộng rãi trong giới sinh-viên cách mạng ở Âu-Mỹ là : Establishment, Manipulation, Répression, Société répressive, Société de Consommation.

oOo

Triết-ly cách-mạng bắt đầu từ sự chán ghét cuộc sống hiện nay : « Thử hỏi nơi một kẻ mỗi ngày bị lôi đầu dậy từ lúc sáu giờ sáng, bị nhồi lên xóc xuống trên các con tàu ngoại ô, dính tai nhức óc vì tiếng máy ầm ỉ, bị quăm cho đã đời do những nhịp điệu, những cử chỉ vô nghĩa lý, do công việc kiểm-soát thống-kê, rồi chiều đến bị vút xuống phòng khách các nhà ga, những giáo đường khởi hành đi về những tuần lễ âm ti và đi đến cái thiên đường tồi-tệ của những ngày nghỉ cuối tuần, tại đây ai nấy cảm thông trong sự mệt mỏi và trong nỗi chờ đợi, thử hỏi nơi một kẻ như thế thì còn lại được chút gì cái tia lửa của con người, tức cái khả năng sáng tạo của hắn. » (5)

Cuộc sống thường nhật thật nản : đều đều vô vị, bất tận... Nó làm cho mệt người, cho con người khô khan cần cỗi. Raoul Vaneigem phản đối : « Chúng tôi không muốn một thế giới trong đó cái bảo đảm khỏi chết đói phải đánh đổi bằng cảnh chết buồn. » (6) Không những chỉ lo làm cho khỏi đói, con người của xã hội này còn quần quật đầu tắt mặt tối để tạo cho mình mỗi lúc mỗi thêm nhiều tiện nghi. Lúc nào cũng chỉ những quỳnh lên

vì lao động với sản xuất, cũng khao khát mua với sắm, hết món này đến món khác, cái gì cũng thấy là cần. Hạnh phúc bị hy sinh cho tiện nghi. Chỉ vì ham muốn tiện nghi mà kiếp người bị nghiền nát dưới sức nặng của công việc đập dồn vất vả, mà sinh thú tiêu ma.

Đã thế, sống trong xã-hội này, chúng ta còn phải bị gò bó trong bao nhiêu là thành kiến, khuôn phép đạo lý v.v..., chúng ta phải làm những điều bộ giả dối, nói năng những lời giả dối, công thức. Rốt cuộc, kiếp nhân-sinh nghiêm chỉnh một cách rầu rĩ. Con người không còn đâu là nét hồn nhiên, bộc phát, là cá tính.

Raoul Vaneigem, cùng với Guy Debord (7), hô hào cổ vũ xây dựng cái thế-giới của hội hè và hoan lạc, của hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc tức khắc. Con người phải được sung sướng ngay ở cõi đời này, không nên chờ đợi một thiên đường nào trong tương lai, cũng không vì một ngày mai xa xôi nào mà hy sinh hiện tại. Mỗi người trong chúng ta chỉ có một đời sống của mình ; đời sống cá nhân là tối trọng, không thể hy sinh cá nhân cho tập thể. Cá nhân sung sướng nhờ được phát triển tự do, nhờ cõi mở ; xin đừng mỗi chút mỗi nhắc tới lao động sản xuất, mỗi chút mỗi giờ luân lý ra mà cấm đoán. Làm lưng hùng hục chẳng có gì là cao quý cả ; thỏa mãn những thèm muốn xác thịt cũng chẳng có gì xấu xa mà sợ. Cả phong-kiến lẫn tư-bản đều bậy bạ : « Cái đạo-đức lấy lợi ích làm trọng, hoàn toàn đáng khinh

(5, 6) Raoul Vaneigem — *Traité de savoir-vivre à l'usage des jeunes générations* (Gallimard).

7) Tác giả *La société du spectacle* (Buchet — Chastel)

bị, đã thay thế cho cái đạo đức hoàn toàn đáng ghét lấy danh-dự làm trọng ». Ấy là chưa nói tới cộng sản, cái tai hại nhất. Trong ba mẫu người : bạo-quân, tư-bản với kế-hoạ h-gia, thì anh sau cùng này là phi-nhân ác độc hơn hết. Vậy hãy đánh đổ tất cả để tranh thủ hạnh phúc, và trong quan-niệm hạnh-phúc này yếu-tố xác thật coi bộ có địa vị.

Raoul Vaneigen là một giáo-sư văn-chương, Guy Debord là kẻ chủ-trương cơ-quan ngôn-luận của phong trào Quốc-tế hoàn-cảnh.

Một vị giáo sư khác, già hơn, 70 tuổi, người gốc Đức, công dân Hoa Kỳ, hiện giảng dạy tại viện Đại học ở Californie, tên Herbert Marcuse (8), là lý-thuyết-gia được sinh-viên Đức nhiệt liệt hâm mộ. Người ta gặp đây đó những khẩu-hiệu : « Marx Mao, Marcuse », hay « Marx là đáng tiên tri, Marcuse là kẻ giải đoán và Mao là lưỡi gươm của Người. » Hãy xem tư tưởng kẻ giải đoán.

Trong cuộc sống ở những xã-hội văn minh có nền kỹ-thuật tân-tiến, con người đang chịu một hình-thức thống-trị mới. Guồng máy xã-hội, máy-móc, tổ chức, quản trị, kế-hoạch v.v.. những cái đó rất tốt, hoạt động rất có hiệu quả để đem lại cho con người thời nay một đời sống sung túc. Chúng ta ăn ngon mặc đẹp hơn xưa, điều ấy không ai chối cãi, nhưng có điều ít ai chú ý đến, là dần dà chúng ta đã biến thành nô lệ, những tên nô-lệ sang trọng, sống trên nhung lụa. Xã hội này được tổ-chức nhằm sản-xuất cho nhanh cho nhiều ; sống trong xã-hội ấy hàng ngày chúng ta bị bộ máy quảng-cáo kích-thích, điều khiển thị hiếu, chúng ta xét nhau là tốt là xấu căn cứ trên quan-niệm đạo-lý lấy lợi ích xã-

hội làm tiêu-chuẩn, thậm chí đến những bản-uống của chúng ta cũng bị đề nê, nếu không cũng bị ặn vẹo, chuyển-hướng về phía lợi-ích xã-hội. Nền văn-minh hiện đại — bên tư-bản cũng như bên cộng-sản — làm ngọt ngọt khô héo con người chỉ vì rối bện tâm về lợi-ích xã-hội.

Từ thuở nào đến giờ, lo đói lo rét có lý. Nhưng ngày nay, tại những khu vực kỹ-thuật tiến-bộ, nhu-cầu của đại đa số đã được thỏa-mãn khá đầy đủ, con người đã sống trong cảnh sung mãn, vậy không nên duy trì mãi cái tình trạng bị guồng máy xã-hội áp-đảo. Và lại, nhờ máy móc tinh-vi, nhờ tổ-chức công việc khôn khéo, càng ngày người ta càng bớt giờ làm việc, rồi đây sẽ tới thời kỳ mà giờ làm hóa ra rất ít so với số thì giờ rảnh rỗi : Bấy giờ lẽ lối sinh hoạt sẽ biến đổi, cái luân-lý căn-cứ trên lợi-ích xã-hội để phê phán cá-nhân cũng sẽ sụp đổ...

Nhưng không phải ai cũng mong đợi cái ngày giải-phóng ấy. Không đâu, dưới ách thống-trị của guồng máy xã hội, con người làm những tên nô lệ tự nguyện ; quyền lợi vật chất của nó, những tiện ích của nó dính liền với xã-hội này. Nan nhân không muốn rời kẻ tội phạm, biết sao !

Cần những phần tử sáng suốt để đưa nhân loại thoát khỏi hoàn cảnh bị áp đảo. Những phần tử này phải thiết lập một chế độ độc tài tạm thời, để cưỡng bách giáo dục cho những kẻ bị áp bức biết sống tự do, để đào tạo Con Người mới. Con Người mới xuất hiện, nền độc tài nọ tự tiêu.

oOo

(8) Tác giả *Eros et Civilisation* (Edition de Mimit), *Le marxisme soviétique* (Idées).

— Hay nhỉ. Chúng ta có những lý thuyết cực tiến bộ. Chúng ta đang ở trên con đường giải phóng toàn diện : tư tưởng, tình cảm, bản năng. Con người tha hồ phát triển tự do. Đả đảo làm việc, hoan hô vui chơi. Đả đảo kiêng kham, hoan hô hưởng lạc. "Hỡi các cá nhân trên toàn thế giới, hãy liên hiệp lại, để chống máy móc, tổ chức, chống tuyên truyền quảng cáo, chống những bộ óc điện tử, chống các đồ-án kế hoạch v.v... Muôn người như một, hãy siết chặt hàng ngũ, chiến thắng văn minh này, cùng nhau tiến tới nền văn minh rực rỡ của hội hè v.v..."

Nhưng ơ kìa, tưởng gì chứ như vậy có chỉ là mới mẻ ? Cuộc sống thường nhật buồn nản, phi lý : các triết gia, văn nhân, thi sĩ mới tới đã quá nhiều. Đừng chờ đợi phần thưởng ở thiên đường, hãy xơi ngay những "thực phẩm của mặt đất". Ý kiến đó cũng cũ rích. Còn như chê bai chỉ trích nền văn minh cơ khí thì đã biết bao người từng chê bai chỉ trích, ngay từ khi văn minh cơ khí chưa đạt tới trình độ chế tạo nổi chiếc máy bay. Có điều từ hồi nào tới giờ người ta vẫn vừa cầu nhau kêu cuộc đời buồn nản vô nghĩa vừa bám riết lấy cuộc đời ấy mà sống đến cùng, cũng như vừa cầu nhau nhieć móc cơ khí vừa cải tiến cơ khí và tận hưởng lợi ích của nó.

— Hiện giờ ta đang nghe thấy những tiếng la hét vang trời, không phải những tiếng cầu nhau nữa. Đôi bên khác nhau xa.

— Vấn đề tính khí khác nhau. Chúng ta đang chứng kiến một phong-trào của thanh-niên. Trẻ thì nhiệt liệt cực đoan. Các văn-sĩ triết-gia đứng tuổi phát biểu bình tĩnh hơn.

— Tưởng nên giải thích bằng sự khác nhau giữa hai thời-kỳ. Có một giai-đoạn

của nhận-thức, và một giai-đoạn của hành động. Từ lúc nhen nhúm những ý nghĩ dân-chủ đầu tiên cho tới lúc phát-sinh cách-mạng lật đổ vua chúa, có thể cách nhau hàng thế-kỷ. Có kẻ muốn tìm nguồn-gốc tư-tưởng dân-chủ đến tận Mạnh-Tử. Cho tới lúc bùng nổ cách-mạng thì chuyện dân-chủ đâu có còn gì mới mẻ nữa. Giữa Montesquieu và Robespierre chắc chắn không cần đề ý đến sự khác biệt về tính khí ; vì đó không phải là điều quan trọng.

Vả lại, trong lúc tư tưởng dần dần thấm sâu, lan rộng, để gây tác dụng trong quần chúng, để đủ sức phát khởi một phong trào, trong lúc ấy thực-trạng cũng tuân tự tiến triển, đi tới chỗ trầm trọng, chín mùi. Bắt đầu, có người nêu lên cái dở của chế-độ phong-kiến, từ đó phong-kiến không ngớt phát triển cái dở cho đến khi không thể chịu nổi. Cũng như bắt đầu có người báo hiệu về cái dở của xã-hội tư-bản, cái dở ấy không vì thế mà ngừng, nó cứ bành-trướng cho đến lúc chế-độ bị đánh-đổ. Văn-minh cơ-khí trước ngày chế-tạo nổi máy bay chỉ đang cầu nhau, nhưng tới ngày óc điện-tử ra đời và chế-ngự cuộc sống xã-hội thì... giờ hành động của cách-mạng đã điểm.

— Cách-mạng này có cái đặc biệt...

— Nhiều. Chúng ta sẽ thấy nó có nhiều đặc điểm...

— Đặc điểm đầu tiên là nó không ra hẳn một cuộc cách-mạng ! Thật vậy. Thoạt nhìn qua các vụ lộn xộn, tưởng như có cuộc tranh đấu giành quyền giữa phái trẻ và phái già. (9) Đâu có ! Rudi Dutschke không tính làm Thủ-tướng Tây-Đức, Daniel Cohn-Bendit dường như cũng không có ý-định thay thế Tổng-thống De Gaulle nếu ông này bị sụp vì

những vụ rối loạn do anh ta gây ra. Các thanh-niên chống đối ở Hoa-kỳ không nghe a tranh cử thượng-hạ nghị-viện, họ không nhảy hẫ vào chính trường, bắt quá họ ủng-hộ hoặc Ken edy, hoặc Mac Carthy... Chưa từng nghe nói đến một thứ cách-mạng chề quyền-hành. Không tranh nắm quyền, làm sao thực hiện được chủ-trương? Chề quyền-hành thì hoặc là không có đường lối gì rõ rệt, hoặc không thiết tha với tư-tưởng mình. Thanh-niên hiện nay, họ đi tới cùng trong sự chống đối, phủ nhận; nhưng họ không nhận lãnh trách-nhiệm đeo đuổi tới cùng sự thực-thi tư-tưởng của họ.

Như thế, chỉ đáng gọi là rối loạn.

— Loạn, nghe tiêu cực quá. Phong trào thanh-niên hiện thời đâu có loạn. Nó có xu hướng rõ rệt.

— Chính anh chàng *beatnik* tên Antoine nọ cũng có xu hướng. Anh ta đã nói tự năm nào: « Tôi, tôi mơ ước một sự thành thực hoàn toàn (...), một tự do tuyệt đối về chuyện xác thịt » (10) Cũng muốn sống hết mình, sống cởi mở, chân thành, bất chấp những phép tắc giả dối v.v...

— Từ những ước-nguyện mơ hồ, thanh niên đã tìm đến những hệ-thống lý-thuyết...

— Từ những ý tưởng mơ hồ rời rạc tới một hệ-thống lý-luận, chỉ có sự tiến-bộ trên bình diện nhận-thức. Còn về mặt hành động, trường phong trào vẫn ở thời kỳ nổi loạn: không cắt tóc, là nổi loạn một cách thụ động; tràn ra đường, chiếm viện đại học là nổi loạn bạo động.

— Nói cho đúng, giới trẻ khó đi xa hơn trên đường cách mạng. Một *teenager* không làm được Thủ tướng, Tổng thống; anh ta chỉ có thể lật đổ Tổng

thống, Thủ tướng. Phần việc anh ta là chừng ấy. Phần xây dựng, kiến thiết, phải do hạng lớn tuổi làm lấy, và làm theo nguyện vọng của anh ta. Khi một thanh niên cách mạng đeo đuổi hoạt động đến ngày cầm quyền, anh ta đã không còn là thanh niên nữa.

— Phần việc hoàn tất cách mạng không thuộc về các bạn trẻ. Họ chỉ làm có công việc quấy loạn, cho nên bảo cuộc cách-mạng của thanh-niên là nói sai.

— Các bạn trẻ trí thức đang nêu lên một thực trạng xã hội không chịu được, một chiều hướng văn-minh bế-tắc, và họ nhất định xô đẩy đến sụp đổ xã hội này. Dù họ không cầm quyền, họ bức bách các chính phủ chấp nhận quan điểm của họ, giải quyết các vấn đề hiện tại theo ý kiến họ. Nếu không, sẽ bất ổn mãi, loạn mãi... Cuộc cách mạng này, những kẻ chủ xướng không tự mình gạt hái thành công; nhưng không phải họ không điều khiển nó từ đầu tới cuối.

Và lại, với gì tham dự vào việc dành phần, vào chuyện xôi thịt. Còn sớm quá. Điều cốt yếu là có một phong trào đòi hỏi do thanh niên phát khởi, phong trào nêu ra những khuyết điểm có thực của xã hội, những nhu cầu có thực của con người; trước sau gì rồi những cái đó sẽ phải được giải quyết thỏa-đáng. Kẻ giải quyết là ai, tranh cãi làm gì? Chỉ biết giải quyết những đòi hỏi ấy, tức hoàn tất một thay đổi lớn, cục diện thế giới sẽ biến dạng: không thể không gọi biến cố ấy là cách mạng.

oOo

Cách mạng này nhắc đến cuộc cách mạng của Á Q. Á Q làm cách mạng bằng cách quần chiếc đuôi sam lên đầu, các bạn trẻ ở Âu Mỹ ngày nay làm cách mạng bằng cách bỏ tóc phủ xuống gáy. Thế

thời. Ngoài ra, không thấy có máu me, thù hận gì.

Mấy năm trước, nghe nói bên Tây nam nữ thanh niên làm loạn, có kẻ giết mình đánh thót tướng sắp xảy ra tai vạ. Nào ngờ chỉ là chuyện con gái chịu chơi, con trai thoa son, đánh phấn, phóng xe, và lười biếng, lang thang v.v... Loạn đâu có loạn dị kỳ : không phá nhà lao, không cướp kho thóc, không đụng chạm gì tới tài sản của ai cả.

Cho hay đây là cách mạng văn hóa.

Các anh chị em sinh viên đứng lên không vì quyền lợi vật chất. Họ thuộc về thành phần được ưu đãi trong xã hội, không có điều gì bất bình về mặt quyền lợi. Họ ngấy lên vì cái đời sống vật chất xa hoa. Họ không màng tới chuyện quyền lợi, đừng ai đem chuyện xấu xa ấy nói với họ. Họ chỉ đòi hỏi sự tự do, đòi hỏi một chiều hướng văn minh cho nhân loại. Chưa bao giờ nghe nói tới một cuộc cách mạng cao thượng như vậy.

Nhưng khốn khổ, ngoài các bạn trẻ cao khiết ấy ra, ở đời được mấy ai hưởng ứng những điều ước mơ xa vời như vậy. Vì thế, mặc dù họ khuynh tả mà các tả đảng chỉ lợi dụng họ rồi bỏ rơi; mặc dù họ bên vực lao động thợ thuyền mà thợ thuyền các nước đều lãnh đạm, có khi còn chống lại họ. Chúng ta đã thấy tình trạng ở Tây Đức, Hoa Kỳ, Tiệp khắc, Ba Lan... ra sao (11). Vừa rồi, thợ thuyền ở Pháp cũng « trở mặt » nữa, họ lần lượt điều đình với nhà nước, chấm dứt đình công, lục tục trở lại xí nghiệp, bỏ mặc sinh viên hò hét. Sau khi chu du khắp Âu-Châu, quan sát các phong trào nổi dậy của giới trẻ, Jean — Francois Kahn kết luận : « Vì muốn đem mức sống thịnh-mãn ra kết tội, các sinh-viên bị cô lập

khỏi một số đông dân chúng vốn còn lâu mới tận-hưởng hết các lợi ích và lạc-thú của cảnh thịnh-mãn ấy » (12).

Cách-mạng văn-hóa, đây là thứ cách-mạng của con nhà giàu, thừa tiền của và chữ nghĩa. Chỉ có hạng ấy mới cảm thấy bức dọc đối với cái guồng máy xã-hội (establishment) nó đem tuyên-truyền với quảng cáo ra mà nhồi nặn (manipuler), điều-khiển dư-luận, nó đem tiến-bộ kỹ-thuật với bản-năng dục-tình ra làm phương-tiện áp đảo (répression) v.v... Đại đa số dân chúng họ bận tâm về chiếc xe hơi và căn nhà mơ ước hơn là về cuộc đấu tranh chống quảng cáo, chống nhồi nặn. Thử tưởng tượng lời kêu gọi của ủy-ban vận-động cách-mạng : « Hỡi các cá nhân trên toàn thế-giới, hãy liên-hiệp lại để đánh đổ máy móc, tổ chức v.v... Chúng ta sẽ chỉ mất có một xiềng xích trưu tượng và... rất nhiều tiện nghi cụ thể. »

Tin AFP ngày 13-6-1968 thuật lại vụ một thường dân ở Ba-lê, bức mình vì những xáo động kéo dài dây dưa làm thiệt hại đến công việc làm ăn sinh sống của mình, đã từ trên lầu chia súng bắn xuống toán sinh viên biểu tình đang hành hung cảnh sát. Phóng viên còn suy diễn rằng đó là thái độ của phần đông thường dân tại đây. Đông hay không đông, người dân đã có một phát-biểu quyết liệt đối với phong trào của các bạn trẻ trí thức.

Người dân nọ sẽ được cưỡng bách giáo dục dưới chế độ chuyên-chế tạm thời của Herbert Marcuse. Dầu sao, anh ta cũng đã nhắc đến cái vị trí cheo leo của nhóm bạn trẻ trí thức sáng suốt,

(9, 11) Tuổi trẻ như một giai cấp, BKTĐ số 274.

(12) L' Express, số 879.

và những khó khăn của cách-mạng văn-hóa.

(Oo)

« Dân » đã kêu cách mạng làm thiệt quyền lợi của dân, « nước » cũng mất cách mạng làm hại lực lượng của nước. Điều oái oăm là các nhà nước cộng sản coi họ như tay sai đế-quốc, còn các nhà nước tư-bản kẻ như họ đi với cộng sản.

Di nhiên, họ không phải chuyên làm tay sai cho cả bên này lẫn bên kia. Tuy vậy nhà cầm quyền bên nào cũng có lý khi trách họ làm lợi cho kẻ địch.

Thực ra họ không định dựng chế-độ cộng-sản ở những nước tư bản, cũng không tái lập chế độ tư bản ở những nước cộng sản. Họ chỉ vùng lên quấy đảo cái guồng-máy xã-hội đang áp đảo đè nén ; xã hội bị rung chuyển, suy yếu ; tự nhiên kẻ địch có lợi. Trước mắt họ, cộng sản hay tư bản đều tai hại như nhau, trong phản ứng chống đối của họ sự phân biệt ấy không quan trọng, nhưng trong thực tại các quốc gia cộng sản và tư bản vẫn tồn tại trong thế phân biệt đối lập, ganh đua nhau, bên này không thể bị suy yếu mà bên kia không có lợi.

Thế-hệ của Khrushchev, Bougainine, Kossyguine v.v... lớn lên trong một nước cộng sản bơ vơ giữa « vòng vây đế-quốc » Tất cả tâm tư trí lực của họ, đường gân thớ thịt của họ, ngày đêm căng thẳng hướng về cuộc chống chọi đối với vòng vây. Còn lớp thanh niên nam nữ đôi mươi ngày nay được an toàn từ thuở lọt bụng mẹ ra chào đời, họ chỉ ngán có cái vòng vây của những kế-hoạch, những buổi học tập chính trị, của tuyên truyền nhồi sọ, cái vòng vây của bức màn sắt ngăn cấm họ xuất ngoại, tiếp xúc với sách báo, tin tức, câu thơ tiếng nhạc

Tây phương... Họ chồm qua Tây Âu, quàng vai bắt bõ với các bạn trẻ bên ấy cười cười nói nói, nghỉ ngơi, hí hửng và Kossyguine run lên vì sự đại đột, vô tư lự của họ.

Cũng như thế, cuộc đời chính trị của những Kiesinger, Willy Brandt, De Gaulle v.v... trải qua những cuộc đụng độ gay go với ý chí bành trướng của khối cộng sản. Còn thế hệ đôi mươi ở Pháp, Đức..., họ lớn lên dưới sự bảo vệ của một liên minh quân sự mạnh mẽ, lớn lên trong thời kỳ mà chiến tranh lạnh đã nguôi dịu. Cái gì quấy rầy họ hàng ngày không phải là « cộng sản xâm lăng » mà là những con tàu ngoại ô, tiếng máy đánh tai, những cử chỉ giả dối, những ngày tháng phi lý v.v...

Chẳng qua vì hai thế hệ có những mối bận tâm khác nhau. Những cao phạm trẻ bị đưa ra cái tòa án ở Nga xô vì tội viết sách phỉ báng chế độ, người nào cũng một mực kêu cãi rằng họ không hề có ý chống lại xã hội chủ-nghĩa. Có thể họ thành thực.

Qua một cơn xáo trộn tại bởi ở Pháp, De Gaulle suy nghĩ và đã thấy rõ chân tướng của phong trào làm khó dễ ông ta. Trong cuộc phỏng vấn vô tuyến truyền hình tối 7-6-1968, ông nói với Michel Droit « Vụ bùng nổ này gây ra là do một ít nhóm người, một ít nhóm người chống lại xã-hội hiện đại, chống cái xã hội tiêu thụ, chống cái xã hội máy móc, bất luận là xã hội cộng sản bên Đông phương hay là xã hội tư bản Tây phương. Những nhóm người thực ra không hề biết sẽ lấy cái gì để thay thế vào xã hội họ, nhưng mà lại ham phủ nhận, phá hoại, hành hung, xáo trộn, lại trưng cây cờ đen lên ».

Câu chuyện giáo dục cưỡng bách của Herbert Marcuse có vẻ không tương, viễn

vòng quá. De Gaulle không lấy đó làm điều đúng đắn, nghiêm chỉnh. «Không biết lấy cái gì để thay thế», đúng vậy. Phủ nhận, phá phách, xáo trộn, cờ đen, không tương v.v., đó là phong trào của lúc này.

Hãy đề ý đến những thần tượng của giới trẻ cuồng nộ: Guevara, Mao Trạch Đông, Marcuse, Luther King, Régis Debray, Carmichael, Castro v.v... Cái gì liên hệ ông nọ với sự King bắt bạo động với lãnh tụ bạo động họ Mao, cái gì gắn bó chủ nghĩa tập thể của họ Mao với lý thuyết bệnh vực cá nhân của giáo sư Marcuse, rồi cái gì làm cho nhà trí thức không tương Marcuse, dính líu với những chiến sĩ râu ria hung tợn như Guevara, Castro? Vượt lên trên mọi dị biệt, bấy nhiêu nhân vật gặp nhau ở sự chống đối trật tự xã hội Tây-phương hiện tại.

Chống đối, đánh đổ... Các nhà cầm quyền kêu trời về các bạn trẻ.

Nhưng kêu trời vô ích, mắng nhiếc vô ích. Nếu họ chưa có những đề nghị thiết thực, chưa biết đưa ra cái gì để thay thế, thì những ông De Gaulle hãy bình tâm tìm kiếm, đề nghị, đưa ra thử... Tư bản không được, cộng sản không được, giải pháp «tham dự» được chăng? Chưa chắc. Nếu không, ông cũng đừng nản lòng. «Giải pháp thứ ba»

chưa được, ông hãy chịu khó nghiên cứu một giải pháp thứ tư, thứ năm... Cứ thế, không chừng chúng ta đi tới một xã hội, một nền văn minh mới, dưới bóng cây cờ đen dẫn đầu.

cOo

Cuộc đấu tranh tư bản vô sản phải chăng là cuộc đấu tranh cuối cùng của loài người vì lý do kinh tế. Thế kỷ thứ XX kết thúc những đòi hỏi của dạ dày. Dạ dày mất vai trò lịch sử. Từ đây, bắt đầu kỷ-nguyên của những đấu tranh vì quan-niệm văn hóa. Sau cuộc xung đột dưới lá cờ đỏ, đến cuộc xung đột vinh quang dưới lá cờ đen. Tiếp theo lịch sử của con người sinh lý, vừa mở màn lịch sử của con người cảm xúc, suy tư.

Di nhiên nó chưa mở màn ở nước ta. Cách mạng văn hóa là sản phẩm của những xã hội kỹ thuật tiến bộ,...

— Thế cuộc cách mạng văn hóa của vệ binh đỏ ở nước Tàu nông nghiệp?

— Đó là một câu chuyện khác hoàn toàn. Chỉ có sự trùng hợp về tên gọi. Cho nên tất cả những điều nhận xét trên đây không dính dáng gì tới việc làm của các cô cậu vệ-binh đỏ.

VÕ PHIẾN
VI — 68

PHÂN ƯU

Được tin Được-sư HOÀNG-HY-TUẤN, bào huynh của anh Hoàng-Minh-Tuynh và thân phụ bạn Hoàng-Anh-Tuấn, đã mệnh chung tại Dalat ngày 18-6-68.

Xin thành thực chia buồn cùng anh Hoàng-Minh-Tuynh, bạn Hoàng-Anh-Tuấn và tang quyến. Thành kính cầu chúc linh hồn người quá cố sớm về hưởng mặt Chúa trên Thiên-Đàng.

Lê-Ngộ-Châu, Phạm-Duy-Lân, Nguyễn-Ngu-Í, Võ-Phiến, Vũ-Đình-Lưu, Lê-Hoàng-Hoa, Lê-Huy-Linh-Vũ, Lê-Phương-Chi.

פז

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Vấn đề chống nạn mù chữ và cưỡng-bách học-vấn trong hiện tình đất nước.

● ĐOÀN-NHẬT-IỂN

Ở một nước đang mở mang, nạn mù chữ là một trở-ngại nặng-nề cho tiến-bộ bởi vì mù chữ là thiếu một lợi-khí để con người có thể nhìn xa thấy rộng mà tiếp-nhận được dân-chủ và khoa-học văn-minh.

Thế nhưng mãi đến nay, việc thanh-toán nạn mù chữ ở nhiều quốc-gia chậm tiến vẫn còn là vấn-đề đang phải nỗ-lực giải-quyết. Có nơi như ở nước ta thì cứ lại phải bắt đầu đặt lại mãi kế-hoạch chủ-trương. Lý do có lẽ là vì việc dạy đọc dạy viết cho người lớn là một vấn-đề không thể tách riêng ra khỏi tình-trạng chung của đất nước về kinh-tế chính-trị và xã-hội : người bình-dân ta nghèo khó, hàng ngày chật-vật vì miếng cơm manh áo công ăn việc làm, không còn thì giờ đâu mà học, dù là chỉ để biết đọc biết viết. Tâm-lý người lớn thường bận rộn khiến cho học xong thì mau quên hơn con trẻ. Mà nếu họ có gia công họ-vấn một thời gian cho biết đọc biết viết rồi, thì xã-hội hiện tại cũng không cung-cấp đủ cho họ sổ sách vở báo-chí vừa trình-độ, để họ có thể đọc cho thích-thú và bổ-ích mà nhớ chữ được lâu. Bởi đó mà lâu nay công-tác chống nạn mù chữ gặp nhiều khó khăn : các lớp học tối, học trưa của người lớn ở thôn-quê và các xóm nghèo thành-thị nhiều khi rất tốn kém về sách vở giấy mực, đèn dầu, giáo-chức, nhưng chỉ có

đầu voi đuôi chuột, hình-thức nhất thời, không đem lại kết-quả rạo thiết-thực.

Riêng một việc vậ-động cho có người đi học cũng đã là một chuyện hết sức khó khăn. Ở một chế-độ độc-tài, lấy các lớp bình-dân học-vụ làm công-cụ tuyên-truyền để giữ dân-chúng vào khuôn-khò trung-thành với nhà-nước, người ta có thể vì mục-đích ấy mà dùng bất cứ phương-tiện nào : như đi lũng túng nhà bắt người mù chữ, nhục-mạ những kẻ thất-học, dăng dây chận đường những người không biết chữ, không cấp giấy di-chuyển hay hành-nghề cho những ai không biết đọc biết viết... Làm một cán-bộ bình-dân học-vụ là có đủ quyền-lực để xâm-nhập gia-cư, cấm tự-do đi lại, bắt giữ, hành-hạ một người dân nghèo thất-học rồi. Chúng ta không làm được như vậy vì chúng ta sống trong một chế-độ dân-chủ pháp-trị, có hiến-pháp minh-định quyền-hạn con người, chúng ta đang xây-dựng cho một đạo-lý bình-đẳng vị-tha, không thể chấp-nhận cho kẻ này có thể « cho roi cho vọt » người kia khi họ đáng thương hơn là đáng trách, bắt chấp nhân-phẩm con người. Nếu ta có làm như thế thì cũng sẽ có nhiều kẻ vì khiếp sợ mà biết đọc biết viết, nhưng lúc ấy họ biết đọc biết viết để làm gì khi họ phải thấy rằng ở xã-hội này tự-do của con người không có luật-lệ nào bảo-đảm cả và nạn-nhân thì bị đối-xử như tội-nhân ?

Nhưng với những biện-pháp dân-chủ nặng về cõ-động giải-thích mà không dọa-dẫm ép-buộc thì rồi sẽ có bao nhiêu người chịu đi học với chúng ta? Con đường đi tới một giải-pháp cho vấn-đề chắc chắn không hướng về ngã đó; nhất là vì dù chúng ta có làm được cách nào để cho các người lớn chịu đến học ở lớp bình-dân thì rồi số người không biết chữ trong dân-chúng cũng vẫn không bao giờ giảm bớt bởi những sự-kiện như sau:

Hằng năm, lớp thiếu-nhi lớn lên không đi học được, hoặc vì học quá ít mà quên hết chữ, sẽ tạo nên một lớp người mù chữ mới càng lúc càng tăng: nền Tiểu-học của ta chưa bắt buộc thì còn bỏ rơi một số trẻ ngoài nhà trường. Thêm vào đó, những người đã « tốt-nghệp » xong ở các lớp bình-dân của ta, lâu ngày không có sách đọc, không viết-lách tính-toán gì thì dần-dà rồi cũng quên hết: trí-não người lớn không còn non mềm như trẻ con, cố học thì mau nhớ nhưng rồi cũng mau quên, dốt vẫn hoàn dốt (1).

Bởi thế mà công-lao chống nạn mù chữ lâu nay chỉ là công dã-tràng và việc thanh-toán nạn này đã là một ảo-tưởng mà các chính-quyền lâu nay đeo đuổi; nếu không phải là chuyện tuyên-truyền suông thì cũng chỉ là một lối thanh-thỏa cái mặc-cảm trách-nhiệm với nhân-dân chứ thực ra chẳng giúp ích gì cho họ được.

Qua những nguyên-nhân bành-trướng và duy-trì nạn mù chữ nêu trên, ta thấy ngay được một giải-pháp: Nên ngăn chặn tận gốc rễ hơn là chữa trị trong tình-trạng hiện-thời: ngày nay nếu mọi trẻ em đều được đến trường học tập tới một trình độ tối thiểu sử dụng được đề khỏi quên thì khi chúng lớn lên, không còn có ai thất học nữa; lớp người lớn mù

chữ cũ sẽ già cỗi để dần dần biến mất đi. Kinh nghiệm đã cho thấy trong số người lớn chúng ta ngày nay những ai lúc nhỏ đã học đến lớp ba rồi thì lớn lên đến già cũng không quên chữ nữa mà còn có thể khá hơn nếu người ấy làm một nghề cần đến chữ nghĩa. Chúng ta có thể tùy khả-năng quốc-gia và nhu-cầu của xã-hội hiện tại mà định một mức học cao hơn, bởi vì sức học càng cao thì sau đó càng được sử-dụng khiến cho người ta có thể tự học hỏi thêm nhiều.

Có rất nhiều lý-do thuộc phạm-vi tâm-lý, kinh-tế, xã-hội khiến việc dạy học cho trẻ em thuận-lợi hơn việc dạy người lớn:

Trước hết là tâm trí của trẻ rảnh-rỗi, non mềm học dễ thu-nhận và tạo nên những ấn-tượng khó phai mờ về sau, trong khi tâm-trí người lớn luôn luôn bận rộn. Ở trình-độ trẻ con, thầy giáo có thể dùng những thủ-thuật sư-phạm để việc học có thích-thú, còn người lớn thì đã quen với một nếp sống không cần chữ nghĩa rồi, họ phải cố-gắng rất nhiều mới chấp-nhận được một viễn-tượng lợi-ích xa-xôi. Đối với những gia-đình nghèo khó thì trẻ em ăn mặc chưa hao tốn bao nhiêu, công việc làm lụng của nó ở gia-đình cũng không cần thiết bằng người lớn, nếu nhịn cho nó ăn học một thời-gian hay mỗi ngày 5,3 giờ cũng không thiệt-hại bằng người lớn phải bỏ công ăn việc làm, phương-hại đến mức sản-xuất. Trong một quốc-gia nếu người công-dân được học sớm, việc làm của họ

(1) Về phương-diện đầu-tư trong giáo-dục thì sự trẻ học ở trường rồi ra đời không dùng được cái học ấy hoặc quên mất hết đã là một trường-hợp thâm lỗi nặng-nề cho quốc-gia mà rui thay, cho đến bây giờ, ở nước ta ít ai đề ý tới.

sớm có năng-xuất cao đóng góp được nhiều vào tài-lợi chung hơn là để đến lớn mới lo học. (1)

Về tổ-chức giáo-huấn thì bàn ghế, lớp học dùng cho trẻ ít phải rộng lớn tốn kém hơn Việc tuyển lựa, huấn-luyện giáo-chức dạy trẻ em cũng dễ-dàng hơn là tìm giáo-chức cho người lớn mà khoa «sur-phạm tráng-niên» đến nay chưa có một kinh-nghiệm phổ-biến nào. (2)

Cuối cùng nếu cần phải «ra lệnh bắt» một số trẻ em phải đi học một tuần mấy ngày hay mỗi buổi trưa, buổi tối, hoặc khảo chữ chúng nó giữa đường thì sự việc cũng còn dễ coi hơn là làm như thế đối với người lớn. Nếu việc kiểm kê được chu-đáo và dạy dỗ đầy-đủ thì nạn thiếu-nhi phạm-pháp nhân đó cũng được bài trừ. Ở mỗi địa-phương, trẻ em ít phải đi làm ăn xa nhà nên việc kiểm-soát có thể chu-toàn được.

Khả-năng tài-chánh quốc gia tất nhiên sẽ không cho phép chúng ta dạy được tất cả các lứa trẻ em một lượt, bởi vì nếu được như thế thì chúng ta đã có một nền giáo-dục cưỡng-bách rồi. Chúng ta chỉ cần tập-trung tất cả năng-lực vào một số lứa tuổi và trong mỗi lứa tuổi đã chọn, không nên bỏ sót một em nào, khiến cho khi lứa tuổi ấy trưởng-thành thì không còn người mù chữ nữa. Lứa tuổi thích-hợp nhất để bắt đầu là lứa tuổi 12. Tùy khả-năng, mỗi năm chúng ta có thể dạy cho một số lứa từ đó trở lên đến 15, 17, 20 hay hơn nữa, càng lên cao, nạn mù chữ ở địa-phương càng được mau thanh-toán cho đến ngày quốc-gia có đủ phương-tiện thi-hành một chế độ giáo-dục cưỡng-bách ở Tiểu-học. Từ đó trở đi công-tác chống nạn mù chữ sẽ hoàn-thành vì không còn do đâu mà có người lớn mù chữ nữa.

Sở dĩ có việc chọn dạy từ lứa tuổi 12 vì tuổi này là tuổi con người bắt đầu phát-triển óc lý-luận, phương-pháp dạy đọc theo lối ráp vần (không dùng cho trẻ con) rất mau có hiệu quả, trẻ lại đã có một trình-độ tri-thức căn-bản và những kinh-nghiệm thực-tế hàng ngày khiến giáo-chức có thể dựa vào đó mà phát-triển các kiến-thức xã-hội và thiên-nhiên thực-tiến ở trình độ Tiểu-học.

Như vậy việc đầu tiên cần phải làm là kiểm-kê cho đầy-đủ số trẻ từng lứa tuổi ở mỗi ấp, rồi theo đó mà gọi đi học hàng năm những em mà gia-đình không cho đi học. Lâu nay đáng lẽ các giáo-chức và những người có trách-nhiệm giáo-dục từ trung-ương đến địa-phương đã phải làm việc này, hồ-sơ kiểm-kê các lứa tuổi thanh-thiếu-niên phải là hồ-sơ căn-bản mà họ phải giữ cập-nhật ở cơ-quan, bởi vì có nắm vững tình-hình này nhà-nước mới có chủ-rương thích-ứng để mở trường mở lớp hàng năm đáp-ấp nhu cầu dân-chúng, mới tiên-liệu được mọi kế-hoạch khác của quốc-gia.

Về kỹ-thuật giáo-huấn, thì có thể nói đây là những lớp Tiểu-học đoán-kỳ và chương-trình là chương-trình Tiểu-học rút ngắn. Việc rút ngắn này không làm giảm trình-độ học-sinh bởi vì trẻ đã lớn (12 tuổi trở lên) có những chuyện đã biết mà không cần dạy nữa, ý-chí học hỏi cũng hữu-hiệu hơn. Một chương-trình như vậy có thể quan-niệm chỉ gồm có 4 môn: Làm văn, Tập đọc, Chính tả và Toán. Các môn cần thiết khác như Khoa-học, Sử, Địa,

(1) Strumiline, một ông hàn nước Nga, năm 1924 nghiên cứu về công cuộc chống nạn mù chữ trong xứ, đã nhận định rằng một người có 4 năm học ở Trường Tiểu học thì năng-suất có thể tăng được 44% (tài liệu của UNESCO 1962).

(2) Trong thời buổi nam giới phải bận rộn như bây giờ, công việc cũng có thể chỉ cần đến nữ giáo chức.

Công-dân... đều nằm trong nội-dung của những môn Làm văn, Tập-đọc, Chính-tả. Qua giai-đoạn biết đọc biết viết rồi thì trẻ vừa học tập-đọc, làm văn, chính tả vừa học các kiến-thức phổ-thông chứa đựng trong các bài văn đã đọc, làm và viết ấy. (1) Muốn việc học được hữu-biệu thì cốt phải thường xuyên (cần bất như chuyện), mỗi ngày phải học ít nhất một buổi sáng, chiều, hoặc trưa, tối xen với buổi học của các trường nhà nước. Không nên dạy mỗi ngày một vài giờ để rồi những công việc làm lụng cả ngày làm quên lãng hết đi, không củng-cố được các thói quen tốt. Có thể tùy nhu cầu địa-phương từng mùa ăn làm mà cho học cả ngày hay một buổi nhưng cũng có thể cho nghỉ liên-tiếp nhiều ngày, làm sao sau từ một đến hai năm là hoàn-tất chương-trình chu đáo. Nhờ đó có thể tuyển ngay giáo-chức trong số người ở địa-phương cũng có nếp ăn làm như gia-đình trẻ. Văn-đề cán-bộ có thể khó trong lúc đầu, về sau, những người đã mẫn-khóa ở địa phương có thể được huấn-luyện dần dần để làm những giáo-chức mà mùa ăn làm hợp với học sinh.

Chủ-trương chung từ trung-ương là phải tùy khả-năng quốc-gia mà ấn-định một số lứa tuổi (từ 12 trở đi) thống nhất và mỗi năm cần phải thanh-toán cho hết số người mù-chữ trên toàn-quốc thuộc các tuổi ấy; nếu địa-phương nào có thừa sức, mới lo đến các lứa tuổi trên. Hiện nay có nơi phần lớn số trẻ em đã được gia-đình cho ăn học rồi, nên việc cưỡng bách chỉ đặt cho số ít còn lại; dù chính phủ có phải cung cấp sách vở bút mực hay trợ-cấp bằng tiền nữa cũng là chuyện có thể làm được vì thời-gian học không lâu và số trẻ này cũng không đông bằng số người lớn mù chữ.

Trong một quốc-sách chung chống nạn mù chữ cho toàn-dân thì không phải chỉ

lo cho con trẻ, nếu người lớn có thì-giờ và quyết-tâm tự đến dự các lớp trẻ em thì rất được hoan nghênh, miễn là họ phải theo đến nơi đến chốn không bỏ nửa chừng mà hoài công giáo chức.

Lại song song với chủ-trương chống nạn mù chữ từ trẻ em, một chương-trình trực tiếp giáo-dục bình-dân cho người lớn phải được đề ra, chủ yếu là xây-dựng cho họ có một trình độ thường-thức căn-bản, mà không cần phải biết đọc biết viết. Người ta không cần biết chữ cũng hiểu được luân thường đạ lý, bốn phần công-dân, ăn ở sạch sẽ, uống nước đun sôi; không cần biết đọc biết viết mới hiểu được cần phòng bệnh hơn chữa bệnh, không nên đi ngoài đường, quả đất là tròn, cam chuối có sinh-tổ..., Những cuộc nói chuyện công cộng, trình diễn văn-nghệ, hát đạo, phát thanh, truyền hình... là những phương tiện thường xuyên của một chương-trình giáo dục tráng-niên để giúp họ theo kịp những nếp sống văn-minh hiện-đại. Đọc và viết chỉ là phương tiện, khi phương-tiện ấy không giản-tiện nữa thì ta có thể đi đến mục-đích bằng một lối khác. Điều cốt-yếu là xây-dựng một nếp sống tự-do cho con người, giúp họ loại bỏ những thành-kiến, mê-tín ràng buộc họ về vật-chất cũng như tinh-thần.

Nói tóm lại, hiện giờ công-tác giáo-dục bình-dân chỉ cần nhằm truyền-đạt một trình-độ kiến-thức căn-bản thực-tiến, còn việc thanh-toán nạn mù chữ thì chỉ có thể đạt đến mục-tiêu bằng một kế-hoạch dài hạn nhằm giáo-dục cấp-tốc ngay từ bây giờ cho từng lứa tuổi thanh-thiếu-niên.

Ngày nay trong cảnh chiến-tranh dai-dẳng, sự giáo-dục con em đang bị quá nhiều thua thiệt, nếu không nghĩ đến

(1) Một học-chế thời chiến cho quốc-gia. Bách-Khoa số 270 ngày 1-4-68.

một biện-pháp đón đầu từ bây giờ thì rồi đây nạn mù chữ, thất học sẽ tăng lên gấp bội trong số người lớn về sau, báo hiệu một thời kỳ ngưng-trệ vì thiếu khả-năng nhân-sự trong mọi ngành sinh-hoạt quốc-gia.

Mặt khác, chúng ta không nên quên rằng trong kỳ họp tháng 4 năm 1962 tại Đông-kinh của các quốc-gia tham-dự kế-hoạch Karachi, là kế-hoạch đề-nghị một chương-trình thực-thi cưỡng-bách học-vấn 7 năm ở bậc Tiểu-học trước 1980 ở các nước châu Á (1), trong khi phần đông các nước đã xác-định được một thời-hạn đề khởi đầu kế-hoạch này thì phái-đoàn Việt-Nam ta đã không đưa ra được một dự-định nào, vì lý do chiến cuộc (Rapport de la Réunion des Ministres de l'éducation des états membres d'Asie qui participent au plan de Karachi-Unesco-Bangkok 1962 trang 12). Cho đến bây giờ chúng ta đã làm được những gì ?

Cho nên trong hiện-tình đất nước, đang có hai chủ-trương mà cuộc chiến đang làm ngưng-trệ ở lĩnh-vực giáo-dục: một là chống nạn mù chữ, hai là cưỡng-bách học-vấn. Kế-hoạch đề ra trong bài này nhằm cả vừa trẻ em bây giờ vừa

người lớn về sau, nên thiết tưởng sẽ đáp ứng được cho cả hai vấn-đề trong những điều-kiện phương-tiện và thời gian thích nghi với một thời-chiến.

Trong một cuộc chiến-tranh mà kẻ địch chỉ bám vào phương-châm trường-kỳ và toàn-diện đề nhằm tiêu-hao dần mòn chờ đến khi nào ta nản lòng bỏ cuộc, thì nếu không có một cuộc kháng-cự lâu dài trên mọi lĩnh-vực, nếu chờ đến thái-bình mới chịu bắt tay vào việc trong một phần sinh-hoạt quốc-gia thì cái ngày phải bỏ cuộc chắc chắn sẽ không xa. Ta chỉ nắm chắc phần chủ-động khi nào ta tìm ra được một phương-thức sinh-hoạt thời-chiến ở tất cả mọi ngành. Huống chi xưa nay trong kiếp sống ở thế-gian này, người ta có chiến-đấu mới bảo-vệ được hòa-bình cũng như chỉ hưởng hòa-bình để phòng ngày chiến-đấu thì giữa chinh-chiến với hòa-bình chỉ khác nhau ở hình-thức, chứ bản-chất sinh-hoạt của con người không thể có hai.

ĐOÀN-NHẬT-TÂN

(1) Đề ra trong Hội-nghị 17 nước hội-viên cơ-quan văn-hóa quốc-tế Unesco họp tại Karachi vào tháng cuối 1959 đầu 1960.

THƯ-LÂM ẤN THƯ-QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cở áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện số 2.701

Thư - Lâm ấn thư - quán.

Bước đi của lịch-sử Phật-giáo

Phải phân biệt Phật giáo tại Trung-Hoa và Phật giáo Trung-Hoa. Phật-giáo tại Trung-Hoa là hình thức Phật-giáo còn giữ nguyên tính chất triết lý từ Ấn - Độ đem về, chưa chịu một ảnh hưởng nào với truyền thống Trung Hoa và do đó, không có ảnh hưởng nhiều đối với đại chúng nhân dân, không đóng vai quyết định vào chiều hướng tiến hóa tinh thần của Trung Hoa. Ngược lại, Phật giáo Trung Hoa là một thứ Phật giáo có sự dung hoà hỗn hợp với truyền thống Trung Hoa, một thứ Phật giáo được Trung-Hoa-hóa và đã có một ảnh hưởng sâu rộng vào triết học, văn học, nghệ thuật Trung-Hoa... (1)

Thật vậy, Phật giáo tại Trung Hoa như là một kẻ ở trọ, một khách ngoại kiều. Còn Phật giáo Trung-Hoa mới là dân bản xứ. Vì thế Phật giáo Trung Hoa có trách nhiệm với mọi cuộc thăng trầm cũng như trải qua bao nhiêu vinh nhục của xứ sở. Nói tắt hơn, chỉ có Phật giáo của địa phương mới thoát khỏi tình trạng lệ thuộc tư tưởng một cách lệch lạc, và đồng thời cũng bảo đảm được sự trường cửu cho Phật giáo.

Từ đó, nhìn qua các nước láng giềng Trung Hoa như Tây Tạng, Cao Ly, Nhật Bản, Việt nam... người ta cũng đều có một nhận xét tương tự. Tất cả đều chịu ảnh hưởng từ Ấn Độ hay Trung Hoa, nhưng lại không phải là Phật giáo Ấn Độ hay Trung Hoa. Phải chăng

nhờ thế Phật giáo, tuy bị suy tàn tại Ấn Độ sau cuộc xâm lăng của quân Hồi vào thế kỷ 12, mà ở Trung Hoa cũng như các nước khác, vẫn không bị ảnh hưởng, ngược lại, có nơi còn phát triển rộng rãi hơn, phong phú hơn. Đặc tính luôn luôn tùy thời, tùy cảnh, vừa chịu ảnh hưởng vừa sáng tạo của giáo lý đức Phật quả là một đặc điểm hiếm có trong lịch sử tôn giáo nhân loại.

oOo

Sau Phật diệt độ khoảng 100 năm nhóm tỳ khưu dòng Tỳ-xá-li (Vijji) đưa ra 10 điều giải thích giới luật có tính cách khoan đại. Lối giải thích này, dĩ nhiên đưa đến tranh chấp. Và kết quả là giáo - hội phân hai : Thượng-tọa-bộ, khuynh hướng bảo thủ, và Đại-chúng bộ, tư tưởng canh tân.

Rồi sau Phật diệt độ khoảng 200 năm, Ngài Đại-Thiên (Mahadeva) đưa ra 5 tân thuyết nhằm chỉ trích quả vị A-la-hán (quả vị cứu cánh của giáo lý nguyên thủy) còn nhiều thuyết điểm. Đó là biếm cổ mở màn hướng về tư tưởng mới : tư tưởng Đại-thừa. Từ đó người ta thấy có một lối cắt nghĩa khác về giáo lý Đức Phật : Giáo lý Đức Phật gồm 2 phần : Thịnh-văn tạng, giáo - lý chỉ đưa đến cứu cánh là quả vị A-la-hán, và Bồ-tát tạng là giáo lý Đức Phật dạy

(1) Theo Nguyễn-Đăng-Thục, Lịch sử triết học Đông phương quyển 4, trang 293.

riêng cho hàng Bồ-lát với những công hạnh đưa đến Phật quả.

Hai biến cố trên là hai biến cố quan trọng trong lịch sử Phật giáo. Biến cố đầu đưa đến phân chia giáo hội và biến cố sau dẫn đến ngã rẽ của giáo lý. Đứng về mặt truyền thống, có người sẽ bị quan mà than thở rằng, đó là những biến cố báo hiệu cho sự xuống dốc, suy tàn. Nhưng nếu đứng về phương diện khách quan của lịch sử mà nhìn, chẳng có gì để mà thở than cả. Thay đổi để thích hợp là lẽ tất nhiên không thể nào tránh được, dầu thay đổi dưới hình thức tiệm tiến hay bộc phát.

Bởi lẽ xã hội sau Phật 100 hay 200 năm đầu còn y hệt như xã-hội lúc Phật tại thế. Hơn nữa, khi còn tại thế, Đức Phật là người đủ đức đủ tài có thể chế ngự cả bên trong lẫn bên ngoài giáo hội. Nhưng sau khi Ngài diệt độ rồi, ai là người có đủ những điều kiện như Ngài để duy trì giáo hội như cũ sau một hai trăm năm.

Chính Thượng-tọa-bộ có tiếng là bảo thủ, thế mà chỉ trong vòng 100 năm sau đã phải chia làm 11 bộ phái, nhiều hơn Đại-chúng-bộ là phái có tiếng chịu tư tưởng cạnh tân.

Mặt khác, Ấn-Độ lúc bấy giờ là nơi phát xuất nhiều khuynh hướng triết lý. Thế mà, khi còn tại thế, Đức Phật đã hàng phục tất cả tư tưởng ngoại đạo để phát huy tư tưởng của Ngài. Ngoại đạo như bị đè bẹp dưới một tảng đá lớn. Nhưng một khi tảng đá lớn kia không còn nữa, bao nhiêu cây cỏ ngoại đạo lại có dịp ồ ạt vươn lên. Lịch-sử đã cho thấy sau khi Phật nhập diệt, các học phái ngoại đạo như Thắng-luận, Số-luận.. được phục hưng và lên tiếng bài xích Phật giáo mãnh liệt. Nếu giáo hội chỉ mãi

mãi đi theo những đạo-đức luân lý mà thôi thì tìm đâu ra những lý-giải chặt chẽ để có thể hàng phục được ngoại đạo.

[Phải chăng vì thế mà từ thế kỷ thứ 2 sau tây lịch trở đi, các nhà tư tưởng Phật giáo Ấn-Độ lại chuyển hướng về suy luận, phê phán hơn. Chính nhờ thế mà tư tưởng Đại Thừa Phật giáo được hệ-thống và kiện toàn hết sức chặt chẽ, phong phú, chẳng những có thể hàng phục được ngoại đạo lúc đó mà cả đến ngày nay vẫn còn rực rỡ. Học phái Trung-quán do Ngài Long Thọ (Nagarjuna) đề xướng từ thế kỷ thứ 2 và học phái Du-già do hai anh em Ngài Vô Trước (Asanga) Thế Thân (Vasubandhu) sáng lập vào thế kỷ thứ 4 sau tây lịch, là hai khuynh hướng triết lý của Đại thừa Phật giáo cạnh tranh nhau phát triển đến nỗi không còn một học phái ngoại đạo nào theo lãng vãng quấy rầy nữa.

oOo

Thế rồi Phật giáo truyền sang Trung Hoa và dần dần trở thành Phật giáo Trung Hoa. Phải chăng vì phải thích nghi với truyền thống triết lý của Trung Hoa nên tư tưởng của 2 học phái Trung-quán và Du-già từ Ấn-Độ truyền qua đã nảy nở ra trên 10 tôn-phái với những sáng tạo bổ khuyết lẫn nhau. Trung Hoa đã có từ xưa một-hệ thống tư-tưởng hướng về thực tiễn. Cho nên Phật-giáo từ Ấn-Độ được tăng cường thêm tính chất thực tiễn của Trung Hoa mà trở thành một thứ Phật giáo đặc biệt Trung Hoa.

Do đó, các học phái tạo dựng buổi ban đầu ở Trung Hoa theo tính chất Ấn-Độ đều dần dần bị mai một, nhường chỗ cho sự trường cửu lâu bền theo lối tổ Chức thành tôn-phái của Phật giáo Trung-Hoa.

Lịch sử đã cho thấy tư tưởng Trung-quán của ngài Long Thọ (Nagarjuna) được Ngài Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva) dịch ra tiếng Trung Hoa và mở ra học phái Tam-luận-tôn vào thế kỷ thứ 5.

Mặc dầu tôn này đã có lần thay đổi thành Tân Tam luân tôn vào đời Đường (618-907) vẫn không trường cửu và chặt chẽ cho bằng khi các ngài Huệ Văn, Huệ Tư và nhất là Trí Khải đời Tùy (590-617) đã tổ chức lại thành Thiên-thai-tôn. Giáo lý của Phật không phải chỉ chia làm 2 thời như ở Ấn Độ, 3 thời như Tam-luận tôn chủ trương, mà được chia làm 5 thời với một lập luận rõ ràng hơn. Một thí dụ khác, đời Đường (618-907). Ngài Huyền Trang đã khổ công nhọc sức sang tận Ấn Độ tham học gần 20 năm trời, khi trở về Trung Hoa mở ra Pháp-tướng-tôn, nhưng tôn này lại mau suy tàn, không bằng Thuyền-tôn là một tôn do Ngài Bồ-Đề Đạt-Ma (Boddhidharma) khai sáng tại Trung Hoa vào đời Lương Vũ Đế (502-549), đến nay vẫn còn ảnh hưởng chẳng những ở Trung Hoa mà cả đến những nước láng giềng.

Phải chăng Ngài Huyền Trang đã chú trọng nhiều về mặt triết lý Ấn Độ mà xem nhẹ tính chất đặc thù của xã hội Trung Hoa, trong khi các vị tổ sư của Thuyền-tôn luôn luôn tìm cách thích ứng với mỗi hoàn cảnh xã hội.

Từ đời Minh (1361-1661) trở đi, Phật giáo Trung Hoa dường như ở trong trạng thái « đứng lại » và những người đương thời, hầu hết đều cố tạo ra một thế duy trì hơn là phát triển. Các nho gia đưa ra những chủ trương điều hòa với Phật giáo, Lão giáo như Vương Dương Minh, Trần Bạch Sa. Và ngược lại, các vị danh tăng của thời này cũng cùng một chủ trương như thế qua các

Ngài Vân Thê, Trí Húc, Đắc Thanh. Chẳng những thế, ngay bên trong Phật giáo Trung Hoa cũng đã có một khuynh hướng, đó là khuynh hướng tổng hợp dung hòa các tôn phái. Chẳng hạn tiêu đề : giáo thuyên nhất chí, tức là thuyên và giáo dung hòa với nhau. Hay là một lối giải thích khác rất được thịnh hành lúc bấy giờ : Thuyên là Phật tâm, Giáo là Phật ngữ và Luật là Phật hạnh nhằm dung hợp các tông về Thuyên, Giáo và Luật. Qua sự kiện này, nếu xét về mặt tư tưởng, đây là một hiện tượng ngưng đọng, mà ngưng đọng là đi xuống. Nhưng nếu xét theo lịch sử Trung Hoa, dường như, nếu không có khuynh hướng dung hợp này thì hậu quả sẽ còn bi đát hơn nữa. Vì sao ? Trước thời Minh là Nguyên và sau thời Minh là Thanh là hai triều-đại mà người Trung Hoa có cảm tưởng như bị ngoại nhân thống trị. Đã thế, các triều Nguyên cũng như Thanh lại du nhập và tôn sùng Lạt-ma giáo từ Tây Tạng là một giáo phái không thích hợp với người Trung Hoa. Có lẽ vì mặc-cảm dân-tộc bị dồn ép mà đưa đến khuynh hướng dung hợp chẳng ?

Cuối đời Thanh, Trung Hoa bước vào cuộc Cách-mạng Tân-Hội (1911), Phật giáo Trung Hoa cũng bước vào một phong trào mới : Phật giáo tân vận động do Thái-Hư Đại-sư đề xướng với ba tiêu chuẩn : cách mạng giáo lý, cách mạng giáo chế và cách mạng giáo sản. Nhưng rồi, cũng như kết quả cuộc cách mạng Tân Hội, cuộc tân vận-động Phật giáo Trung Hoa của Thái Hư Đại-sư cũng trở nên im lìm sau khi Ngài từ giả cõi đời vào năm 1947.

Nếu có một cái nhìn tổng quát, người ta đều nhận thấy Phật giáo Trung Hoa

luôn luôn uyển chuyển theo mọi hoàn cảnh xã hội, thích nghi với mỗi giai đoạn của lịch sử. Nhờ thế mà Phật giáo không bị mai một, mặc dầu, theo lịch sử, Phật giáo Trung Hoa đã có những 4 lần bị cố ý tiêu diệt mà được quen gọi là « Tam Vô nhất Tôn chi ách » cũng như những vụ hữu ý khác về sau này.

oOo

Trở về Phật-giáo Việt-Nam, thế nào ?

Từ ngày tổ Ty-ni-đa-lưu-chi (Vinītaruci) qua Việt Nam năm 580 mở ra phái truyền-tôn thứ 1 cho đến nay, phái chẳng đã không có một thay đổi ?

Thật ra, đã thay đổi nhiều. Nếu không quá sai, có thể nhìn thấy ba sắc thái đặc biệt ở ba giai-đoạn lớn. Đó là Phật giáo Lý Trần, Phật-giáo Lê Nguyễn và Phật giáo hiện đại.

Lịch sử Lý Trần là một lịch sử dân tộc độc lập. Và Phật giáo của thời này cũng là một thứ Phật giáo độc lập, chẳng những ở phương diện tổ chức mà cả ở tư tưởng, giáo nghĩa. Mặc dầu đến lúc này đã có ba phái truyền-tôn từ Trung Hoa truyền sang : Phái thứ nhất do Ngài Ty-Ni-Đa-Lưu Chi năm 580, phái thứ hai do Ngài Vô-Ngôn-Thông năm 820 và phái thứ ba do Ngài Thảo-Đường năm 1069. Nhưng tại Việt-Nam cũng tạo dựng riêng một phái truyền-tôn khác. Đó là phái Trúc Lâm Yên-Tử mà đệ nhất tổ là Hương Vân Đại-Đầu-Đà tức vua Trần-Nhân-Tôn (1279-1293). Theo lịch sử, phái Trúc Lâm Yên-Tử đã có một ảnh hưởng khá lớn không những trong giới hoàng thân, quốc thích, văn võ bá quan mà cả đến ngoài quần chúng nhân dân nữa.

Tư tưởng Thiền của Việt Nam lúc này cũng đã đến một mức khá cao đến nỗi các thiền-sư Trung-Hoa cũng phải

nghe ngậm miệng bái phục. Vua Lý Nhân-Tôn trao cho sứ thần Trung Hoa quyền « Được-sư thập-nhi nguyện văn » của Viên Chiếu Thiền-sư đề dâng cho vua Triết-Tôn nhà Tống. Vua Tống giao sách ấy cho các vị thiền-sư ở chùa Trấn-Quốc xem thử có chỗ nào đáng sửa thì sửa lại. Các thiền sư Trung-Hoa này xem xong, đã phải tâu rằng :

« Đây là đấng hóa thân Đại-sĩ ra đời ở phương Nam, giảng giải kinh nghĩa rất tinh vi, bọn phàm tăng chúng tôi đâu dám thêm bớt một chữ nào nữa ».

(Mặc-Thề-Việt-Nam Phật giáo sử lược-in lần thứ 3-trang 134)

Nhưng từ đời Lê đến Nguyễn, có thể nói Phật giáo Việt Nam ở vào một trạng thái ngưng đọng, nếu không nói là suy tàn, chỉ còn tính cách hình thức. Đôi lúc có cố gắng làm sống lại ít nhiều không khi tốt tươi ngày trước, chứ không sáng tạo thêm một sắc thái nào mới mẻ cả. Thượng Tọa Mật Thề nói về giai đoạn Phật-giáo-sử này đã phải nhận xét :

— Phật-giáo thời hậu Lê :

« . . . các tăng sĩ lúc ấy, nhân lúc nhân dân được tự trị, tự lập, dù cố duy trì lấy đạo Phật thì chẳng qua chỉ là một sự tín ngưỡng theo hình thức mà thôi ».

(sách đã dẫn — trang 172)

— Phật-giáo thời Nguyễn :

« Nhưng thật ra, Phật-giáo thời này đã kém lắm rồi, nên dầu các triều vua vẫn tín ngưỡng, sùng phụng, làm chùa đúc tượng mà tinh thần Phật giáo vẫn suy »

(Sách đã dẫn — trang 222)

Không còn tinh thần thích ứng thì dĩ nhiên Phật giáo chỉ còn là một hình thức cúng bái, cầu đảo, xây chùa, đúc

tượng để kiểm phước. Bởi thế, sau cùng, tác-giả Việt-Nam Phật-giáo-sử lược kết luận một cách bi thảm :

« Trong lịch sử Phật-giáo Việt-Nam ta có thể đánh vào đây một dấu than (!) rất to tướng ».

(Sách đã dẫn — trang 224)

Cứ chủ quan mà nhìn, thì bất cứ một người Phật-tử nào, bất luận Táng hay Tín, cũng phải đồng ý với tác giả VN PGSL nên đánh một dấu than (!) to tướng cho giai đoạn Phật-giáo-sử này. Nhưng khách quan mà nghĩ cho cùng nếu không nhờ cái Phật-giáo hình thức này, thì đến bây giờ có lẽ Phật-giáo Việt-Nam đã không còn gì nữa.

Bởi lẽ, bước vào đầu thời Hậu Lê (1428-1788), Phật-giáo Việt-Nam đã bị đè bẹp dưới thế lực của Nao-si và cũng đã có nhiều mưu mẹo để hạn chế Phật-giáo. Chẳng hạn cứ xem một việc này thì đủ rõ. Sách Việt-Nam sử-lược của Trần-Trọng-Kim, in lần thứ 7, trang 235, có ghi như sau:

« Những người đi tu đạo Phật. đạo Lão cũng phải bắt thi kinh điển của đạo ấy, hề ai trúng thì cho phép làm tăng, làm đạo sĩ, ai thì hỏng phải về tục làm ăn ».

T.T. Mật Thề, ở sách Việt-Nam Phật-giáo sử-lược, đã nói rõ hơn về chuyện này :

« Năm Thuận Thiên thứ 2 (tức năm 1429 — triều Lê-thái-Tổ) mở một kỳ khảo hạch tăng đạo, người nào trúng tuyển thì được ở chùa, người nào hỏng thì phải hoàn tục » (trang 172)

Sự kiện trên, tưởng đã có một dụng tâm chính trị rất khôn khéo. Bề ngoài có vẻ để chọn lọc các bậc tăng tài, đạo sĩ để giữ gìn đạo pháp. Nhưng nếu đúng nghĩa

như thế, thì từ đây phải được rạng rỡ hơn mới phải, chứ tại sao lại suy tàn trầm trọng hơn trước ?

Thực ra chủ tâm của triều Lê là tôn sùng Nho giáo, để dùng giai cấp Nho sĩ phục vụ cho triều đình. Và nhân lúc Phật giáo qua phân mới tìm ra một cơ khéo để hạn chế. Thử hỏi ai làm giám khảo để khảo hạch kinh điển cho các tăng sĩ ứng thí, nếu không phải là các nho sĩ của triều đình ? Do đó các vị tăng sĩ hiểu biết có thể không dự thí, hoặc nếu có dự chẳng nữa cũng có thể bị đánh hỏng để buộc phải hoàn tục theo lệnh của triều đình.

Tuy nhiên, nếu khách quan mà xét lại, Phật giáo từ cuối đời Trần trở đi có nhiều triệu chứng suy vi, phân tán. Táng sĩ quá đông đảo lại không được tổ chức chặt chẽ, không được giáo dục chín chắn. (Việt-nam Phật-giáo sử lược, trang 166, 167, 168). Tình trạng như thế lại kéo dài qua những thời kỳ loạn lạc : Hồ, Hậu Trần, thuộc Minh cho đến Hậu Lê, có thể tình trạng kể trên còn trầm trọng hơn nữa... Do đó mà triều đình Hậu Lê mới có cơ rất thích đáng, đứng ra khảo hạch để gọi là gạn lọc tăng sĩ.

Có điều lạ lùng, Phật giáo đã được triều đình gạn lọc kỹ như thế, lại càng ngày càng nghiêng hẳn về những hình thức cúng bái cầu đảo rất trầm trọng đến nỗi vào triều Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận - nguyên niên (tức năm 1460) có lệnh cấm các tăng sĩ không được giao thiệp với dân trong thành và, năm sau, lại có thêm lệnh không được cất thêm chùa,

« Việt-Nam sử lược-trang 244
Việt - Nam Phật-giáo sử lược-
trang 173-174 ».

Mà cấm là phải, vì tinh thần Phật-giáo đã không còn, thì những hình thức cúng bái, cầu đảo rộn ràng ấy chỉ làm hại cho dân chúng. Dĩ nhiên đó cũng là một lý do khá hợp lý để đi thêm vài bước nữa.

Cho nên Phật-giáo còn lại của giai đoạn này, tất chỉ còn là tín ngưỡng tạp nhạp theo hình thức. Và như trên đã nói, nếu không chỉ còn như thế, thì đến bây giờ đã không còn gì nữa.

Mặc dầu vậy, cũng nên mở một đầu ngoặc về Phật Giáo Việt Nam sau thời Lê trung hưng (1533-1788), nhất là ở làng trong, có phần phát triển khả dĩ làm sống lại ít nhiều hương sắc thời xưa. Các phái truyền-tôn Nguyên Thiều, Liễu Quán, lần lượt ra đời. Sự chứng đắc cũng đã có ghi lại rải rác trong lịch sử. Tuy nhiên về giáo nghĩa vẫn là giáo nghĩa của Phật giáo Minh, Thanh ở Tàu. Phải chăng vì vậy mà ngoài sự chứng đắc của vài vị trong truyền môn, Phật giáo vẫn không có một tác dụng nào thiết thực đối với quần chúng đương thời. Quần chúng vẫn đi theo con đường của Phật giáo hình thức, cúng bái, cầu đảo. Thậm chí đến những hạng văn nhân trí thức của thời này cũng chỉ hiểu Phật giáo một cách lơ mơ lớt phớt, thì trách gì Phật giáo không trở về con đường suy tàn như cũ, mặc dù vẫn được các vua chúa đương thời sùng bái, ủng hộ việc xây chùa đúc tượng.

Phần chính, như ai cũng biết, đó là giáo nghĩa. Giáo nghĩa có thích hợp với hoàn cảnh xã hội không, có thỏa mãn được trí thức con người đương thời không? Nếu không, giáo nghĩa ấy cũng chỉ là một thứ giáo nghĩa cho có hình thức chứ chẳng có lợi gì.

Sau cùng nói đến Phật-giáo Việt

Nam hiện đại. Có thể nói Phật giáo Việt Nam hiện đại được đánh dấu bằng những biến chuyển từ năm 1930 trở lại đây. Nguyên nhân có giai đoạn lịch sử này là do ảnh hưởng cuộc tân vận động của Phật giáo Trung Hoa của Thái Hư Đại sư đề xướng. Việt Nam hồi ấy còn ở trong chế độ ba kỳ, mà cả ba kỳ đều có những hoạt động mới của Phật giáo.

Nam-kỳ nghiên-cứu Phật-học-hội (1931) An-nam Phật-học hội (1932) và Bắc kỳ Phật giáo Tổng hội (1934) lần lượt ra đời. Các trường Phật học được thành lập, tạp chí Phật giáo được xuất bản. Năm 1952, một hội nghị thống nhất đã mở ở Huế. Và từ đó đến nay Phật giáo đã có những sinh hoạt nào và đã đi đến một trạng thái như thế nào chắc ít nhiều mọi người cũng chưa quên hẳn. Song song với thời-kỳ này, lịch sử dân tộc cũng đã có nhiều biến chuyển và do đó xã hội Việt Nam cũng đã trải qua nhiều sắc-thái mới.

Kể viết bài này không có cao vọng đi tìm một nhận xét nào đó cho Phật-giáo Việt Nam hiện đại, lại cũng không phải để cả quyết một hướng đi nào đó cho Phật giáo Việt nam hiện đại. Bởi lẽ công việc này không phải công việc của một cá nhân và thời đại này cũng không phải là thời đại của một người. Thực ra, chúng tôi chỉ muốn tìm lại những bước đi của lịch sử, hay đúng hơn, tìm lại những nét uyển chuyển, thích nghi của Phật giáo qua mọi trạng thái lịch sử để xem có thể soi sáng phần nào cho hiện tại hay không. Và câu trả lời có hay không xin nhường lại cho quý vị, những người đã ít nhiều chịu ảnh hưởng với nền đạo đức dân tộc.

NGUYỄN THẢO

(trích tập Hoa đào năm ngoái)

TÔI NHỚ HUẾ

III. THUẬT MỘT CHUYẾN ĐI SĂN ĐỒ CỔ HUẾ : tô tể khí Đặng-Huy-Trứ làm năm Mậu-Thìn đời Tự-Đức (1868).

(Xin xem BK. TĐ. từ số 275)

C.— Tả hình dáng cái tô.— Tôi nói đông dài, các bạn sẽ hỏi cái tô ấy có chỗ gì quý mà tôi gắn bó đeo đuổi theo mấy năm trời như vậy ? Cũng có duyên do và đề thủng thẳng cho tôi trả lời :

Tô tròn, cái lòng trẹt trẹt, kiểu chuyên-môn gọi « lòng chảo ».

Đo : bề ngang trên miệng, bề kinh-tâm được : 215 ly Tây (215m/m)

bề cao từ đáy lên miệng : 80 ly Tây (80m/m)

bề kinh-tâm dưới khu tô : 85 ly Tây (85m/m)

Số vô bộ nhà V. H. S. : 891

Ngày mua : 31-3-1968

Giá mua : 10.000 đồng bạc.

Giá trị (1) : 60.000 đồng.

Tô vẽ rai da lốm đốm như bông mai, gọi « mai-hoa-lộc », năm con tụ đứng dưới gốc một cây tùng già, gần đường, khoảng mùa đông. Kế bức vẽ có đề một hàng chữ Hán « Đông mạch tự cô tùng ». Dưới đáy tô (khu tô) có đề mười sáu chữ Hán vẽ trong một vòng tròn như vậy :

Tự-Đức : Đời vua Tự - Đức (1847-1883)

Mậu-Thìn : năm Mậu-Thìn, dương-lich 1868

Trung-Thu : ngày trung-thu, rằm tháng tám âm-lich

Đặng : họ Đặng

Quý : nhỏ, bậc thứ

Từ-đường : nhà thờ tổ tiên, nhà thờ một họ

Tể-khi : đồ dùng trong việc cúng tổ-tiên (và thần Phật)

Đông : mùa đông

Mạch : đường huyết chạy trong thân thể

Cô : một mình

Tùng : cây thông lá luôn luôn xanh, biểu hiệu người quân-tử.

16 chữ ấy có nghĩa là : làm ngày Trung-thu năm Mậu-Thìn đời Tự-Đức (1868 dl), vật dùng làm đồ thờ đề tại nhà từ đường họ ĐẶNG dòng út... và riêng câu « Đông mạch cô tùng » viết lên trên thêm chữ « tự » cho thành câu thi ngũ-ngôn, đủ nghĩa, coi vậy mà xắc ngẫm ! Ý nói : thân tôi khác thể gốc tùng già, tuy còi cọt đã, vào mùa đông, nhưng nhờ đất có phong-thủy, nên hiện có năm con

(1) Tính theo số tuổi 100 năm (1968x1868) hơn cho tiền muốn giữ món đồ tính mỗi tháng 30 đồng (mỗi ngày 1 đồng tiền công) (3 đ. X 12) X 100 : 36.000đồng.

lộc châu dưới bóng (nhà có ngũ phúc, hoặc năm quý-tử).

Còn dựa theo hai chữ « *tế-khi* », định đây là tô chứa nước lã thường để trên bàn thờ, gọi tắt « *tô thờ* ». Đúng ra là một cặp, vì phong-tục ta thờ đủ cặp, cần kèm hai bên lư hương đồng. Vì là *tế-khi* nên không đặt làm nhiều như đồ vật dụng khác. Còn một cái tô nữa cho đủ cặp thì nay ở đâu?

a) nếu có tại nhà thờ Đặng-Huy-Trứ thì người đi mua tô (ông K.O.?) đã rinh luôn một lượt với cái tô hiện nay về tay tôi đây rồi;

b) tôi định cái tô thứ hai đã không còn, hoặc bể hoặc mất, cho nên người mua không gặp. Không thể tô đã bán cho người khác được, vì phạm nếu muốn bán thì bán đủ cặp được giá hơn. Bán cái trước cái sau sẽ mất giá. Không lẽ đồ *tế-khi*, đồ hương-hỏa lại chia nhau: luật-lệ không cho phép. Đồ thờ, chi nào lành thờ-phụng sẽ hưởng trọn. Tô kia không còn. Tô này là duy nhất, là có một không hai (*độc nhất vô nhị*). Chính ông K.O. không biết việc này, nếu biết hoặc ông không bán hoặc bán còn mất hơn nhiều nữa.

Mà không phải vì nó có một, nên tôi gọi rằng quý và vì vậy mà tôi tìm mua cho được. Sở dĩ tôi mua là vì tôi cần có một món đồ cổ chứng minh về nước men đồ sứ « *bleu de Huế* » (đồ sứ men lam Huế). Trong nhà tôi, suốt một đời, tôi nhịn ăn nhịn mặc, để vợ con rách rưới, là vì có bao nhiêu tiền tôi rút rĩa đem mua đồ sứ men lam. Tôi không điên đâu? Nhưng còn nặng hơn điên, vì cái bệnh của tôi là bất chấp chánh-phủ, tôi muốn từ một mình, lấy sức cá-nhân, tôi nghiên-cứu và vạch ra cho đồng-bào, cho bất cứ ai chơi đồ cổ như tôi, biết « *cách thức*

nghiệm xem và phân biệt các thứ đồ sứ cổ men lam của xứ Huế » (cái nào xưa, cái nào mới, cái nào thuộc đời nào, cái nào giả, cái nào thiệt, vân vân...). Tôi đã có khá nhiều món đủ chứng minh vật làm những năm đi sứ sang Tàu, tỷ như:

1) bộ chén trà năm Giáp-Tý (1804) là làm vào năm phong sắc cho Gia-Long. (tuy tháng năm năm Nhâm-Tuất (1802) đã lập đàn tế cáo trời đất, thiết triều đề các quan châu mừng, đặt niên hiệu là Gia-Long nguyên niên; nhưng đến năm Giáp-Tý (1804) Thanh-triều mới sai quan án-sát-sứ Quảng-Tây là Tề-Bổ-Sâm sang tuyên phong... và đến năm Bình-Dẫn (1806) vua mới làm lễ xưng đế hiệu ở điện Thái-Hòa (bao nhiêu tài-liệu đủ chứng minh mấy năm đầu chưa đại định)).

2) bộ chén vẽ tích « *ngũ liễu* » làm vào năm đi sứ triều Tự-Đức Đinh-Ty (1857) mượn hai chữ « *ngũ liễu* » cũng đọc « *ngũ lão* » để cầu viện binh, vì hai năm sau là xảy ra trận giặc Việt-Pháp-I-pha-nho và mất Nam-kỳ (1859);

3) tô vẽ tứ thời làm vào năm đi sứ Gia-Long Mậu-Thìn (1808);

4) tô vẽ « *anh hùng độc lập* » vẽ con gấu đứng dưới gốc, con ó đậu trên cây; kiểu này cũng gọi « *gấu ó* ». Niên hiệu đề « *Cảnh Thôn* » (1820) đây là năm đi sứ triều Minh Mạng qua Tàu tuyên cáo và cầu phong rồi đặt làm bên ấy Men cổ hơn men bộ « *ngũ liễu* » « 1857 », nhưng không nên kéo lên một con giáp nữa là 1760, Cảnh-Hưng thứ 21, sứ bộ Lê-Quí-Đôn, vì tô này men tuy già già, nhưng tuổi chưa đến cỡ 1760 đâu.

5) Tôi lại có một bình tích sứ thật to, đủ nắp vôi, vẽ tứ linh và mỗi linh thú « *long-lân-qui-phụng* », đều có một bài thơ kể bên. Hiệu đề « *Thanh-Tường*

Thuy-chế » tôi còn đang truy có phải của chúa Trịnh-Sâm (1767-1782) ? Vì Tĩnh-Đô-Vương, niên hiệu là Thánh-Tồ *Thạnh-Vương*. Dầu sao vật này là loại « quân diêu » (kuan-yao) do lò sứ Trung-quốc của vua dạy làm dâng chúa Trịnh như lễ tứ tuần khánh thọ chăng ? Định theo nước men và nét vẽ linh-dộng thì ắt làm lối năm Canh-Tý (1780) đời Kiêu-Long (1736-1796). Năm 1780, chúa Trịnh Sâm được 41 tuổi, và mất năm 1782, vừa 43 tuổi (sinh năm 1739).

Nay đồ xưa tôi đã hạ thổ, không xem kỹ được mà viết xác đáng, duy tóm tắt là tôi có gần đủ món dùng nghiên cứu nước men phần lớn đồ sứ lam, duy còn thiếu một món chốt để kết thúc bài học. Gặp được cái tô « *Đặng-Huy-Trứ* » đề *Tự Đức Mậu-Thìn* (1868) tôi lại đại dột bỏ qua không mua, chề nước men còn mới: đến khi hội ý hồi tâm nghĩ kỹ mới nhớ nó mới vì chỉ có một trăm năm gần đây, và có niên hiệu Mậu-Thìn (1868) ký đành rành là đủ chứng minh, khi tỉnh ngộ thì đã trễ, tiếc hối đến « tâm sầu bạch phát ». Chạy đôn chạy đáo cho đã, cũng may rồi rồi lại gặp, căn phần cũng có. Từ đây ai muốn cãi với tôi về nước men 100 năm, tôi sẽ lấy cái tô này ra làm chứng. Vì tô này có tánh cách « *tài liệu chắc chắn định năm* » (élément de datation) cho nên tôi xem là quý. Ngoài ra, đồ cổ một trăm tuổi chưa lấy gì làm quý. Có vật đến đôi ba, trên năm trăm năm cũng có. Nhưng như đã nói, đối với thiên khảo-luận của tôi về đồ sứ men lam xứ Huế, tôi được món này như tìm được trưng kết-luận, không quý làm sao được ? Một điều nên tha thứ là không ai dám khoe lành nghề. Dầu có kinh-nghiệm mà ít tiền, dự dự làm mất cơ hội là thường. Nếu phải là chánh-phủ cung-cấp viện-trợ thì đâu xảy ra chuyện.

Cái tật chần chờ, cần xem đi xem lại thật kỹ mới mua thường làm mất dịp tốt. Dám khuyên ai muốn bước chon vào nghề này, hãy can đảm thêm lên, chớ chuyện mua hụt tô rồi lại gặp là chuyện nhả mồi bắt bóng, không thể xảy ra hai lần, và không nên bắt chước.

b).— Đề hiểu thêm về chuyện cái tô, tôi xin trích lục ra đây hai tài-liệu về tiểu-sử ông Đặng-Huy-Trứ là người đặt làm và chủ cái tô này ;

Theo bản dịch của bộ Văn-Hóa Saigon.

.....

« Lúc ấy có lời ca-dao rằng : « *Thế-gian*
Đặng-Trứ (1) là đầu,
« *Chiếc thuyền thương-mại sang Tàu*
sang Tây ; (A)

« (1) Đặng-Trứ tức Đặng-Huy-Trứ, « người huyện Quảng-Điền, phủ Thừa-
« Thiên, đỗ giải-nguyên năm Tự-Đức
« thứ 7 (1854) khi ra làm quan được
« trông coi Bình-chuẩn-sứ-ty đề thông-
« thương hải-ngại, sau vì hao hụt công-
« quỹ nên bị giáng-chức. (Xem Đại-Nam
« chính-biên Liệt Truyện, nhị tập, quyển
« 20 tờ 52-6b). Hiện D N C B L T chưa
« dịch ra quốc-ngữ, bản chính Hán-tự
« có lẽ nay tàng-trữ tại Viện Khảo-Cổ
« Saigon.

(trích « Bản triều bản nghịch liệt truyện, Giá-Son Kiêu-Oánh-Mậu trương 157, bộ Quốc-Gia Giáo-Dục Saigon xuất bản năm 1963)

A) So sánh câu ca-dao này với câu :
« *Khu gian Đặng-Trứ làm đầu,*
« *Chiếc thuyền thương-mại qua Tàu*
sang Tây.

(trích « Trung-Nghĩa ca Đoàn-Hữu-Trung, do Bùi-Quang-Tung viết trong tạp-san Hội Trung-Ấn cổ-học (bulletin de la Société des Etudes Indochinoises,

ier et 2è trim. 1967 trưòng 129, câu thơ 95-96).

Và sau đây là tài-liệu tôi mượn sao-lục tại Paris trong bản dịch của bộ Văn-Hóa Hà-Nội :

511.— Đặng-Huy-Trứ (thế-kỷ XIX)

« Đặng-Huy-Trứ, tên tự là Hoàng-trung, người tỉnh Thừa-Thiên. Không rõ ông sinh và mất năm nào. Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thần đồng.

« Niên hiệu Thiệu-Trị thứ 3 (1843), ông đậu cử nhân, rồi thi hội trúng cách, nhưng bị phạm trường quy thành ra hỏng tuột. Niên hiệu Thiệu-trị thứ 7 (1847), ông thi lại đậu thủ khoa. Niên hiệu Tự-Đức (1848-1883), ông làm tri-huyện, thường dâng sớ điều-trần về những điều ích quốc lợi dân. Tự-Đức cho làm bình-chuẩn sứ, trông nom việc buôn bán ở các cửa biển và tàu thuyền xuất nhập.

« Tác phẩm có :

« — Hoàng-trung thi sao (thơ), VHV, 833 VHV.249 ;

« — Tứ thư văn tuyển (văn), VHV. 341 ;

« — Tân biên Thanh Khang Hy ngữ đề canh chức đồ phó bản (nghệ thuật) VHV 823

« — Nhị vị toàn tập (văn), VHV. 942 ;

« — Việt sử thánh huấn điển môn (sử, văn) ;

« — Nhị Hoàng di ái tập (văn) ;

« — Bách duyệt tập (văn) ;

« — Tông chính di quy (văn) ;

« — Sách học vấn tân (giáo dục) ;

« — Đông nam tân mỹ lục (văn) ;

« — Tứ thập bát hiệu kỷ sự (sử, văn).

« Ngoài ra ông còn san khắc nhiều

« sách, như Đại Nam quốc sử diễn ca của Lê-Ngô-Cát, Phạm-Đình-Toái ».

(Lược truyện các tác giả Việt-Nam, (tập 1 : tác giả các sách Hán, Nôm, Trần-(Vân-Giáp chủ biên, Tạ-Phong-Châu, (Nguyễn - Vầu - Phú, Nguyễn - Tường-(Phượng, Đỗ-Thiện, trưòng 408-409).

Căn cứ theo tài liệu xuất bản ở Hà-Nội thì Đặng-Huy-Trứ thi đậu thủ-khoa năm Thiệu Trị 7 (1847). Xem lại tài-liệu Sài-Gòn thì ông đậu giải nguyên năm Tự-Đức 7 (1854). Không biết bên nào nói đúng, chỉ biết trong mọi việc đôi bên đều nghịch nhau, cho đến chuyện dịch sách cũ cũng tỏ ra không thuận, như vậy biết chừng nào hai bên mới ăn đời ở kiếp với nhau đây? Ta chỉ còn cần tra cứu bộ Đại Nam chính biên liệt truyện nhưng bộ này chưa dịch ra quốc ngữ.

Về tiểu-sử Đặng-Huy-Trứ, ra Huế tôi được nghe ông có người con gái gả cho một người Pháp, sanh hai trai đều làm giáo sư, một dạy ở Huế, một ở Sài Gòn cũng giáo sư tên là C. , tin này xin chờ hậu cứu.

Năm 1955, ở viện bảo-tàng Khải-Định (Huế) tôi có chụp hình một cái đĩa. Tuy nứt làm hai mà còn tàng trữ trong viện đủ biết đĩa ấy hiếm lạ thế nào. Đĩa vẽ hình cá lội trong đám rong, sau đáy đề một vòng tròn 14 chữ Nho :

«Tự-Đức Mậu Thìn Trung Thu Đặng quý từ đường tế khí Ngư tạo (xin đọc «Ngư» là cá, chớ đừng lầm «Ngư tạo» là đồ kiêu vua ngư chế).

Cũng đồ từ khí tìm được tại nhà thờ Đặng-Huy-Trứ, nhưng thuộc dòng lớn, tôi có một cặp tô sơn thủy đáy đề chữ Nhựt (đời Tự-Đức). Dưới đáy có chạm sâu bốn chữ Hán «Đặng bá từ khí». Thế là tô nước bàn thờ họ Đặng, dòng lớn.

Nhưng không phải tô đặt làm, nên chữ không viết sẵn như tô Mậu Thân. Cũng là tô làm năm đi sứ, nay dùng làm tế khí nên chạm thêm chữ cho dễ phân biệt. Tôi nói «tô làm năm đi sứ» vì đây là tô sơn thủy có bài thơ nôm khá đặc sắc :

« Một thức nước in trời,

« Đò ai lững lờ khơi ?

« Non xanh xem vọi vọi,

« Dòng biếc thấy vơi vơi.

« Măng khúc Thương-Lang khảy.

(Có người đọc : «Hò khúc Thương Lang gỏi»).

« Ưa tình lữ-khách chơi.

« Mong chờ yên sóng gió,

« Qua lại mặc người đời.»

Dựa theo câu « Mong chờ yên sóng gió, Qua lại mặc người đời », năm tôi còn làm viện bảo-tàng, tôi có viết đăng báo Việt và Pháp, trong bài tôi định chừng : 1) «ô làm vào những năm đại loạn sau khi vua Tự-Đức thăng hà (1883) ; 2) hoặc khi vua Hàm-Nghi mong trần (1885) ; 3) hoặc giả làm khi Tự-Đức còn tại vị (1847-1883), vì tôi gặp tô này gần cả mấy trăm cái để tại viện Khải-Định, nhưng sau có mất mát nhiều vì thấy nhiều nơi có bán. Đức Dục-Tôn, tên húy là Nguyễn-Phước Thời, nên ngài lựa chữ «Nhựt» làm hiệu đồ sứ. Có lẽ đặt làm bên Trung-quốc khi đem về có việc vua băng chưa kịp phân phát trong hoàng-thân quốc-thích cho nên mới còn lại nhiều như tôi thấy. 4) một thuyết nữa, tô có thể do một ông hoàng ra kiểu, tôi định chừng ngài được triệu thần thỉnh lên ngôi cửu ngũ, nhưng ngài chối từ vì thấy gương không lành Dục-Đức, Hiệp-Hòa, Kiến-Rhúc, đều bất đắc kỳ tử, nên ngài thổ lộ cau trằng trong bài thơ nhiều ý nghĩa, thà làm thi-sĩ danh lưu hậu thế hơn

làm vua vắn số. NHƯNG THUYẾT CỦA TÔI NÊU RA NHƯ TRÊN CHO ĐẾN NAY CHƯA ĐƯỢC TRẢ LỜI, cho biết đúng hay trật.

oOo

Kỳ tháng chín năm 1967, tôi ra Huế kỳ chót, có ngờ ý muốn viếng nhà cũ Đặng-Huy-Trứ. Nhưng nhiều người khuyên không đề tôi đi, vì vùng Bao-Vinh, lúc đó kém an ninh, có người bên kia lai vãng, đi rủi gặp thì khó : trễ rồi, đáng tiếc. Chiến tranh còn mãi, không cái gì tồn tại được. Nhà ấy đã bán đến tô thờ thì liệu nay còn giữ được gì ? Biển cổ Mậu-Thân xảy ra đột ngột biết có chưa ngôi nhà này chẳng ? Dầu nay đi tới chỗ, cũng ắt không còn chi mà hỏi mà tìm. Câu vè ca dao để lại, tin truyền ngôn « con có chồng Tây », sanh tiền ông quá quắc không vừa : đập đồ nề nếp xưa nên con có chồng dị-quốc, giao thiệp rộng, nghe hiểu xa, đi Tàu, đi Tây, dầu chi phải công nhận ông có công lớn đối với mỹ-thuật văn-hóa nước nhà và vua Tự-Đức rất hiền nên « tuy làm hao hụt công quỹ » mà không làm tội nặng chỉ giáng chức. Nhưng tác-phẩm ông để lại, chẳng biết còn giữ được chẳng ? Có phải vì mắc tội nên ông soạn bộ *Nhị-Độ-Mai* mà không đề tên tác giả và mượn nhơn vật trong truyện mà nói nỗi hăm oai của mình ?

Kết Luận.— Tôi đã chơi đồ cò gần trọn một đời, mà chưa nên thân. Nay tôi muốn chỉ cái hư mà tránh nên lời nói của tôi đều thiết yếu và chơn thật. Tôi dám khuyên các bạn, nếu có phương thế, nên tập chơi đồ cò. Người ta giỡn tiền trưng gái, tốn bạc triệu lại sao ? Nhưng không phải dụng gì cũng mua. Mua của bá láp, tốn tiền thêm chật nhà, lại mau sạt nghiệp. Không sắm được gì bổ ích.

Đó là uồng công đi quét lá rừng, và quét hoài vẫn còn hoài. Phải lập chí và tìm bộ môn mới thích thú. Tỷ dụ sơ lược có những bộ-môn này :

a) đồ sứ có thơ nôm, sắm nó vừa có món lạ vừa học nhóm nhem chữ nôm chơi : đây là môn tôi thích và sở trường. Là người Việt, phải lo cứu vớt đồ nôm kéo kiếp chầy, thất lạc hao mòn không còn nữa ;

b) đồ sứ ký niên hiệu những năm đi sứ, phần nhiều là bộ đồ trà của các quan từng đi sứ sang Trung quốc kiêm văn-sĩ, Nguyễn Du và bộ chén Mai Hạc, v.v...

c) đồ đá, đồ đàn, chén trà, đĩa bát. Đừng chê xấu xí vì vật khinh hình trọng. Đồ đá, đồ đàn là của bình dân, của người củi lộc làm ăn. Nếu có một bộ gồm chén bát đĩa tô các đời Tây-sơn, đời Lê-Văn-Khôi, Mai Xuân-Thường, thì còn quý lạ hơn các món kiêu của vua quan vì loại này người ta có rất nhiều. (Tôi đang sưu tập đây)

d) đồ Bát-tràng là đồ da sành, sản xuất tại làng Bát-tràng, đồ cổ chế tại nước nhà vậy. Quý lắm.

e) đồ sứ ngự chế, toàn là của quý, vua chế để chơi gọi ngoạn hảo ;

f) đồ gốm Thanh-Hóa, Tiền Tống, Hậu-Đường... cũng gọi Đường-ngọc. Tống-ngọc ; mỗi món giá bằng một gia tài ; không biết, thường gặp giả-hiệu ; phải lão luyện sành sỏi mới nên chơi, vì mua lầm, tốn nhiều tiền, mau thất vọng dẹp nghề.

g) đồ cổ da kiêu Minh-Thanh, bộ môn này rộng lớn hơn hết, nếu bắt từ Đại-Minh : Hồng-Võ đến Sùng-Trinh, Đại-Thanh từ Thuận-Trị, Khang-Hy, Ung-Chánh, Kiến-Long, v.v. cho đến Tây Thái-Hậu (1911). Có tiền như chánh phủ còn chưa chắc sắm đủ bộ đủ niên hiệu.

Tốt hơn sắm chơi ít món thích cho có với người là được rồi.

h) đồ men lam xứ Huế quen gọi « *bleu de Hué* », nói làm vậy chớ vẫn đồ Tàu. Ngoại quốc mua ra gần hết. Nay thêm từ biển cổ Mậu-Thân, các cổ-vật trong viện bảo-tàng Huế-đô bị chúng hôi rất nhiều. Khi mua phải thận trọng. Mua vật ăn cắp chỉ nổi giáo cho giặc. Bọn trộm biết bán có người mua, ăn quen sau này bọn nó còn « làm thật » nhiều chỗ nữa. Vả chẳng mua lên đồ gian, tỷ như đồ của viện Huế, những vật ấy đã có đánh sổ vô bộ, vốn là của công, sau truy ra, bị lấy lại, mất tiền mất của lại thêm lời thôi đòi hỏi, không nên mua. Một điều dặn riêng nói chung về mua đồ cổ là không lo sợ mua phải đồ gian, vì đồ lâu đời làm sao cũng đòi chủ, miễn mua tại nhà buôn có môn-bài thì khỏi lo, và chẳng nên mua vật của trẻ vị-thành-niên và của bọn tội-tớ đánh cắp, bọn bán dạo vô căn-cứ, bọn buôn bán ve chai, tình nghi buôn đồ lậu. Đồ xưa như giấy bạc nhà băng, ai cầm nấy làm chủ : « *possession vaut titre* » là thông-lệ rồi. Sở dĩ tôi dám khuyên mua sắm chơi là vì tôi ước ao người có dư tiền nên tìm cách nâng cao mỹ-thuật bằng cách tìm mua cổ vật, cổ ngoạn vừa chưng nhà cửa vui mắt thêm vừa sưu-tầm cổ-tích lịch-sử mà không dè. Ấy là trau-giồi văn-hóa đó. Có người quá tham, muốn mình có mà người ta thì không, muốn một mình mình chơi, nên xúi quân gian ăn cắp của người khác đem về bán cho mình. Tôi nói đông dài và tôi lần thâu nhiều đoạn. Bài này bởi tôi muốn dẫn nhiều chi-tiết nên quá rườm rà. Còn nữa, về đồ cổ, nói cho đầy đủ biết sao là chừng đó, nhưng xin tha thứ trước đã.

Vì viết sa đà nên xuýt quên lúng. Trở lại xứ Huế: Huế-đô là đất đế-kinh, hơn-vật ngoài ấy còn nhiều tự-ái. Không nên sờn sát vào nhà người như vào nhà trong Nam rồi hỏi xem hoặc hỏi mua đồ cồ. Bị mắng cho biết chừng và mang xấu. Trừ những nhà buôn không nói, mỗi nhà đều còn giữ vật lưu lai của ông bà để lại. Khi nào muốn bán thì sẽ gọi người quen biết trước rồi thương-lượng với nhau. Giấy rách giữ lành. Nhà mấy ông lớn tưng tiền thì thế diện càng to. Đừng hỏi đến, chạm lòng... Cần dùng tiền, các cụ sai đầy-tớ đem ra mãi mại giùm. « Mi làm cho ta một nghìn ». Đưa ở dạ một tiếng lớn, ôm ra bán được hai ngàn, đem về chủ một ghim và cả hai bằng lòng. Nếu bán cho

người lạ mặt sẽ được tiền nhiều hơn nhưng các cụ sẽ đỏ mặt chửi đồng: « Quân bầy vô lễ? Sao dám nhè nhà ta như vậy mà hỏi? Hỏi cái gì? Hử? » Lật đật chạy ra, hết hồn, ấy là không hiểu người xứ Huế.

HẾT

Gia-định, 4 tháng 5 dl 1968

VƯƠNG-HỒNG-SÈN

Sửa lại cho đúng

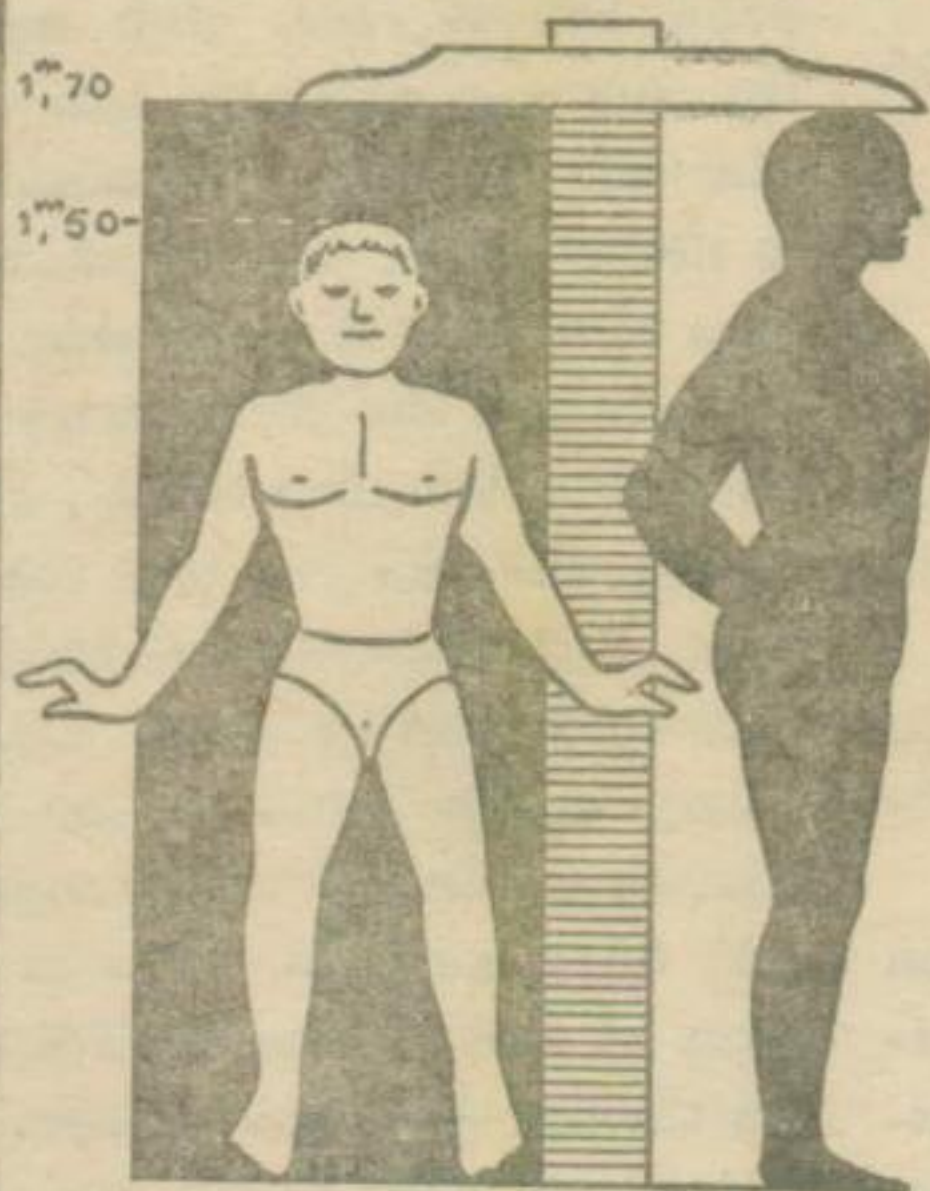
Trong bài « Tôi nhớ Huế », B.K. số 272 trang 75, hàng 14, 18, 22, xin sửa lại « trái vả » thay vì « trái quả »

V. H. SÈN

KN S6 78 MBYT/QCDP

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NỮ MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI.

HÁT TRÊN QUÊ-HƯƠNG RÃ RỜI

● TRẦN - ĐẠI

Phong trào Du ca và Nguyễn-đức-Quang

Tại hội-trường của một bệnh-viện nhỏ, quân-y-viện Nguyễn-Tri-Phương ở Huế vào năm 1966, khi bài «Nỗi buồn nhược tiểu» được hát lên, gần 300 thương binh dơ những bàn tay quần đay băng trắng lên múa may, lắc lắc chiếc đầu thương tích, đập phần tay, chân còn lành lặn lên ghế, trên xe đẩy, đề ca-ngợi, hoan hô người trình diễn. Bài ca đó là của một sinh viên trẻ, anh Nguyễn-Đức-Quang, và ban trình diễn là ban Trầm-Ca. Ban này gồm năm người trẻ khác như anh. Tất cả đều chưa tới 30 tuổi. Trừ người phái nữ, còn mấy người kia đều ở chung với nhau tại một ga-ra xe hơi của một tư-gia, đường Sương-Nguyệt-Ánh.

Những kỷ-niệm khó quên

Không phải chỉ có lần trình diễn tại quân-y-viện Nguyễn-Tri-Phương là kỷ-niệm khó quên của ban Trầm-Ca. Cũng vào năm 1966, khoảng tháng hai, Ban Trầm-Ca cũng đã xử dụng bài «Nỗi buồn nhược tiểu» để làm chảy nước mắt phái-đoàn sinh-viên Nhật tới viếng thăm thân-hữu các đại học Việt-Nam. Nét mặt diễn tả, và giọng ca gây ngay được niềm cảm thông không cần tới ngôn-ngữ. Tại đại-học Vạn-Thanh nhiều bà già mắt rưng rưng khi nghe những bài nhạc được trình diễn trên sân-khấu.



Nguyễn-đức-Quang, người đứng đầu ban Trầm ca và khởi xướng phong trào Du ca.

Những người trình diễn trong ban Trầm-Ca đã ghi nhận được những kỷ niệm không bao giờ có thể quên được. Họ đã đi lưu diễn ít ra cũng lối 15 tỉnh trong ba lần. Phần lớn nơi trình-diễn đều là nơi có nhiều thành phần giới trẻ có ý-thức. Họ đã qua các đại-học Huế, Dalat, Sài-Gòn, và nhiều nơi khác. Các buổi hội-thảo thanh-niên, các buổi trại công-tác nhiều khi đều có sự tham-dự của ban Trầm-

Ca. Các Cô-nhi-viên, các trường học cũng là nơi ban «hát dạo» thường dừng bước. «Trong vòng từ 18-12-65 tới 18-12-66, ban Trầm-Ca đã đi sinh-hoạt ở nhiều nơi: hoặc một mình, hoặc với sự hợp-tác của một số nhạc-sĩ (Phạm-Duy, Lê-Thương, Anh-Việt-Thư, Trịnh-Công-Sơn) và một số các ban nhạc trẻ tại Thủ-Đô (Nguồn-Sống, Trùng-Dương, Phù-Sa, Gió-Khơi, Hùng Tâm Dũng Chí Ban Văn-Nghệ Bộ-Thanh-Niên) môi trường sinh hoạt thường là trong giới sinh-viên của các phân-khoa đại-học, hay giới thanh-niên trong các hội-đoàn, cho đến nay (18-12-66) ban đã tham dự hoặc tổ chức được 44 buổi sinh-hoạt» (1)

Kể từ ngày 18-12-66 cho tới bây giờ, các hoạt động của Trầm-Ca còn tiếp tục và số buổi sinh hoạt — theo lời anh Quang — không còn nhớ hết được.

Ban Trầm-Ca, ngày nay, với sự điều-khiển của một ban Quản-trị, đã tổ-chức được 33 toán du-ca tại 33 tỉnh với một số toán-viên tổng cộng gần 500 người. Tất cả các toán đều theo một tiêu-chuẩn chung và gọi là «Phong trào Du-Ca».

Sáu người đầu tiên của Ban Trầm-Ca là: Đỗ Thị Phương-Oanh, Nguyễn-Đức Quang (Trưởng Toán), Trần-trọng-Thảo, Hoàng-Kym-Châu, Hoàng-Thái-Linh, Nguyễn-Quốc-Văn.

Tinh thần dân tộc và tinh thần khai phá.

Du có nghĩa đi lang thang, ca là ca hát. Đi lang thang từ nơi này qua nơi khác để trình-diễn cho mọi tầng-lớp dân chúng coi, là công việc của ban Du-Ca.

Công việc làm đó không phải là mới mẻ. Lang thang ở thời-đại này có nghĩa là dùng các phương-tiện chuyên-chở cơ-khí, như xe hơi, máy bay để di chuyển từ tỉnh này qua tỉnh khác. Các nghệ-sĩ

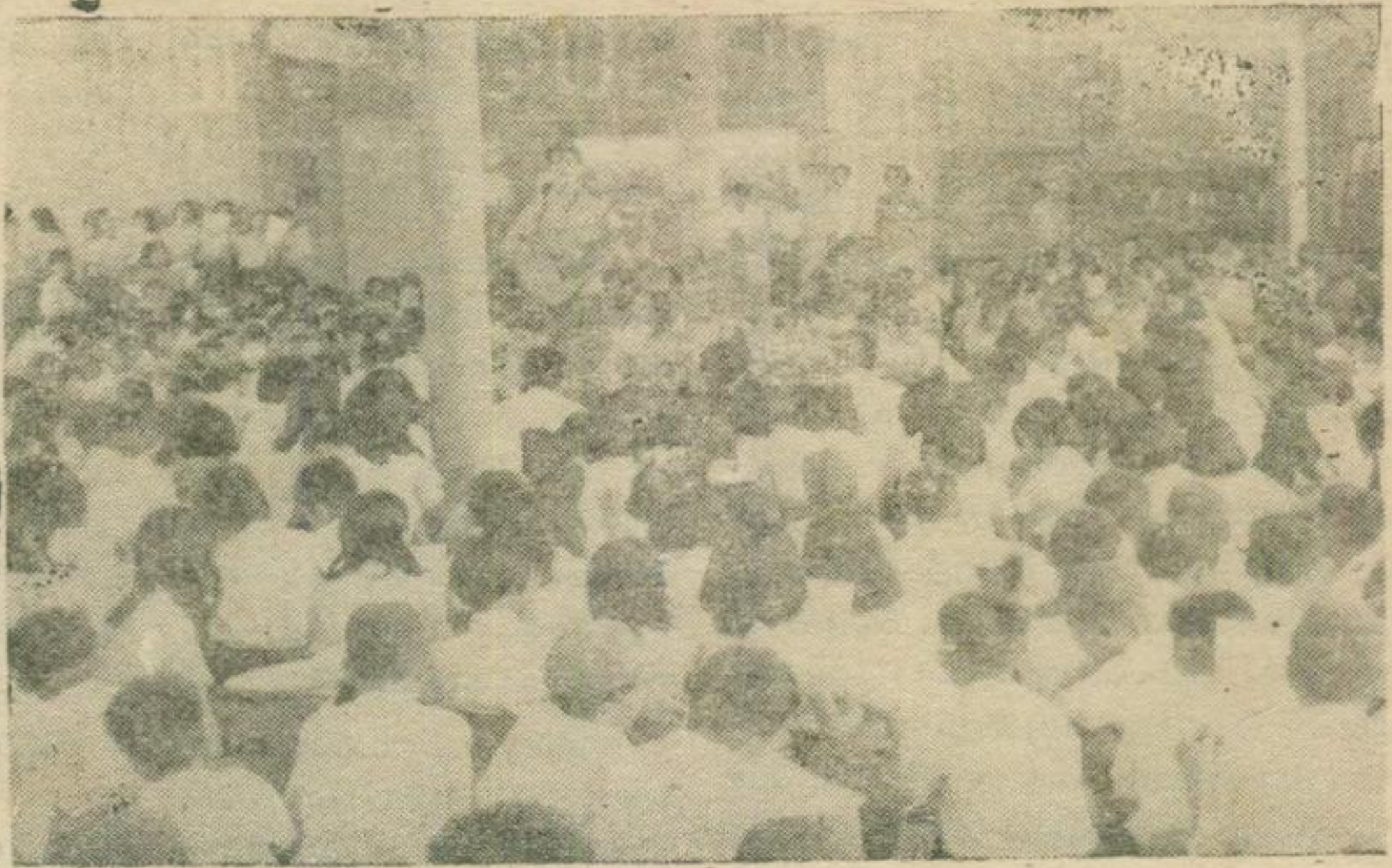
nhà nghề về tân-nhạc, cũng như cổ-nhạc đã làm từ nhiều năm. Những đại-nhạc-hội, những ban cải-lương lưu-động tại khắp các tỉnh nhỏ là bằng chứng.

Nhưng phong-trào Du-Ca có nhiều điểm khác biệt.

Trước hết ở mục-tiêu của công việc làm. Vài năm trước đây, một số các nhạc-sĩ thường phàn nàn: không có những bài ca của tuổi trẻ. Những bài ca có tính cách hùng mạnh nói lên đến một ý-nghĩa tiến bước của thanh-thiếu-niên, ngược lại trong thị-trường âm-nhạc chỉ thấy xuất hiện những bài ca sầu não, buồn bã và một đôi khi bạc-nhược. Để thay đổi cái không khí âm nhạc đó phải làm thế nào? Phải tìm một «sinh-phong văn-nghệ» — như lời của nhạc sĩ Phạm-Duy. Cái «sinh-phong văn-nghệ» ấy, phải là những bài ca của một tuổi trẻ có ý-thức trong một xã-hội, biết lãnh trách nhiệm và tiến lên. «Ngọn gió đầy sinh-lực» đã được giới trẻ hưởng ứng. Ban Du-Ca đã lãnh một phần công-tác để thổi ngọn «sinh phong» vào không khí văn-nghệ trẻ. Những «bài ca trẻ mới» ra đời. Phải là những «bài ca trẻ mới», là vì: «Xã-hội mới hiện tại không thể giống xã-hội cũ cách đây hai mươi năm. Xã-hội Việt tại miền Nam bây giờ là một xã-hội đầy biến động, một xã hội đang chiến tranh và ảnh hưởng của ngoại lai xâm nhập hơn bao giờ hết».

Như vậy mục tiêu của ban du ca không thể giống với các đại nhạc hội hay các đoàn hát lưu động. Mục tiêu tài chánh bị gạt bỏ hoàn toàn. Mục tiêu phải mang một ý nghĩa cao đẹp. Du ca phải là «sinh hoạt văn nghệ để phát huy tinh thần dân tộc Việt Nam... tham dự một sinh hoạt

(1) Ngy Trầm-Ca (tài liệu in ronéo, trang 1)



Người hát và những người nghe hát ..

văn hóa dân tộc tính để giữ tâm hồn mình và bạn bè chung quanh để ngăn chặn sự xâm nhập của tinh thần ngoại lai vong bản đã bao nhiêu năm nay đục khoét và làm tê liệt sức sống của chúng ta». (2) II

Với một mục tiêu như vậy, Du-ca còn khác với những ban nhạc biểu diễn thông thường ở nhiều điểm.

Đề có thể « phát huy tinh thần dân tộc », ngăn chặn sự xâm nhập của tinh thần ngoại lai vong bản », tất nhiên bài hát phải thể hiện được tinh thần này. Suốt trong hơn hai năm hoạt động, những bản nhạc phổ biến trong giới trẻ, những cảm nghĩ, những suy tư (trăm ca) của toán Du-ca về một giai đoạn lịch sử của dân tộc, phổ biến những thái độ, những hành động của giới trẻ trong giai đoạn đó.

« Tôi chót sinh làm dân nhược - tiểu nỗi tủi hờn căm bưng trên tay, nỗi nhục nhằn chịu nặng trên vai... Tôi chót sinh vào nước chia cắt, nỗi thù hằn còn đục lòng sông. Tôi trót sinh vào nước chia

cắt tình anh em máu chảy thành dòng... »

« Tôi chót sinh làm dân nhược tiểu, vú mẹ gầy còm chẳng nuôi thân, vắt tình này máu mẹ nuôi con. Tôi trót sinh ra làm dân nhược tiểu, nghe xung quanh nghiêng ngả cột cưỡi, cạnh chén cơm chan máu dân tôi. Tôi trót sinh ra vào nước chia cắt, khóc giang-san hoài hoài gian nan... » (Nỗi buồn nhược tiểu)

« Lia nhau cho tim bốc cháy, thù sâu lan khắp, lan khắp địa-cầu... »

Lia nhau cho luống đất ngày nay không lúa, không lúa, không màu ».

Những bài ca của một giai đoạn lịch sử trên quê-hương nhược-tiểu cắt chia, trên quê hương chiến-tranh tiêu điều. Người hát suy nghĩ về thực trạng đó, người nghe cũng suy nghĩ về thực trạng đó. Những loại bài ca như vậy gọi là « Ca nhận thức ».

(2) « Sinh hoạt du-ca », nội san 06'2 tháng 3/67 trang 2

Nhận-thức không, chưa đủ. Nhận thức chỉ đề đưa đến một thái-độ. Thái độ của con người, của giới trẻ ở trong thăm-trạng. Chỉ có thái-độ của lời ca tiếng hát, mới có thể thôi thúc người hát, người nghe giữ vững được tinh-thần dân-tộc, ngăn chặn được làn sóng ngoại-lai. Nhưng — như lời anh Nguyễn-Đức-Quang — “những bài hát bao giờ cũng dựa vào thực-tế”. Chính vì dựa vào thực-tế, một thực-tế của thời-đại nhiều biến-động, thái-độ ở trong những bản nhạc trăm ca thay hình đổi dạng: Người ta có thể nhận thấy những thái-độ đối với các vấn-đề lớn lao của quê-hương. “Xin chọn nơi này làm quê-hương” cho dấu quê hương có khó thương biết mấy: “...Xin chọn nơi này làm quê hương cho dấu khó thương. Ta cùng lo chạy trốn lưng cơm áo che thân tàn... Xin chọn nơi này làm quê-hương dấu đang chiến tranh... Xin chọn nơi này làm quê hương dấu đang khó khăn...”. Đã chọn nơi này làm quê-hương. Người trẻ tuổi không thể tuyệt vọng. Thái-độ phải là hi-vọng. “Hi-vọng đã vươn lên trong lo sợ mùa chinh-chiến. Hi-vọng đã vươn lên trong nhọc nhằn trong nước mắt...”

Từ thái độ đối với thăm-trạng quê-hương như vậy, từ một thái độ hi-vọng dù là trong nhọc nhằn, trong nước mắt thái độ nhiều khi chuyển sang một phạm-vi nhỏ như một khuyến dụ: “Đường vào công trường là đường vào quê-hương” (*Tìm về công trường*)... Từ Nam-Quan Cà-Mau từ non cao rừng sâu gặp nhau do non nước xây cầu. Người thanh niên Việt Nam quay về với xóm làng, tiếng reo rộn trong lòng...” (*Về với mẹ cha*) Nhiều khi lời khuyến dụ còn mang nặng tính cách luân lý; “không phải là lúc cứ ngồi đặt vấn đề nữa rồi phải dùng bàn tay

mà làm cho tươi mới. Hàng chục năm qua ta ngồi ngó nhau, nghi ngờ nhau, khích bác nhau cho cay cho sâu, cho thật đau... Không tin nơi nhau thể ta địch nhớ ai dẫn đường?... (*Không phải là lúc*)

Thái độ nào, với vấn đề lớn hay nhỏ cũng đều hướng tụ vào niềm tin. Niềm tin vào quê hương dù đang chiến tranh dù đang chia cắt. Niềm tin vào các người trẻ tuổi. Niềm tin của tất cả những công tác mà người thanh niên đang đảm nhận. Những bài ca có tính cách bày tỏ thái độ này được sắp vào loại *Ca sinh hoạt* ca trong các dịp sinh hoạt chung.

Những bài ca sinh hoạt này được in trong một tuyển tập *Những bài ca khai phá* (3) Quan niệm những bài ca trong tập nhạc này như những bài ca của một thời kỳ khai phá Ban Trầm-Ca đã muốn lấy kinh-nghiệm của một vài xứ sở để làm lời kêu gọi cho một phong trào khai phá tại miền Nam Việt Nam “... Cuộc di dân khai hoang gọi là *Về miền Tây*” của Hoa-kỳ từ nhiều thế kỷ qua đã để lại những vết tích hào hứng qua các bài hát những bài này đã chiếm một tỷ lệ lớn trong kho tàng dân ca xứ này. Nhiều bài giữ những ngôi vị độc đáo vì nét nhạc và lời ca thật là hấp dẫn, chắc chắn phải được sáng tác trong một tinh thần khai-phá nồng-nhiệt và đầy tin tưởng... Cuộc tranh đấu cam go của những người Do-Thái tiền-phong cũng còn ghi đậm nét kiêu hùng qua âm hưởng thiêng-liêng và bi-tráng của những bài thời lập-quốc... Họ (Do Thái) đã khai thác và phát triển mau lẹ sức người, ý chí và ý muốn của họ đã được nung đúc bằng những lời khai phá phù-hợp trong khung cảnh ca-diễn cộng-đồng mà ngày

(3) Tuyển tập nhạc in ronéo do ban Trầm ca n hành năm 1967.

nay vẫn còn được duy-trì như một truyền-thống sinh-hoạt ... » (4). Dân ca trong thời kỳ về miền Tây của Hoa-Kỳ, Hadgannah, hát cộng đồng của Du-Thái được ban Trầm-Ca nhắc nhở để dành « *Những bài ca khai phá* » của họ cho những ngời nào « đang thực hiện hoặc ao ước góp phần vào công-việc khai-phá xứ sở » (5)

Ngoài những bài ca nhận thức, Ca Sinh-Hoạt. Ban Du-Ca còn trình diễn dân-ca. Khởi phải nhiều lời, dân ca chính là tinh thần dân tộc.

Trại công-tác : nguồn cảm-hứng Ý-thức quê-hương

« Tinh-thần khai-phá và ý thức quê-hương đều bắt nguồn từ cảm-nứng những lần đi trại. Ba mươi bài ca khai phá đều do trại công tác xã-hội. « Đường Việt-Nam » « về với mẹ cha », « Hi vọng đã vươn lên » v.v... đều sáng-tác bởi Cộng-đồng công-tác xã-hội. Nguồn cảm hứng đó là một điều dĩ nhiên. Quang, Thảo, Linh, Ván, Châu, Lập đều tham-gia các trại công-tác. Những trại công-tác dài hạn, mười lăm ngày cho tới vài tháng, chính là những dịp để người sáng-tác gần gũi với dân chúng, với nông thôn, với quê-hương.

Nguồn cảm-hứng do trại công-tác xã-hội cũng là một điểm để phân-biệt trầm ca với các ban nhạc thường.

Tinh thần dân tộc, nguồn cảm hứng từ quê hương qua các trại công tác. Nhưng còn phải phổ biến tinh thần ấy, nguồn cảm hứng ấy cho đám đông. Còn phải đặt tinh thần cảm hứng trong một sinh hoạt cộng đồng. Vì vậy du-ca không phải là chỉ « hát cho mọi người nghe » mà là « hát để đám đông cùng sáng tác cùng hát ».

Để thực hành ý định đó. Du-ca không nặng phần biểu diễn Du-ca viên ăn mặc thật giản dị. Hoặc quần áo bà ba đen, hoặc áo sơ-mi quần dài thường. Không có đồ lớn, không thắt nơ, không ca-vát. Để tiến tới việc thống nhất y-phục, Ban Chấp-Hành-phong trào du-ca đã quyết định : Du-ca-viên đồng phục quần dài kaki vàng, áo-sơ-mi trắng. (6)

Nhạc cụ của du-ca cũng thật sơ-sài. Chỉ dùng Lục Huyền cầm loại guitare thùng gỗ, giây sắt, Măng-cầm (Mandoline, Banjo), Khẩu-cầm (harmonica), sáo tây, sáo ta. Tuyệt đối không dùng trống (batterie và bongo). Nhạc cụ cổ-nhạc có thể dùng được cả. Và một nguyên-tắc mà du-ca-viên phải nhớ « không bao giờ dùng ba nhạc khí trong một bài hát. Một cây guitare hay thêm một mandoline là đủ » (7).

Ăn mặc giản-dị, nhạc cụ sơ sài, mục đích chính là để du-ca-viên hòa hợp với đám đông. Du-ca-viên không tách rời với họ và hát không phải để cho đám đông thưởng thức nhưng chính là hát với đám đông.

Bất cứ một buổi trình diễn nào của ban Du-ca, bao giờ cũng có những màn hát cộng-đồng. Người trình diễn hát với người nghe. Nếu người nghe chưa thuộc nhạc, người trình diễn dạy cho người nghe ngay tại nơi trình-diễn và tất cả cùng hát.

Có hát cộng-đồng, mới tác động được tinh thần dân tộc và khai phá. Dạy hát trong buổi trình diễn chưa đủ. Du-ca-viên

(4) — Tuyển tập nhạc : « Những bài ca khai phá » in ronéo trang 1,2.

(5) — nt — trang 5.

(6) Quyết định của phiên họp ngày 10-4-68 Sinh Hoạt Du-ca tháng 5-1968.

(7) Cầm Nang Du-ca. Tài liệu căn bản cho khóa-sinh Thanh ca Tác động in trong trang 17

lợi dụng bất cứ giờ phút nào rảnh rỗi để dạy hát. Những lớp huấn-luyện du ca được tổ-chức tại mọi nơi khá nhiều (8). Nhưng với hoài-bảo của du-ca, thế vẫn chưa đủ.

Từ « Lửa quê-hương » tới « Sinh-phong văn - nghệ ».

Ngọn « sinh-phong văn-nghệ » đã được thổi vào giới trẻ — dù mạnh dù yếu. Nhưng ngọn gió đó khởi lên từ « Lửa quê - hương ». Ngày 1-11-1963 là một ngày gây biết bao nhiêu phấn khởi cho giới trẻ. Mỗi người trẻ đều nghĩ « phải làm một cái gì ». Phong-trào sinh - viên hướng về nông-thôn cũng bộc phát sau ngày ấy. Từ sau năm 1963 những người trẻ của Trầm-Ca cũng muốn làm một cái gì. Đêm « Lửa quê-hương » đã được tổ-chức tại ngang hông Chợ Dalat. Ban tổ-chức gồm có một số sinh-viên của Viện Đại-Học — trong đó có một vài người trong ban Trầm-ca — còn ở lại sau kỳ thi-cử niên-khoá 1964-1965. Nhưng ngọn lửa quê-hương còn quá nhỏ để quyến-rũ mọi người. Số người tham-dự quá ít ỏi. Đôi người dân còn đứng phía trên cao ngang hông khu Hòa-Bình để ngó ngọn lửa quê - hương cháy li ti ở phía dưới kia bằng con mắt tò-mò, ngờ-ngác.

Ngọn « Lửa quê-hương » ấy là khởi-điểm. Nhưng lại không thể cháy lớn, nếu không có chương-trình Công-tác Hè vào năm ấy (Summer Program). Chương-trình này do các hội-đoàn tại Saigon họp nhau lại làm công-tác chung. Tài-trợ do cơ-quan Chí-nguyên Quốc-tế (I. V. S. : International Volontory Service). Chương trình có một Xưởng Ca-Diễn là Ban-Đường-Sáng. Đường-Sáng là văn-nghệ tìm về dân-tộc và là cơ-quan đi biểu-diễn tại khắp tỉnh. Phạm-Duy làm cố-vấn cho Xưởng Ca-diễn. Chính nhạc-sĩ

Phạm - Duy đã « ngồi gần nhau » với giới trẻ. Cũng chỉ h nhạc - sĩ Phạm-Duy đã đề - nghị đi tìm một « Sinh-phong văn nghệ » cho miền Nam Việt-Nam. Nguyễn-Đức - Quang và những người bạn khác tham dự trong « Chương trình Công-Tác-Hè » tại Dalat đã gặp Phạm-Duy ở đây.

Chương-trình Hè chấm dứt. Phạm-Duy đã cùng với Nguyễn-Đức-Quang, Phương-Oanh, Steve Addis, v.v... đi một vòng đầu tiên lưu-diễn tại các tỉnh. Kết quả khá tốt đẹp. Sau lần đi, ban Trầm Ca gồm 6 người — 5 nam, 1 nữ — ra đời. Ban Trầm-Ca tiếp tục lưu-diễn tại các nơi cuối năm 1966, Nguyễn-đức-Quang gặp lại một vài người đã hoạt động trong Chương-trình Công-tác Hè cũ, nay đã giữ những chức vụ cao cấp trong Bộ Thanh-Niên : anh Hoàng Ngọc-Tục, Trần-Văn-Ngô v.v. Những người này có ý-định phát triển phong-trào du-ca trên toàn quốc. Các lớp huấn luyện Thanh-Ca Tác-động được Bộ Thanh-niên mở và nhờ Ban Trầm-Ca hướng dẫn. Cũng nhờ sự giúp đỡ của Bộ Thanh-niên một phần, các toán du-ca được thành lập tại nhiều tỉnh. Mỗi toán có một tên. Toán « Hồn Nước » ở Biên-Hoà, Toán « Vàm-Cỏ Tây » ở Long-An Toán « Con sáo Huế » ở Huế v.v. Toán du-ca tại Sài-Gòn là Toán « Du Ca Trầm Ca ». Khi anh Tuệ, Ngô không còn làm ở Bộ Thanh-niên, mối liên-hệ giữa du-ca và Bộ này chấm dứt. Nhưng các toán du-ca thành hình vẫn tiếp tục hoạt động. Niên khoá 1967-1968, để giải quyết những vấn đề khó khăn chung của mọi toán du-ca, một đại-hội của các toán du-ca tổ-chức tại Sài-Gòn. Phong-trào du-ca ra đời.

Lợi dụng và dụng lợi

Hơn hai năm có mặt trong xã-hội

(8) Lớp huấn luyện kéo dài trong khoảng 1 tuần thường mở tại trụ sở trường Quốc-gia âm nhạc hay các hình thức trại.

của những bản trăm-ca Việt-Nam người nghe không còn cảm thấy ngỡ ngàng và người nghe đã hát theo, không ngưng nghỉ như lúc ban đầu. Tuy gây được một phong trào như vậy, kết quả vẫn còn nhỏ bé. «Nỗi lo âu thường trực của toán du-ca vẫn là sợ không tạo được không khí» Kết quả nhỏ bé, không thể nào so sánh được với cái hào hùng và phong phú của những «bài ca khai phá» của «Về miền Tây», của những Kibboutz (9) Nhưng, ngay cả đến cái không khí du-ca hào hứng của thời Trung-Cổ, phong-trào du ca Việt-Nam vẫn chưa thể so sánh được. Các toán du-ca Âu-Châu, Troubadours và Trouvères ở thế kỷ XII, XIII đã lưu diễn từ lâu đài này tới vườn cảnh khác, từ gia-tộc này tới gia-tộc, khác đề tổ-chức các sinh-hoạt văn-nghệ, tham-gia các buổi yến-tiệc quý phái. Từ lúc đầu chỉ nhờ những bài ca, câu hát được tán thưởng cho tới khi các toán Du ca càng ngày, càng mọc lên đông đảo, mọi người hâm mộ du-ca, thán phục du-ca, nên đã như trao cho du-ca quyền chỉ-trích và đặt vấn đề với các chính-trị-gia thời bấy giờ.

Du-ca ngày nay không được «lợi thế bằng thời ấy. Vì tính cách bề môn của thời phong-kiến. Người địa-phương chỉ biết có vùng mình ở. Ngược lại du-ca-viên, lang bạt nhiều, trở thành những người hiểu nhiều biết rộng, nên được mọi người tin cậy, có du-ca-viên còn được mời làm cố vấn chính-trị cho các quý tộc »

Lịch sử mỗi thời mỗi nơi đã đổi khác. Hiệu lực của lời ca, tiếng hát cũng đổi khác. Hát trên một quê hương rã rời, khác với bát lang thung hứng thú của thời trung cổ Châu-Âu, khác với hát «khai phá» của Hoa-Kỳ đang khai phá,

và cứu Do Thái ào ạt với các tổ-chức giữ làng, giữ xóm chống quân xâm lăng Ả-Rập đang vây quanh.

Không khí đã không sẵn có, phải tạo ra không khí. Nhưng ngay cả những điều kiện tạo ra không khí cũng thiếu thốn.

Thiếu người sáng tác mới, thiếu người trình diễn mới và thiếu phương tiện vận động. Người sáng tác mới đề tạo ra nhạc mới, nhạc khai phá. Người trình diễn mới để hát những bài ca mới và phương tiện vận động để tạo ra những cơ-hội trình diễn càng nhiều càng tốt cho mọi người.

Kết quả nhỏ bé, yếu kém. Nhưng du ca tự bản chất — thời kỳ nào cũng vậy — là thốt lên tiếng mới đè nén, phần nộ của người hát, không phải cho riêng mình mà là cho đám đông. Vì vậy «thái độ chính trị trong những bài hát thế nào cũng có, thái độ đó được thể-hiện trong những bài ca : Đó là tinh thần dân tộc, và những đòi hỏi hiện-tại của đất nước».

Thái độ chính trị thế nào cũng có — Nhưng những người trẻ trong giới Du-ca có dẫn thân làm chính-trị ? Điều đó khó thể biết được. «Hành động chính-trị nào cũng bắt đầu bằng một vận động văn hóa. Văn hóa do Du-ca hát, vô tình hay cố ý, cũng sẽ tạo nên những hành động chính trị — chưa hẳn cho mình, nhưng cho những người khác.»

Có người quan niệm Phong Trào Du ca Việt-Nam, cũng như các sinh hoạt trẻ khác nằm trong một chính sách «Tân» Ducouroy; «Tinh thần đa nghi cần phải dẹp bỏ. Người thanh-niên Việt Nam bị

(9) Tổ chức Kibboutz là tổ-chức trại công-tác tập thể của Do-Thái trong thời gian phục quốc.

đánh lừa quá nhiều, cho nên luôn luôn bị ám ảnh bởi chữ lợi dụng, nhưng tại sao không ai nghĩ tới chữ dụng lợi, nếu quả thật có một chính-sách « Tân Du-couroy » hiện diện ? »

Hi vọng vẫn vươn lên trong nhục nhằn, trong nước mắt.

— Anh còn định làm gì ?

— Tôi mong muốn được sáng tác dân ca tân tạo. Phân biệt ra ba loại dân ca : dân ca nguyên-thủy — dân ca sản có trong dân chúng, dân ca phát-triển — dùng dân ca nguyên-thủy sửa đổi đi và dân ca tân tạo, do những nhạc-sĩ phải tự đặt ra. Ở Âu, Mỹ có nhiều nhạc-sĩ sáng tác dân ca, ở Việt Nam chưa có những người này.

— Anh có cho rằng, người sáng-tác dân-ca cũng như ca-dao, phải là tầng lớp nông-thôn, hay những người trí-thức ở nông-thôn, vì đa số người Việt-Nam là nông-dân, như một số người quan-niệm không ? Anh là người ở trong thành-phố !

— Không, Dân-ca chỉ có ý-nghĩa là những bài ca dân-tộc. Nếu đã là bài ca có sắc-thái dân-tộc, không thể kể thành-phố hay nông-thôn.

Ao ước được sáng - tác dân-ca, đó là nguyện - vọng của Nguyễn-Đức-Quang, trên con đường phát-triển những bài ca khai phá. Nguyễn-Đức-Quang cũng còn ao ước có nhiều người sáng-tác nhạc du-ca, nhiều người hát nhạc du-ca và có nhiều cơ - hội để vận - động cho du-ca phát-triển.

Hi-vọng đó của anh Trưởng xưởng ca diễn phong - trào du-ca còn giữ nguyên, dù bây giờ Ban Trầm-ca đã khá nhiều thay đổi. Sáu người ban đầu chỉ còn hai người. Châu, Thảo đã đi làm

giảng-viên của xây-dựng nông-thôn, Linh ở Dalat, Nguyễn-Quốc-Văn, chuẩn - úy nhầy dù đã chết trong cuộc hành-quân Tết Mậu-Thân. Một số người mới được thay thế (10).

Sau biến-cổ Mậu-Thân, các hoạt-động sôi nổi của phong-trào Du-ca ngưng hẳn lại. Nhưng những du-ca-viên vẫn làm việc âm thầm để chờ đợi những cơ-hội trình-dẫn tốt đẹp hơn. Cái hi-vọng của « đi từ đêm đen ra bình-minh ».

Trong khi hãy còn ở đêm đen và chờ ra tới bình-minh, Ban Trầm-Ca vẫn tiếp tục ở trong cái gara nhỏ của tư-gia một người trong hội-đồng quản-trị phong-trào. Chiếc ga-ra chỉ khác với những chiếc khác cùng dãy, bởi một căn gác-xếp. Trên đó hai ba, chiếc mùng căng trùm lum phía dưới của gác xếp có một giường. Một cây guitare dựng ở góc. Xung quanh là sách vở và tài liệu của phong-trào chất bừa bãi.

Được hỏi Ban trầm ca hiện tại sinh sống bằng gì ? Anh Quang cho biết : Một số người có nghề nghiệp. Ngoài giờ « ăn cơm nhà » thì vác ngà voi. Một số khác hãy còn đi học, không đòi hỏi điều kiện sống phong lưu, chỉ cần « cơm ngày hai bữa ». Trước đây, khi còn các lớp huấn-luyện do bộ-thanh niên tổ chức, anh Quang sống bằng cách dạy giờ. Một giờ 100đ, mỗi tuần dạy chừng 20 chục giờ. Những khóa huấn luyện chỉ trong khoảng 2, 3 tháng. Bộ thanh-niên không còn hợp tác với Du-ca, anh Quang sinh sống bằng cách bán những bài hát quay ronéo và cát-xê của chương trình « Chúng Ta Cùng Hát » ở trên đài phát-thanh Sài-

(10) Một số người mới như : Nguyễn-thanh Hùng, Vũ-sinh-Hiến, Đinh-quốc-Hùng, Trần-dạ-Từ v. v. ...

gòn vào mỗi sáng chủ-nhật. Mỗi cát-xê chừng 10.000đ. Số tiền này được chia cho nhiều người ở trong ban.

— Ngoài số tiền trên, phong trào Du-ca có nhận tài-trợ của Bộ thanh-niên hay một nơi nào khác không ?

— Bộ thanh-niên chỉ giúp đỡ đôi chút phương-tiện cho phong-trào du-ca nhưng không có tài-trợ.

Trong một danh sách của tài liệu sinh hoạt Du-ca (11), với 24 toán du ca, có 9 địa điểm liên lạc là Ty-Thanh-Niên. Đối với những dư luận hoài nghi về chuyện tài-trợ anh Quang đã phủ nhận.

Nhưng không phải Ban-Trầm-ca phủ nhận tất cả dư-luận về mình. Được hỏi về ý kiến của một số sinh viên Viện-Đại học Dalat khi ban Trầm-ca trình diễn ở đây : nhiều bản nhạc của Ban Trầm-Ca dễ dãi quá, anh Quang trả lời :

— Có thể — vì nhạc cộng-đồng, cần phải dễ nhớ, dễ hát cho nên cần phải ngắn, giản dị và ít biến-điệu (variations).

Ý-kiến này tương tự như ý-kiến của Tô-Thù-Yên khi đề tựa cho tập « La-Phúc Trịnh-Công-Sơn ».

Nhưng, có tài-trợ hay không tài-trợ, dễ dãi hay không dễ dãi, điều đó không quan-trọng, điều quan-trọng là anh Quang, mới có 24 tuổi và những người bạn trẻ cùng lứa tuổi như anh, đã dám làm, đã dám hát lên, trên một quê-hương rả rời, đã dám « hi-vọng trong nhục nhằn trong nước mắt ». Và tiếng hát đó dù mọi người chấp nhận hay không chấp nhận, không thể chối cãi được sự hiện-diện của nó.

Số phận Trouvères và Troubadours ?

Nguyễn-Đức-Quang sinh ở Sơn-Tây. Cuộc di-cư 1954 đã đưa anh vào thành-

phố Dalat. Hồi còn học ở trường Trần-Hưng-Đạo, Quang đã cùng Thảo, Linh hát ở trong phần phát-thanh của hướng-đạo. Chương-trình công-tác hè là một cơ hội cho Nguyễn-đức-Quang phát-triển tài nghệ của mình, nhưng trước đó, sau năm 1963, Quang đã sáng-tác những bài « Nỗi buồn nhuộm tiêu », « Đường Việt-Nam » v. v. ...

Mặc dầu sáng-tác nhạc, Nguyễn-đức-Quang chưa hề học về cách sáng-tác nhạc. Vì « cũng như người làm thơ, đọc nhiều thơ, rồi làm thơ hay, đâu cần biết luật thơ ». Sách vở về âm-nhạc chỉ là những bài học hồi còn là cậu học-sinh trung-học. Sau này có đọc ít sách vở về âm-nhạc, nhưng cũng vẫn không đọc về sách sáng-tác.

Nhiều bản nhạc đã được hát trên đài phát-thanh, có bản được lấy làm nhạc hiệu. Những bản nhạc này không ít thì nhiều đã đi vào tầng lớp trẻ. Tuy nhiên không phải vì thế mà « phong-trào du-ca » sẽ hi-vọng tiến bước trong một thời buổi đầy bế tắc như thời nay.

Thời Trung Cờ, các toán du-ca Trouvères và Troubadours đã bị tiêu diệt vì sự tranh chấp giữa Giáo-Quyền và tá-giáo. Vì có nhiều bài ca đả-kích tu-sĩ, du-ca bị xếp vào bọn Tà-phái.

Ngày nay, không đến nỗi thế. Lệnh tổng-động-viên đã ban-hành, không khí biến chuyển mau lẹ của thời-cuộc, có thể là những gì làm cho du-ca tan rã. Một khi « nếu đi lính, thì lúc bấy giờ sẽ phải đặt trong sự xử-dụng của quân-đội. Bây giờ làm được điều gì hay điều ấy » thật khó có thể quả quyết được một tương lai sáng sủa của

(11) Sinh hoạt Du-ca. Số đặc biệt chuẩn bị đại hội toàn quốc. Trang : 20, 21.

những người « đi hát lang thang ».

Anh Quang đã giữ nét mặt bình-thường khi nghe hỏi về chuyện tình-tráng, nhưng anh đã cười, khi nghe hỏi đã có người yêu chưa. Nụ cười nhắc nhở tới người bạn gái cùng lớp của anh tại Viện-Đại-học Dalat.

— Trong thời Trung-cổ, Pierre Vidari ở Toulouse, đã vì đi hát lang thang nhiều quá đến nỗi bà vợ không chịu nổi, phải thôi nhau. Anh có sợ như thế không ?

— Sức mấy, thời-đại khác mà !

Câu nói đó có thể làm yên trí một người — hoặc nhiều người khác phái, có

liên-hệ tình cảm với du-ca-viên, Nhưng « phong trào du-ca » dù đã bình-thành, (12) có thể lớn rộng được hay không, có lẽ — nếu quan niệm « ca hát lang thang » cũng là một tình yêu — những du-ca-viên khó mà yên trí trong công việc gìn giữ « tình-yêu-người-du-ca », như nỡ ỡng người yêu của những người du-ca gìn giữ tình yêu của họ.

TRẦN-ĐẠI

(12) Ban Chấp Hành gồm khối-quản-trị và xưởng du-ca. Chủ-tịch hiện thời của khối quản-trị là anh Hoàng - ngọc - Tuệ. Trưởng xưởng là Nguyễn-đức-Quang. Trụ sở của phong-trào đặt tại 96 bis Gia-Long. Một địa-chỉ liên lạc khác là 114 Sương-Nguyệt-Ánh Sài-gòn.

các bạn đã đọc văn nghệ chính thống, viễn mơ, nhập cảng và thương lưu, bây giờ hãy đọc :

VĂN NGHỆ XÁM

Văn nghệ của các cùng đinh xã hội Miền Nam

THÁI ĐỘ xuất bản

Giá 110 đ.

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

148-BYT - D.P.Đ.C

Độc Nhật-ký của Hammarskjöld cô Tổng thư-ký Liên-hiệp-quốc.

● NGUYỄN-KHÁNH-HÒA

Tình cờ tôi lục thấy trong một thư-viện cuốn Nhật-ký của Dag Hammarskjöld nhan đề là: *Mốc cắm bên đường*. Tôi liền tò mò mang về đọc, hy vọng sẽ biết thêm về một chính-khách tài-ba mà bình thời rất được thế-giới tán dương, khâm phục. Càng đọc tôi càng ngạc nhiên, đôi khi sinh ra ngỡ vực: tác giả cuốn Nhật-ký có thật là Hammarskjöld cố Tổng thư ký Liên hiệp quốc, đã mất trong một tai nạn phi cơ tại Congo năm 1961 không? Hay là tôi đang đọc một nhà thi sĩ (tôn giáo, một nhà thần bí (mystique) cao siêu? Ông Hammarskjöld chính khách mà tôi biết và ông Hammarskjöld tác giả tập *Mốc cắm bên đường*, là hai con người hoàn toàn khác nhau!

Tuy vậy, tôi không có lý gì để nghi ngờ. Chính vì sợ thiên hạ không hiểu (bộ mặt thực) của mình mà Hammarskjöld đã cho xuất bản tập Nhật ký này.

Sau khi ông từ trần, người ta tìm thấy trong giấy tờ của ông tại Nữu-ước, một lá thư đề gởi cho một người bạn tại Thụy-điền tên là Leif Belfrage, trong đó ông cho phép người bạn toàn quyền xuất bản những trang nhật-ký mà ông gọi là *những cuộc điều đình với bản thân tôi và với Thiên-chúa*. Ông nói: lúc đầu ông chỉ muốn viết cho một mình mình đọc, nhưng về sau người ta đã nói và viết nhiều về ông, nên ông đã đổi ý, vì: *“chỉ có những giòng ghi ở đây phản ánh đúng bộ mặt mà người ta có thể phác họa về tôi.”*



D. Hammarskjöld

Nhật-ký của Hammarskjöld quả là những cuộc điều đình. Những cuộc điều đình lắm khi gây căng, căng thẳng và không dễ hiểu đối với người ngoại cuộc. Sau khi đọc lần đầu, tôi chỉ lãnh-hội được một phần nội dung; ngoài ra, cuốn sách chỉ gây cho tôi một số ấn-tượng tổng quát. Hammarskjöld phải là một người thích trầm tư lắm, đồng thời phải là một tín đồ sống đạo sâu xa và biết rõ Thánh-kinh cũng như khoa thần-bí Kitô-giáo lắm! Ông theo dõi từng cảm nghĩ và hành động của mình; ông trích dẫn nhiều lời Thánh-kinh và tác giả Kitô-giáo như Saint Jean de la Croix, Pascal, Maître Eckhard, Thomas à Kempis (tác giả cuốn *Giương Chúa Giêsu*), kèm

theo những lời suy niệm có vẻ sâu sắc độc đáo. (1)

Trước khi đọc lại tập Nhật-ký lần thứ hai, tôi đã tò mò tìm hiểu phản ứng của dư luận khi tập sách mới ra đời. Thì ra không phải một mình tôi mới ngạc nhiên, nghi ngờ. Tuần hạ cũng đã ngạc nhiên, đã ngờ vực, đã bàn cãi sôi nổi. Cả những bạn đồng nghiệp của ông cũng không ai ngờ rằng bên cạnh nhà ngoại giao đại tài, bên cạnh một Hammarskjöld thích leo núi và đọc sách, còn có một Hammarskjöld thứ hai, với một đời sống tình cảm dồi dào và một lòng mộ đạo hiem có. Sinh thời ông đi nhà thờ thường xuyên, dự lễ người Tin lành, người Chính thống Hy-lạp và nhất là người công giáo. Nhưng ông không bao giờ nhắc tới việc đó, cũng không tìm cách thuyết phục ai.

Vì cuốn Nhật-ký phát lộ một khía cạnh quá bất ngờ của tâm hồn Hammarskjöld nên người ta đã đề ra nhiều giả thuyết để cắt nghĩa: kẻ thì cho rằng là một tâm hồn bệnh hoạn, thiếu thành thực; người nghi ông kiêu căng đến nỗi tự gán cho mình một vai trò cứu thế của đức Ki-tô; người khác quả quyết ông là một nhà thần-bí Ki-tô-giáo của nước Thụy-Điển hiện đại, lấy đức Ki-tô làm mẫu mực hành động và tư tưởng. Sau khi niềm xúc động đã lắng xuống, hình như ngày nay người ta đã chứng minh đủ lòng thành tín mộ đạo của cố Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc. Người ta nêu lên nhận định tâm lý sau đây để cắt nghĩa phản ứng khe khắt của một số độc giả: sẵn óc bài giáo, người Thụy-điển không thể chấp nhận được rằng một đồng bào tài-ba lỗi lạc của mình như thế lại có thể say đạo và trầm tư như thế.

Họ không ngờ rằng chính Hammarskjöld đã viết những dòng sau đây trong

báo *British Weekly*: « Đức-tin là một trạng-thái của tình-cảm và linh-hồn. Trong nghĩa đó, người ta phải hiểu câu nói sau đây của nhà thần-bí I-pha-nho Jean de la Croix: đức-tin là sự kết-hợp của linh-hồn với Thiêc-chúa. Ngôn-ngữ tôn-giáo là một mô định-đề chứa đựng một thực-nghiệm tinh-thần căn-bản. Thực-nghiệm đó không thể diễn-tả bằng khái-niệm triết-học, như một thực-tại mà giác-quan có thể tiếp-xúc và khoa luận-lý có thể nắm chắc được. Sau này tôi mới hiểu câu nói trên ngụ ý gì. Lúc bấy giờ tôi mới tìm lại được đức-tin (...) như một cái gì liên-quan đến bản-thân mình. Tôi thấy hai lý-tưởng của tuổi trẻ tôi hòa-hợp với nhau, thích-ứng với những đòi hỏi của thế-giới hiện-đại, đúng như nền Luân-lý của Albert Schweitzer, một nền Luân-lý lấy việc phục-vụ nhân-loại làm căn-bản như Phúc-âm đã dạy » (2). Trong cuốn *This I believe* (Đây đều tôi tin) xuất-bản tại Nữu-uớc năm 1954, ông cũng viết gần như thế: « Một cách liên-lĩ, cởi mở và thành thực, tôi đã cố gắng xây-dựng đức tin của mình trong ánh sáng của kinh-nghiệm và suy-tư nghiêm-chỉnh. Cố gắng đó đã đem tôi quay lại điểm phát-xuất: Bấy giờ tôi đã tìm lại và hết lòng chấp nhận những tin-lưỡng tôi đã hấp-thụ được xưa kia, lúc mà tôi không thể chấp nhận giá-trị của chúng, không thể biến chúng thành máu huyết của máu huyết tôi.

Từ những thể-hệ quân-nhân và công-

(1) Saint Jean de la Croix là một nhà thần-bí I-pha-nho thế kỷ 16. Maître Eckhard là một nhà thần-bí Đức thế-kỷ 13. Cuốn *Gương Chúa Giêsu* cũng còn gọi là *Gương phước*.

(2) Theo Sven Stolpe: *Dag Hammarskjölds geistiger Weg* (con đường tinh-thần của D.H.) Frankfurt 1964, tr. 95-96.

chức về phía thân-phụ tôi, tôi đã thừa hưởng được lòng tin tưởng này : không cuộc đời nào đáng sống hơn cuộc đời phụng-sự đất nước hay nhân-loại (...)
 Ở những nhà bác-học và giáo-sĩ về phía mẹ tôi, tôi thừa-hưởng được lòng xác-tin rằng, theo một ý-nghĩa sâu xa nhất của Phúc-âm, tất cả mọi người đều bình-đẳng, đều là con cái Thiên-chúa và phải được đối xử như là những vị thầy của chúng ta trong Chúa ». (3)

oOo

Hammarström là một tâm-hồn hướng nội và cô-độc. Người thân-phụ và yêu-mến ông thì nhiều, nhưng không ai gọi được là thân-thiết của ông. Năm 1950 ông ghi trong Nhật-ký :

« Chỉ nói điều quan-trọng. Chỉ hỏi điều muốn biết. Trong cả hai trường-hợp, chỉ giới-hạn vào điều có thể kèm chế nổi. Chỉ bàn cãi để đi đến một kết quả ».

Và năm 1952 :

« Làm việc để tránh cô-đơn ! Lấy sách vở để thay thế người ! Người nói người chờ đợi cho cửa phòng mở ra. Nhưng có phải người chờ đợi người nào tới không ? Phải chăng ngọn núi Et-na, trên đó Empédocle ngồi chờ, là một định-mệnh bên kia thế-giới loài người ? (4) ».

« Cô-đơn không phải là căn bệnh dẫn đến cỗi chết. Không ! Nhưng có phải chết rồi mới hết cô-đơn chăng ? Và có phải càng gần chết, nó càng thêm trầm trọng ? ».

Cô-đơn, nhưng Hammarström coi đó là một nguồn sinh-lực cho hoạt-động, cho cuộc đời. Cô-đơn nơi ông là một tiếng gọi, mặc dù vẫn là một mối cảm-dỗ ích-kỷ phải lướt thắng. Ông quay vào nội-tâm, để tìm hướng đi cho cuộc đời và kiểm-điểm tư-tưởng, hành-động.

« Hãy cầu-nguyện cho sự cô-độc của người trở nên mũi gai thôi-thức người tìm

ra một cái gì đáng sống, một cái gì lớn lao đáng cho người hy-sinh tính-mạng ». (năm 1952).

« Càng bền chí quay vào nội tâm để nghe ngóng, càng nghe rõ hơn tiếng nói chung quanh. Chỉ ai biết nghe, mới đáng nói. Phải chăng đó là con đường hòa hợp hai giấc mộng : phản chiếu cuộc đời như tấm gương và tổ chức cuộc đời một cách trong sáng ? (năm 1941-1942) »

Ông so sánh tâm hồn mình với một khu đất không mấy ai biết tới, nhưng rất là phong phú :

« Giữa ồn ào, giữ cho được tĩnh lặng của nội-tâm. Cởi mở, lặng lẽ, như đám đất ẩm ướt phong phú trong bóng tối, nơi có mưa rơi và nảy mầm. (năm 1952) »

Hammarström là một tâm hồn quá ngay thẳng, quá trong sáng và quá say mê lý tưởng, để có thể chịu mòn mỏi trong lâu ngà kín mít. Hồi 20-25 tuổi, ông đã viết :

« Đừng bao giờ ước lượng bề cao của ngọn núi trước khi lên tới đỉnh. Ở đó, người sẽ thấy nó thấp biết bao ! »

Và :

« Đừng lo lắng mỗi bước chân sẽ dẫn tới đâu : chỉ ai nhìn xa, mới đi nhằm đường. »

Con đường công danh : từ 25 đến 48 tuổi giữ nhiều chức vụ quan trọng trong chính-quyền Thụy-điển ; 1953 lên làm Tổng-Thư-ký Liên-hiệp-quốc : 5 năm sau được tái cử. Ba sự-kIỆN lớn đánh dấu thời-gian tại chức : điều đình với

(3) Theo H. Sunden : Die Christusmeditationen D. Hammarströms (Dag. H. suy-niệm về đức Ki-tô). Frankfurt, 1967. tr. 19.

(4) Empédocle (490-430 trước kỷ-nguyên). Theo thần-thoại, ông vừa là một triết-gia, vừa là một bác-sĩ và có phép-mầu. Đã gieo mình vào miệng hỏa-diệm-sơn Et-na.

Bắc-kinh phóng thích tù nhân Mỹ, hòa giải vụ kênh đào Suez và giải-quyết vấn đề Congo. Đứng trên đỉnh công danh, Hammarskjöld có thể nhắc lại một lời ông nói hồi 20-25 tuổi :

« Con người ấy được thế nào, đã trở nên thế ấy : không hơn không kém, hẳn là một tâm hồn sẵn sàng ôm ấp tất cả trong một niềm hy sinh đơn sơ. » (Dịch lấy ý).

Có người cho rằng tư-tưởng « hiến thân làm lễ vật hy-sinh cho nhân loại » là chìa khóa để hiểu cuộc đời và nhật ký của Hammarskjöld.

« Còn ít năm nữa rồi sao ? Cuộc đời chỉ có giá trị tùy theo nội-dung của nó : sống cho kẻ khác. Nếu không có giá-trị gì cho kẻ khác, thì đời tôi còn đáng sợ hơn tử-thần. Bởi thế : trong niềm cô độc mệnh mông, — phụng sự tất cả ! Bởi thế : cao cả biết bao điều chúng ta nhận được ! Bé bỏng biết bao điều tôi dâng hiến !

Nguyện cho Danh Cha cả sáng, Nước Cha trị đến, Danh thánh Cha được thực hiện ! »

Đó là những dòng ông ghi vào nhật ký nhân ngày sinh nhật thứ 53 của mình (29/7/1958). Mẫu mực và nguồn sinh lực mà ông tìm thấy, là cuộc đời đức Ki-tô. Có thể nói ông đã tìm thấy ngài vào khoảng 1949, khi ông viết :

« Người muốn có gánh nặng. Nhưng người rên rỉ khi gánh nặng đặt lên vai. Người chờ mong một gánh nặng khác ư ? Người tin rằng niềm hy-sinh là vô tên tuổi ? (...) Ôi miền Césarée de Philippe ! »

Mấy chữ cuối cùng này ám chỉ một đoạn Phúc âm Saint Matthieu (chương 13), trong đó đức Ki-tô báo tin với môn đệ rằng ngài sẽ tình nguyện lên Giê-ru-da-lem để chịu chết hầu chu toàn trách

nhiệm của mình, và đòi hỏi nơi các ông : « Ai muốn theo ta, hãy từ chối mình đi, vác thập giá mình mà theo ta ».

Mùa Phục-sinh 1951, Hammarskjöld lại suy-niệm lâu về cử chỉ khiêm hạ và yêu đương của đức Ki-tô trước khi chịu chết :

« Một thanh niên rắn rỏi trong ý định hiến-thân. Người thân cận ông (tức các môn-đệ) kể lại rằng : trong bữa ăn buổi chiều thầy trò từ biệt nhau, ông đứng lên, cởi áo dài ra, rửa chân cho môn-đệ và tùy tùng. Một thanh niên trẻ trung, rắn rỏi, cô đơn trước định-mệnh cuối cùng của mình. » (1951)

Từ khi bắt gặp đức Ki-tô, Hammarskjöld kiểm thảo mình nghiêm nhặt hơn trước.

Ngày 7 tháng 5 năm 1953 ông được bầu lên chức Tổng-thư-ký Liên-hiệp-quốc. Hôm đó Nhật ký ông trích lời sau đây của cuốn Gương Chúa Giêsu :

« Được đứng vững trong Thiên-chúa, họ không thể nào kiêu căng được, và bởi vì họ hoàn lại cho Thiên-chúa tất cả mọi ơn huệ Ngài đã ban cho mình, nên họ không nhận danh vọng của nhau, nhưng chỉ ước ao vinh quang của một mình Thiên Chúa mà thôi. »

Ông định-ninh rằng đây là tiếng gọi quyết-định của đời mình, do Thiên-chúa sửa soạn. Ngài muốn dùng ông để thi-hành chương-trình của mình, nghĩa là xả-thân hy-sinh vì đồng loại.

« Khi Thiên-chúa hành-động, ngài hành động vào những giây phút quyết định, như bây giờ chẳng hạn ».

Đó là lời ông viết, chính vào năm ông được lên chức tại Liên-Hiệp-Quốc.

Mùa hè 1956, vụ khủng-hoảng Suez xảy tới : Pháp, Anh và Israel tấn-công Ai-cập. May có sự hòa-giải của Liên-Hiệp-Quốc mà vụ tranh-chấp được dàn

xếp. Chiều áp lễ Sinh-nhật năm ấy, ông viết :

« Không phải công-trình của người đã mang lại kết-quả đó. Chỉ một mình Thiên-chúa mà thôi. Nhưng hãy lấy làm vui mừng vì Chúa đã dùng người vào công việc của Ngài ».

Bạn bè Hammarskjöld nhận định rằng, từ khi vào làm việc tại LHQ, biết chắc mình sống dưới bàn tay hướng-dẫn của Thiên-chúa, ông tỏ ra hăng hái và vui tươi khác thường.

« Tôi không biết ai, hay cái gì, đã cất tiếng hỏi... Nhưng có một lần tôi đã thưa Vâng với ai, hay cái gì. Và từ đó tôi chắc chắn cuộc đời có ý-nghĩa và bởi đó, đời tôi, — trong vâng phục —, có một cùng đích. (1961) »

Đời sống tôn-giáo của ông xem ra càng ngày càng thêm sâu sắc. Có những giây phút dường như ông được trải qua một thực-nghiệm thần bí. Chẳng hạn :

« Gặp gỡ một thực tại, nhẹ nhàng và mạnh mẽ như chạm vào bàn tay người yêu : kết-hợp bằng cách phó thác mình, nhưng không tự tan biến, với sự sáng suốt của tình-cảm và sức ầm của trí khôn. Như gần trong nắm, gió. Như xa. (1955) »

Hammarskjöld biết chắc đời mình sẽ kết-liệu bằng thập-giá, vì ông đã được Thiên-chúa tuyển-chọn.

« Ai đã tuân theo định-mệnh mình, đều biết rằng con đường của người được kêu gọi (làm môn-đệ Chúa) sẽ kết-liệu trên thập-giá, dù khi con đường ấy dẫn qua tiếng tung-hô của Đê-nê-da-rét và hải-hoàn-môn của Giê-ru-da-lem. (5) »

Tiếng « định-mệnh » mà ông thường dùng trong Nhật-ký, không phải là thứ định-mệnh khe-khắc mù-quáng của văn-chương Hy-lạp, nhưng chắc phải hiểu

theo thuyết « tiền-định » của khoa thần-học ki-tô-giáo : hạnh-phúc giải-thoát cuối cùng của mỗi người trước tiên là do ý muốn và sự phù-trợ của Thiên-chúa ; tuy thế tự-do con người không bị tiêu-diệt, trái lại phải tích-cực cộng-tác vào và hơn thế nữa, còn có thể từ chối ý muốn và ơn phù-trợ của chính Thiên-chúa. Vì thế người tín-đồ chân chính không cầu mong gì hơn là được tuân theo Thiên-ý.

Hai năm cuối cùng, ý tưởng chết hình như không rời Hammarskjöld ra nữa. Người ta có cảm tưởng ông linh cảm được ngày mệnh-chung của mình đã gần. Từ tháng 8 năm 1959 trở đi, Nhật-ký 1 hần lớn gồm những bài thơ thâm thúy và cảm động. Bài thơ đề 3/12/1950 sau đây, làm người ta liên-tưởng tâm trạng đức Giê-su trong vườn Cây dầu, mấy giờ trước khi ngài bị người Do-thái bắt đi hành hình :

Câu trả lời,
người hãy học ;
Niềm vui,
người hãy quên đi ;
Đường đi,
người hãy dẫn bước ;
Chén đắng,
người hãy dốc cạn ;
Niềm đau
người hãy dấu kín ;
Tàn đời
người rán chịu đựng.

Và trong bài thơ khác đề 6/7/1961, có mấy câu :

(5) Ở Đê-nê-da-rét, đức Kitô được dân-chúng tuân đến nghe thuyết-giáo và xin chữa bệnh ; ở Giê-ru-da-lem ngài được thiên hạ tung-hô như một hoàng-đế.

Mệt mỏi.

Cô đơn.

Mệt mỏi đến nhức nhối tâm thần (..)

Con đường khác có chỗ nghỉ ngơi
ngoài nắng ấm

đề cùng nhau hò hẹn.

Nhưng con đường này

là của người.

Bây giờ,

bây giờ ~~đây~~ người không được đầu hàng.

Hãy khóc

nếu khóc được !

hãy khóc,

nhưng đừng than van !

CON ĐƯỜNG đã chọn người,

và người hãy cảm tạ.

Hình ảnh cái chết lại còn rõ rệt hơn
trong những vần thơ sau đây :

Về sau, những đêm dài không ngủ,
tự hỏi mình :

tôi hành động đúng, sai ?

và sao lại làm như thế ?

Đề rồi đi lại nhịp bước cũ

lặp lại lời nói xưa

mà chẳng được trả lời.

Đợi,

nơi người ta xô mình xuống

trên bia đạn trần trỗng

với mũi tên cắm chặt.

Cung lại trưng

tên bay mịt mù

— Đã qua rồi chưa ?

hay chúng chỉ cợt đùa :

Tay run run

hay chỉ là gió :

Sợ gì ?

Nếu chúng bắn nhầm,

nếu chúng giết đi,

thì can chi mà than khóc ?

Hammarasköld không bị mũi tên của
một bộ lạc hung dữ náo bắn chết giữa
rừng, nhưng trường hợp tử nạn của ông
cũng mang vài nét hơi tương tự và
không kém phần bi đát,

Không bao lâu sau khi Congo dành
được độc-lập (tháng 7 năm 1960), ông
Moise Tshombé tuyên bố tách rời
Katanga ra thành một tỉnh tự-trị. Vì
thế chính quyền trung ương Congo phải
yêu cầu Liên Hiệp Quốc ủng hộ quân
đội và kỹ-thuật. Thế là chiến tranh
bùng nổ. Nga-sô, Anh và Bỉ cực lực
phản đối sự hiện-diện của quân đội LHQ
tại Congo. Ngày 12-9-1961 Hammarasköld
đến Leopoldville điều đình, nhưng không
có kết quả. Năm ngày sau, ông bay qua
một địa điểm giữa Katanga và Rhodésie
để thương thuyết với Tshombé. Nhưng
trên đường, phi cơ bị rơi và trong 15
hành khách chỉ còn một người sống sót.
Trước khi đội quân cấp cứu đến, đã có
một tốp người đến cướp phá và tử thi
mấy người lính hộ-vệ của ông Tổng-
Thư-ký đều bị đạn xuyên.

Hammarasköld tử nạn trong khi thi
hành phận sự.

Cuốn sách cuối cùng ông đã đọc và đề
lại Leopoldville là cuốn :

Gương Chúa Giê-su của Thomas a
Kempis.

NGUYỄN-KHÁNH-HÒA

CÚI MẶT

3 | Thằng Hàng trốn thoát được ba hôm thì trại dời đi nơi khác. Trại cũ theo thói quen ngoài miệng, mang một cái tên «trại thằng Hàng». Cứ mỗi lần nhắc tới cái tên ấy, mọi người liền tưởng đến những ngày mưa tầm tã với những cơn gió lạnh căm căm. Trong mấy ngày mưa gió ấy, người ta chẳng làm được gì ngoài việc đi hái từng ôm lá quế cho qua ngày giờ. Bếp rúc không thối nấu được, củi và than dự trữ đều bị ướt. Gần sáng mỗi lần lên lửa là khói lại um lên lan ra khắp trại. Mấy cô cấp dưỡng lúc nào mắt cũng đỏ hoe như vừa mới khóc. Bếp còn nhưng không có củi hầm, vốn dĩ cái giống bắp tẻ lại lâu chín, cả trại phải ăn cháo. Buổi sáng với 100 gam gạo, mỗi người được hai lưng chén; nhưng buổi chiều với 50 gam còn lại, người ta chỉ húp một hơi dài là hết cả phần ăn. Ngày đầu tiên người ta thấy đói và tưởng mỗi người có thể ăn được đến cả chục phần ăn, ngày thứ hai người ta mới nhận ra cái cảm giác đã có ngày hôm qua là đều không thực, cái đói khác hơn nhiều, ruột gan cồn cào như có cả ngàn con kiến đang bò, mắt mũi hoa lên, người vằng vắt trong một thứ cảm giác khó chịu của sự mệt mỏi. Sang ngày thứ ba thì cơn đói thực sự trở thành một kẻ thù ghê gớm. Tay chân như mất hết hơi sức, người nọ ngồi đương mắt nhìn người kia chẳng ai buồn mó máy gì cả. Lá quế ăn mãi đâm đắng miệng. Quan ăn nhiều đến nỗi dộp cả lưỡi. Mưa gió vẫn không ngớt. Suốt ngày khi núi bốc lên mờ mịt. Trong ba ngày liền, quần áo mọi người chẳng lúc nào khô ráo. Thảo bị cảm, những cơn ho bắt đầu dội lên trong lồng ngực. Những lúc mưa nhỏ hạt, Thảo kê gối đỡ ngồi dựa đầu vào vai Quang ngủ gà ngủ vịt. Hơi thở nóng hừng hực của Thảo phả vào vai vào cổ làm Quang ái ngại, lo lắng cho bạn. Quang thấy mình cần phải nhả nài chịu đựng và tỏ ra can đảm. «Biết đâu Chúa chẳng thử mình, muốn xem mình có oán thán Người không? Mình phải tin và kính Chúa, Chúa chẳng bao giờ bỏ quên những con chiên ngoan đạo». Nhưng Thảo thì khác, sau mỗi cơn ho Thảo tỏ ra mất bình tĩnh hơn.

— Quang này, tao chịu hết thấu rồi
tao lạnh quá!

Quang im lặng. Giọng Thảo khe khẽ,
mơ hồ:

— Thằng Hàng giờ này chắc về tới
nhà rồi! nó liệu thật, mày nhỉ?

Quang quay mặt nhìn đi chỗ khác lảng
tránh câu chuyện, những lời nói xoay
quanh vấn đề thằng Hàng trốn quá
là đều không nên. Từ hôm nó cắn dây
chạy mất và những người canh vệ phải
chia nhau lưng cả buổi trời không thấy

thì hầu như cả trại ai cũng ngấm cảm thấy mình phải chịu một phần trách nhiệm trong đó. Nhưng cơ quan thì vẫn không thấy thái độ nào rõ rệt ngoài việc giam anh tư Sang vào kỷ luật. Nhưng bất thần, vào cái lúc mọi người hầu như quên lãng việc chạy trốn của thằng Hàng thì một biến cố mới xảy đến.

Đêm hôm thứ ba, trời mưa lớn, nước như được trút xuống từ trên cao, gió rít trên đầu các ngọn cây như tiếng muôn ngàn thú dữ gầm thét. Gần sáng thì mưa tạnh mọi người mệt mỏi ngủ tiếp đi sau những giờ khắc vật lộn cùng mưa gió. Nhưng lập tức mọi người bị đánh thức vì những tiếng la hét trong trại, tiếng chân chạy rầm rập, tiếng lên cò súng. Ông Sáu Côn hét lạnh lạnh. « Nó tầu thoát, bắt lấy nó ! bắt lấy nó ! » Ánh đèn pin lấp loáng tiến về phía ven suối rồi biến mất sau những lùm cây. Trong bóng tối Thảo ngồi sát hẳn vào người Quang. Một ánh chớp lóe lên, Quang thoán thấy ông xu ngồi dè tay lên ngực như cố ném cơn sợ hãi Tự dưng Quang mong cho người nào đó tầu thoát đã chạy được thật xa thoát khỏi tầm súng của người canh vệ. Một tiếng súng nổ chát chúa từ phía xa vọng lại rồi tiếp theo tiếng nổ khác nhỏ hơn. Một lát sau, ông Sáu Côn trở về, giọng cười ngạo nghễ vang lên từ bờ suối. Nghe tiếng cười, Quang có cảm tưởng vừa có một làn gió lạnh luồn vào trong lưng làm gợn lớp da. Ông Sáu Côn nói lớn.

— Chạy đâu cho thoát chứ ! Thấy người ta chạy cũng bày đặt.

Ông ngừng một chút để cười rồi nói tiếp :

— Bốn toàn đâu rồi hé, đem cùng

thằng này lại, còn thằng kia để mai khiêng về.

Quang cố nhìn ra ngoài nhưng không trông thấy gì. Cả trại chìm trong im lặng. Tiếng nói khô sắc, lạnh lẽo của ông Sáu Côn như vẫn còn âm lên ghê rợn trong đêm tối. Ngọn đèn chai được thắp lên. Ánh lửa đỏ siêu vẹo vì những cơn gió thổi qua, tỏ ra một thứ ánh sáng đỏ và đục. Qua làn khí đá dày đặc như hơi nước, thấp thoáng bóng hai người canh vệ cầm súng đứng yên lặng như những pho tượng màu đen. Anh Bốn đoàn đang loay hoay trời thẳng Ngươn, tiếng ống khóa lách cách. Ngọn lửa tắt phụt đi. Quang nghe thấy ở bên cạnh tiếng ông Xu thở dài nhẹ nhẹ.

Buổi sáng hôm sau mọi người được tụ họp thành vòng tròn sau khi ăn cháo. Gió vẫn lạnh nhưng không có mưa. Mọi người đứng lơ nhố sau những mô đất đơi khiêng xác thằng Chính. Ông Sáu Côn đi đi lại lại giữa vòng người kể lại chuyện đuổi bắt hai người tầu-thoát. Thằng Ngươn bị trời quật hai tay ra sau. Ông Sáu cúi xuống hỏi :

— Máy hãy nói lớn cho mọi người nghe. Tại sao mày tầu thoát ?

— Dạ thằng Chính rủ tôi.

— Nó nói thế nào với mày mà mày nghe lời nó ?

— Dạ, nó nói ở đây đói khát mà cơ quan chắc gì đã khoan hồng cho về sým.

— Nó còn nói gì với mày nữa không ?

Thằng Ngươn cau mày suy nghĩ :

— Dạ nó còn nói chạy xuống tới chân núi gặp bọn Mỹ dơ tay xin hàng nó không có bắn.

Ông Sáu ngẩng lên cười rồi nói với mọi người :

— Cơ quan đã đề ý hai tên này lừ lâu, chúng thường chuyện trò to nhỏ với nhau, hồi ăn bắp chúng không ăn phần

muối để tích lại phòng đi rừng đốn củi
đác ăn.

— Có phải thế không ? Ông cúi xuống
lần nữa.

— Dạ phải.

Ông Sáu đứng thẳng nhìn vào mặt
từng người :

— Bà con coi đó, tất cả các hành động
của bà con đều được cơ quan theo dõi
chỉ có điều chúng tôi không muốn nói
ra. Đã đi cải tạo tất nhiên bà con phải
chịu khổ cực, nhưng bao giờ cơ quan
cũng khoan hồng cho người hối lỗi. Kỳ
tết vừa rồi cơ quan đã phóng thích cho
bao nhiêu người bà con không nhớ sao.
Cách mạng bắt được là sống rồi, như
thằng Ngươn này lúc hô đứng, nó ngừng
lại dơ tay lên, cách mạng có bắn nó đâu.
Nó vẫn sống và nó còn thành thật khai
suất, nó biết nhận lỗi, cơ quan sẵn sàng
tha thứ cho nó. Nếu nó cố gắng cải tạo
không chừng nó còn sớm được khoan
hồng hơn những người khác.

Ở sau một hòn đá, tiếng ông đoàn phó
hô lên :

— Hoan hô lệnh khoan hồng của cơ
quan — Hoan hô !

Tiếng cả một đám đông bật lên vang
đông.

— Ai lại cời trói cho nó — ông Sáu
ra lệnh.

Ông Chín già cầm chùm chìa khóa
bước lại. Thằng Ngươn được mở còng
chấp hai tay trước ngực vẫn giữ nguyên
thế quỳ :

— Thưa cơ quan, em rất đội ơn cơ
quan. Từ giờ em quyết tâm cải tạo và
sẵn sàng phát giác những âm mưu tâu
thoát của bất cứ người nào rủ rê em :

— Hoan hô tinh thần hối cải của anh
Lê-văn-Ngươn - Hoan hô !

Tiếng ông đoàn phó lại cất lên và mọi
người lại đồng loạt hòa theo. Người chết
đã được khiêng về thòng dây treo lên một
cành cây thấp. Ông Sáu dơ tay chỉ vào
cái xác ướt đầm đọng trên sợi dây :

— Đây là một thằng phản động. Bà
con hãy phỉ nhổ nó. Những ai có cái ý
tưởng thoái hóa như nó thì phải từ bỏ đi.
Tôi biết là trong số những người đứng
đây — ông khoa tay về một vòng tròn
chung quanh người — có những tên vẫn
còn nuôi những âm mưu tâu thoát nhưng
chưa có cơ hội. Tôi nói thiệt, dứa nào có
gan cứ chạy, miễn nà n còn cả 14 triệu
dân chống Mỹ, chết đi một vài chục thằng
bán nước đâu có nghĩa lý gì.

— Đả đảo tên ngoan cố ! Đả đảo ! đả
đảo tên Đặng Chính phản động ! Đả đảo !

Tiếng gào thét như vọng đến những
cánh rừng chung quanh. Thằng Ngươn
cầm một cục đá lớn ném vào giữa mặt
xác chết. Ông Sáu lùi ra chỗ khác tránh
những hòn đá khác tới tấp bay đến. Xác
thằng Chính xoay trên đầu dây, mái tóc
ước bết vào da đầu, bên mang tai một lỗ
thủng lớn sâu hút vào.

Thằng Điện chạy ra níu lấy chân ông
Sáu sợ hãi kêu. Ba ! Ba ơi !

Quang nhắm mắt lại và nhận thấy giọng
mình lạc đi.

oOo

Sau khi chôn cất thằng Chính, trại lại
lục tục dời đi chỗ khác. Đồ đạc của trại
từ hôm đến vẫn chưa đem ra dùng trừ
một vài thứ cần thiết nên từ lúc có lệnh
dọn đi đến lúc khởi hành, người ta phải
tốn nhiều thì giờ sửa soạn. Cơ mưa đã
dứt, trong rừng le lói có những đốm nắng.
Qua vòm lá, người ta có thể trông thấy
từng mảng trời xanh, trong vắt. Tiếng
chim sâu riu rít chuyển cảnh hứa hẹn

một ngày nắng ráo. Mọi người vui vẻ đi như vừa trốn chạy khỏi mấy ngày mưa gió vừa qua. Ánh nắng làm tan mau chóng lớp khí núi. Không khí ấm dần. Cảnh vật dọc đường thay đổi hẳn, mới mẻ và sáng sủa hơn. Nước chảy ồ ồ trong các khe đá tràn lan ra ngoài, theo các kẽ dốc làm thành muôn ngàn dòng nước nhỏ chảy chằng chịt. Xác lá rụng theo dòng nước trôi đi băng băng. Một vài con chèo chuộc vắt vèo du trên cánh sườn nắng, phơi cái bụng lớn và trắng như một cục bột tròn mịn. Một thân cây lớn bật gốc nằm vắt ngang khối đá, vươn lên trời đâm rễ ngoằn-ngoè.

Lần này trại dọn đến một nơi thật đẹp, bằng phẳng rộng rãi, chỗ thung lũng tiết giáp của ba ngọn núi. Giữa hai chân núi là một con suối, nước chảy lenh lảnh trên một bề mặt rộng. Lòng suối nông tuyến cát và sỏi, người ta phải đào một cái hố lớn giữa dòng để mức nước dùng. Dòng suối chảy thẳng rồi tản mác đổ ra vùng đất rộng đầy cỏ hoang dưới chân ngọn núi nằm vắt ngang như một bức tường đen đồ sộ chạy cắt đứt hai rặng núi phía trên theo một chiều chênh lệch.

Ngày buổi sáng sau hôm dọn đến, cơ quan đã phân công đi chặt cây, đốn lá, bứt dây về dựng trại. Thời tiết khô ráo và vì được ăn bắp trở lại, mọi người đều hăng hái làm việc, cả ngày rộn rịp tiếng cưa tiếng đục, tiếng những bó lá được rinh đi trên mặt đất soèn-soẹt. Kỷ luật được dành một khu đất trống để ở. Bị cùm xích lâu ngày, Quang thêm được tự do chạy đi chạy lại, được cử động chân tay. Quang ngồi ngắm ông già đánh lật lộp lá, nhìn anh Bốn Đoàn cưa cây không biết chán. Hai ngày sau, những cái khung nhà đã được dựng lên, cho

vơ mấy cây cột chống và mấy cây xà gỗ bắc ngang. Mấy ông già khéo tay bắt đầu lên bện sạp. Cùng một lúc những bó lá cũng được kéo lên mái. Ngày thứ tư, lúc mọi người vừa bắt tay vào việc thì được tin cụ Chắt chết. Cái tin được loan truyền đi thật nhanh. Mấy cụ già bên sạp buông mớ dây đưa mắt nhìn nhau, những người đàn bà đánh lá dừng tay ngừng cổ nhìn về phía đầu suối chỗ cụ Chắt nằm, mắt đăm chiêu. Đến chiều thì xác cụ được đem đi. Cụ được bó bằng những cành cây nhỏ, hai bàn chân thò ra ngoài, mắt nhắm một chiếc áo cũ. Người ta đánh hai nút dây lớn ở hai đầu và thông một chiếc đòn và khiêng đi. Ba người đàn ông mang cuộc sêng đi đầu rồi hai người khiêng xác, cuối cùng là người cảnh vệ. Cầm súng đi theo. Lúc đoàn người đi qua. Quang nhìn thấy mấy sợi tóc bạc của cụ thò ra ngoài phất phơ. Ông Xu cúi gằm mặt xuống. Quang lần nữa đọc lại một đoạn kinh cầu nguyện cho người chết. Các toán tự giác ngừng việc im lặng nhìn như đề tiện người bạc phúc. Nhưng lúc bóng đoàn người đi chôn khuất sau những thân cây thì vẻ trang-trọng như cũng mất theo, tiếng ồn ào cười nói lại rộn lên từ mặt đất cho đến mái nhà.

Buổi tối, cơm nước xong, kỷ luật được vô ngũ trong nhà. Nhà chưa lợp xong hẳn, các rệp cây chung quanh cũng chưa kịp đóng song ai cũng tỏ vẻ vui mừng — đầu sao cũng còn hơn ngũ dưới đất và đêm đến tắm sương. Mọi người lại trở lại cái thú ngũ trong nhà, có sàn lát bằng cây, có mái che mưa và nửa đêm tỉnh giấc được trông ánh đèn chai bập-bùng. Họ nói chuyện ấm ỉ. Quang có cảm giác ấm cúng của một người đi xa khổ cực được trở về cuộc sống

dầm ẫm bình thường. Thảo ngồi dựa lưng vào vách hát nho nhỏ một bản vọng cổ vừa lấy chân đánh nhịp. Ông Tám Xu tỏ vẻ mệt mỏi, nằm xuống kéo mền lên tận cổ. Trong bóng tối chập chờn, trông cả khuôn mặt ông chỉ rút lại còn hai gò má cao và cái cằm nhọn nhô ra đằng trước. Mấy hôm nay, những cơn sốt rét mà ông tưởng đã dứt hẳn được từ hơn hai tháng trước, lại trở lại hành hạ ông dữ dội vào mỗi buổi chiều. Người ông càng quắt lại như que củi. Sau mỗi cơn sốt, ông ham nói chuyện và câu chuyện đầu được mở đầu bằng cách nào cũng được kéo trở lại quanh mấy thửa ruộng và con bò già có nghĩa. Ông cũng thích được nghe người khác tán tụng những kinh nghiệm trồng trọt của ông.

Ông Đoàn phó bước vào lúc Quang đang vén quần xem xét vết thương ở bắp chân đã lăm độc, sưng mủ và sưng lấy lên. Ông vừa đi vừa nói: “nghe đây! nghe đây!”. Lúc mọi người im lặng chăm chú nghe thì ông lại bỏ tờ giấy xuống, quàng hai tay ra sau lưng, tạo nét mặt nghiêm trang. Quang cúi xuống lấy tay chà nhẹ nhẹ vào khoảng thịt ven miệng vết thương, thấy bực mình trước cái kiểu ưa lập nghiêm bất thành linh của ông Đoàn Phó.

— Nghe đây! ông Đoàn Phó lặp lại.

Quang hừ nhẹ trong cổ: “cái thằng cha thiệt dễ ghét!”

Trại cải tạo huyện... ngày... tháng... ông bắt đầu đọc giọng lớn và rõ ràng. Quang ngẩng lên tò mò.

“Chúng tôi đồng ký tên dưới đây: Ba Thuộc, Sáu Côn cán bộ an ninh cấp huyện — Bốn Thái tiểu đội trưởng tiểu đội cảnh vệ — cùng 257 trại viên cũng chứng kiến và xác nhận cái chết

của tên Trương Văn Chắc như sau:

Tên Trương Văn Chắc, 72 tuổi, ngụ tại thôn An Hòa Xã Kiến Hậu, can tội làm tay sai cho giặc Mỹ, bị bắt ngày... và đã trút hơi thở cuối cùng vào hồi 8 giờ sáng ngày...

Vì tuổi già, đương-sự được cơ-quan miễn kỷ-luật cùng nhiều công-tác lao-động. Nhưng ít ngày gần đây vì không chịu được khí-hậu miền núi, đương-sự đã ngã bệnh. Mặc dầu đương-sự đã được cơ-quan cung-cấp thuốc men và lưu tâm săn sóc, nhưng vì sức yếu đương-sự đã trút hơi thở cuối cùng vào ngày giờ nói trên.

Kiểm điểm trong người đương-sự ngoài bộ quần áo mặc trong người, chúng tôi còn thấy hai bộ bà ba và một cái mền đã cũ, ngoài ra đương-sự không còn tiền bạc và đồ tư-trang nào khác. Cơ-quan đã cho khám-liệm thi-thể đương-sự tại một vị-trí khoáng-đăng gần trại.

Vậy nay lập biên-bản này để làm vi-bằng và lưu-chiếu về sau. — Đồng ký tên.

Ông Đoàn phó gấp tờ giấy, cúi xuống đặt lại ngọn đèn vào chỗ cũ. Quang nhìn lên những sống lá dài trên mái, tưởng tượng lại mấy sợi tóc bạc lòi ra ngoài phất phơ với hai bàn chân nhàn-nhàn tìm ngát của cụ Chắc.

— Tiện đây tôi muốn báo cho bà con biết một tin không vui lắm.

Ông đoàn phó ngừng lại, nuốt nước bọt, im lặng như để tìm âm-hưởng lời nói của mình nơi những người đối diện.

— Với tư cách đoàn phó trông nom việc ăn uống, tiền nong, thuốc men trong trại, hôm qua tôi đã trình lên cho cơ-quan biết số bắp hạt dự trữ trong trại không còn đủ ăn trong 3 ngày nữa — Ông ngừng lại xoa-xoa hai tay vào nhau

— Tôi đã được cơ-quan thông-cảm về vấn-đề này, vậy xin phò-biến đề bà con được biết. Hiện tại cơ-quan không tìm đâu ra một thứ hoa mẫu nào để thay thế cho bắp. Đó là một điều ngoài ý muốn của cơ-quan. Vì như bà con đã rõ với địch tình o-ép thế này, tất cả các phương tiện chuyên chở đều khó khăn. Chúng ta có thể có tiền nhưng không tải được gạo, bắp, mì hay lương lên núi. Phần nữa, các nông trại của ta đều bị giặc phá hủy mà hiện tại chúng ta vẫn chưa tiếp tục lao-động sản-xuất được. Với phần gạo còn lại, chắc chắn chúng ta không thể nào ăn đủ no, để tạm thời giải quyết, mỗi ngày cơ-quan sẽ cắt một toán người vào rừng đốn củ-hủ hay hái lá mương-dóc để ăn lộn với cơm. Điều đó đủ chứng tỏ cho chúng ta biết cơ-quan lúc nào cũng lưu tâm săn sóc tới chúng ta. Cách-mạng là gian khổ. Đây là một cơ hội quý báu nhất để chúng ta thể-hiện tinh-thần ăn năn hối cải, một cơ hội để chúng ta chuộc lại những lỗi lầm đã phạm với nhân-dân. Bà con đồng ý với tôi điểm đó không ?

— Đồng ý. Tiếng một vài người đáp lại rồi rạc.

— Vậy tôi sẽ hô ba lần câu « cương-quyết khắc phục gian khổ ». Tôi hô dứt bà con sẽ hô theo « cương - quyết ». Bà con lãnh-hội đầy đủ đó chứ?... À, được rồi,... bà con sửa soạn, nào... ta hô... « cương-quyết khắc phục gian khổ ».

— Cương-quyết !

— Nhỏ quá, tôi nhận có một vài cá nhân cố tình không muốn tham gia. Hô lại đi ! « Cương quyết khắc phục... »

— Cương quyết !

— Chưa được vẫn còn nhỏ. Hét lên ! nào, một lần nữa : « Cương-quyết khắc phục gian khổ ».

— Cương-quyết !

Ông Đoàn phò xua xua hai tay :

— Ờ, ờ được rồi, khá lắm. Tôi ca ngợi tinh-thần. .

Một cơn ho kéo lên cắt đứt câu nói, ông Đoàn phò đề một tay lên ngực như muốn nín cơn ho lại. Ông lão đảo tiến ra phía cửa, người cong gập lại, tiếng ho xa dần.

— Bà con rằm xuống nghỉ đi, khuya rồi : Chắc anh Bìn bận không điem danh được.

Ông Chín già vừa nói vừa uể-oải đứng dậy phủi đất quần. Quang quay lại tìm cái mền đắp. Thảo hích nhẹ vào vai Quang thì thầm :

— Tao nghi tụi mình bỏ xác quá. Rồi mày coi, đôi thấy ông cố nội, cố ngoại !

Quang trườn người vào trong mền không đắp. Bắp chân bị chạm vào nẹp cây đau thốn lên. Quang nhắm mắt kêu nho nhỏ. Lúc cơn đau dịu đi, Quang thấy buồn ngủ, một thứ mệt mỏi dịu dàng lan ra khắp người. « Mình phải đọc kinh đã », Quang nghĩ vậy và cố cưỡng lại cơn buồn ngủ. Bên cạnh, ông Tám Xu trở mình nặng nhọc, rồi tiếng ông nói thều thào trong mền :

— Quang này, cái thừa đất sau nhà mà tôi nói với anh đó, tôi nghĩ lại rồi, mình trồng thuốc lá có lợi hơn. Tôi biết cách trồng thuốc hút đậm mà dài khói. Anh tin đi !

Quang cố gắng để không bị đánh lạc khỏi những lời kinh.

— Cũng chẳng khó gì cả, chỉ cần mình biết ủ phân.

Giọng ông Xu trở nên yếu ớt. Quang mơ hồ nghe thấy một loài chim ăn đêm bay qua với tiếng vỗ cánh nặng nề

Buổi sáng, lúc mặt trời đã lên cao, kỷ luật được dẫn đi tắm. Quang lựa trong bọc một bộ bà ba sạch có sọc dài màu tím thẫm và mang theo cả cái nền đắp. Thảo loay hoay giữa hai bộ quần áo làm Quan phải gắt lên. Thảo xếp bộ bà ba xanh lơ vào gói đồ với một vẻ dứt khoát. mắt nó nhú lại :

— Đề dành bộ này bao giờ về mặc cho bà già trông thấy mừng.

Mọi người được dẫn tới cuối giòng suối, đứng ở đó có thể nhìn được mấy tảng đá trắng trắng chân núi bên kia. Bọn gác kỷ luật chia nhau ngồi chung quanh cạnh chừn. Nước ngập đến mắt cá chân chảy tràn lan ra hai ven bờ cát. Một vài người cúi xuống bới những hố trũng để giặt đồ. Quan đắp áo xuống nước đắp lên nặt. Nước suối lạnh như nước suối mới tan làm Quang rùng mình. Bên cạnh Thảo cười nhếch nhác :

— Đố mày ngâm cái áo dưới nước một ngày, mấy con rận chết không ?

Quang kỳ những ngón ghét ở cổ tay, không đáp vào câu hỏi :

— Mày coi chừng đó, nhớ kỷ là mày chưa hết ho mả.

Thảo nghiêng răng, xé cả hai bàn tay chà lên ngực :

— Sợ gì, mày trong kia, con mụ Xuân nó còn dám tắm.

Gần đó, phía dưới thấp hơn, mụ Xuân đang ngồi bệt xuống suối, ngực cởi trần để lộ đôi vú nhỏ và hơi trể xuống. Nghe nói đến tên mình, mụ ngẩng đầu lên cất giọng eo-éo :

— Ai nói gì tôi đó ? Tôi đâu có làm gì các người, các người đốt nhà tôi chỗ đâu cho con tôi ở ?

Thảo cười :

— Ai nói gì bà, mắt lé chớ tai cũng lé nữa sao ?

Quang nhìn đôi mắt ngơ ngác của mụ Xuân, cau mặt nói :

— Thôi Thảo, con mẹ nó khủng khủng mà chọc nó làm chi.

— Mụ Xuân bắt đầu đổi sang giọng thăm thiết :

— Tôi biết quá mà, con tôi nó chết rồi, người nó đen thui, nó gánh nước với hai cái ống bơ ...

Quang cọ mạnh hai chân, vẩy vẩy cho cát chìm xuống nước, rồi vội vã chạy khuất sau một góc cây thay quần áo. Thảo cũng lúp xúp chạy theo, thở hít hà, miệng bốc khói. Ông Tám xu bị sốt không dám tắm. Ông vốc nước rửa mặt và kỳ qua loa hai cổ tay rồi đến một khoảng nắng gần gốc cây cởi trần phơi nắng. Quang vắt cái quần lên cành cây, tiến lại chỗ ông Xu ngồi :

— Bắt hết rận trong mền chưa ông Tám ? — Quang hỏi.

Ông Xu như đang suy nghĩ điều gì, giặt mình ngừng lên ngơ ngác :

— À ! ... chưa, thiếu cha gì.

Quang với tấm mền của mình trải lên đùi và bắt đầu từ một góc. Một vài con rận lớn bị động chạy găm đầu vào kẽ đường viền, đuôi chổng ra ngoài. Nắng làm nóng mông da lưng, làm mạch máu trong người chảy mạnh, Quang ngược mặt nhìn lên trời mong cho nắng nhiều hơn nữa và mình được ngồi mãi trong luồng nắng ấm áp đó. Thảo giặt quần áo xong đến đứng bên cạnh vươn vai xoay đi xoay lại. Đột nhiên, nó dừng lại cười hình hích :

— Quang này, hình như ông tám dư một cái xương sườn.

Quang đưa mắt nhìn thân hình quắt

queo của ông Xu với những đường xương hẳn rõ ra bên ngoài trông như một bộ xương người được bao bọc bằng một lớp da khô và bần :

— Dễ thương mày mập lắm, tao cầu cho mày còn cái xác lết về nhà.

Thảo vén áo nhìn hai cánh tay mình, mặt sụ lại, uể oải ngồi xuống kéo một góc mền bắt rận. Quang gọi chuyện :

— Ê này, cái con Tư con Từ gì đó, hồi ở nhà sao mày không lấy phứt nó đi cho rồi.

— Làm gì có tiền, phải có tao cũng lấy rồi — Thảo đáp giọng buồn buồn.

Ông Xu ngửa mặt, lắc lắc cổ cho khỏi mỏi, tay vẫn cầm tấm mền, nói bằng quơ :

— Năng tốt quá, năm nay chắc được mùa.

Quang vẫn chú ý đến câu chuyện với Thảo hơn :

— Mà mày chắc con nhỏ nó thương mày không ?

— Sao không ? Thảo tỏ vẻ tự đắc. Hồi ở nhà nó một hai đôi tao đi nói hoai.

Thảo ngừng một chút rồi nói tiếp giọng say sưa :

— À mà tao cũng thương nó chứ, tao thương nó thiệt tình. Trông con nhỏ lắm lúc thiệt ngộ. Túc cười, hôm nó bắt gặp tao đứng nói chuyện với con bán chè, nó ghen dọa tự-tử làm tao mất công năn nỉ cả tuần lễ.

Quang riếu cợt :

— Tao chắc mồm là mày cũng định tò-te với con nhỏ kia, nó mới làm dữ vậy.

Thảo buồn tẩm mền, dơ một tay ra trước mặt, miệng há rộng :

— Tao thề với mày là tao đâu có tình ý gì với con nhỏ kia, mày cũng biết

là tao thương có mình nó mà.

Ông Xu lớn tiếng ngắt ngang câu chuyện :

— Hai này ! anh nhớ cặp trâu nhà anh không ? còn không ?

Quang ngạc-nhiên :

— Bán mất một con rồi, mà gì vậy ?

— Tôi dám cá với anh là con bò nhà tôi cày ngang cặp trâu đó.

Quang bực mình sẵng giọng :

— Khờ quá ! tôi nghe ông nói rồi mà.

Ông Xu cười dễ dãi :

— Nói cho ngay cũng nhờ con bò nhà tôi nó lanh lắm, cày nó không có biết mệt.

Thảo bắt một con rận lớn siết trong hai móng tay, máu đen vọt cả ra mền. Nó nuốt nước miếng :

— Ước gì bây giờ có một điều thuốc hút !

— Phải đó — Quang reo lên — một điếu thật ngon hút hai hơi đã say như thuốc ông đoàn phó. Vậy mà tao tưởng mày không thèm, tao đang định phục mày.

— Tiềm mà cai được mới coi chứ, mà thôi về kia, ông Chín ông Ấy đương rêu ở bên kia.

Thảo và ông Xu uể-oải đứng dậy. Quang như vẫn còn thèm phơi nắng, dềnh dàng nán lại nhìn trời. Bầu trời cao và xanh như màu ngọc-bích, phía Nam mây trắng nằm chõng chắt lên nhau như một ổ mối đùn. Quang ngơ-ngẩn nhớ tới một cái gì đó thiệt đẹp trong dĩ vãng đã xa.

(còn tiếp)

BÙI ĐĂNG

TRƯA ĐỊA NGỤC

Khóc anh em 405 thắm kích

Khi nhào xuống vực cạn của con suối, tôi biết mình thoát nạn. Tôi từ từ khép mắt, duỗi thẳng hay chân, thả lỏng cây M 16 và khóc tức tưởi như đứa trẻ. Thú thật, tôi chẳng biết mình mừng hay đau đớn. Trạng thái đó quá cực độ, quá căng thẳng bây giờ bỗng hạ thấp xuống đến ớn lạnh. Tôi vui mừng quá sao? Tôi còn sống sao? Hai chân tôi còn bước đi, tôi còn nói, còn cười còn trở lại kiếp lưu-đày khổn khổ này sao? Hay tôi bị bưng xé bởi những tiếng rên la của lính: thằng Hường, thằng Lợi, thằng Phong, thằng Mễ, thằng Luông? bọn nó đang nằm sau các bụi rậm, đang duỗi tay duỗi chân, đang cựa quậy thân mình, đang bò lết từng bước một. Hường ơi, mày ráng bò sau bụi dứa, ráng lên. Tao thương mày lắm. Mày mang máy truyền tin mấy tháng được lắm. — Thiếu úy ơi, em chết, kiêng dùm em — Tao bắt lực rồi. Đứa nào cũng bị thương hết, Ráng lên. Tao thương mày lắm: Còn thằng nào trên ấy nữa. Tôi quẹt tay trên miệng thấy nhòe nhòe vị máu. Có lẽ trái lựu đạn từ dưới khe đá quăng lên làm tôi bị hộc máu. Tôi từ từ nhồm dậy. Bây giờ thì kiệt sức cả rồi, kiệt sức cả rồi. Buổi mai trèo núi, buổi trưa nằm sau đám bụi gai dưới thung lũng, nằm chờ chết, nằm nhìn mặt trời ngời đến giờ phút một con người là chuẩn-úy Tân về bên kia thế giới. Phải địa-ngục hay thiên-đàng để tôi bình yên nằm ngủ.

Buổi trưa địa ngục tôi nằm trong địa ngục đếm từng đám mây rạn rở, những xóm làng thân yêu, những gương mặt bà con quyến thuộc. Buổi trưa, khô cả cổ họng, ném lưỡi nghe được mùi tanh của máu mình. Buổi trưa, gai cào xé cả da thịt, nắng rát trên vết thương.

Tôi men theo bờ đá của giòng suối xuống dưới chân đồi hai chân quờ quạng, không đứng vững. Quảng đường một trăm thước tôi đã bình yên, khi những viên đạn thi nhau tìm da thịt tôi. Tôi không dám quay mặt lại ở trên đó còn lính của tôi. Chẳng biết còn mấy thằng nữa. Tôi nhắm mắt, núi đồi vẫn bình lặng. Chẳng có ai. Sau bọn mày không đến cứu bọn tao, trực thăng đâu, phản lực đâu. Có hai thằng lính nằm trên bờ suối, máu me đầy mặt. Chẳng biết thằng nào. Tôi bò đến bên, cố nhận rõ. Một thằng còn rên. Mắt mở. Tay hắn cầm chặt tay tôi: « Em đau quá thiếu-úy. Nó bắn em trúng chân ngay tại đầu con suối. Em kiệt sức rồi » Tôi xiết chặt tay hắn rầu rầu: « Ở đây là thoát rồi. Thấy trực thăng cứ lấy khăn đen khoát nó xuống cứu ». Hắn khóc: « Làm gì có, thiếu úy. Từ sáng đến giờ đâu có thấy chiếc nào đâu. Tôi gục đầu nhìn xuống lòng nước cạn, những hòn đá trơn trợt chạy dài xuống chân đồi. Tôi tiếp tục bò xuống.

Khoảng 6 giờ chiều, tôi được trực thăng chở về quân-y-viện.

Nửa đêm tôi choàng tỉnh dậy, cảm thấy cả thân thể ê-chề. Tay phải vẫn còn mũi kim chích, để chuyển vào từng giọt serum. Tôi mở mắt nhìn lên trần. Bây giờ rõ ràng tôi còn sống, còn sống. Lời cảm ơn này gửi cho ai khi tôi vào căn phòng này lần thứ hai. Vẫn bốn bức tường trắng, vẫn cái kệ treo troi, vẫn từng viên đá lát màu vàng sẫm và cánh cửa lưới, bên kia là phòng cấp-cứu, là bãi đáp trực-thăng. Tôi phải cảm ơn ai. Cả thân thể rã rời mỗi nhức. Hai bàn tay, cánh tay, có lẽ mặt nữa, chỉ chít vết cào, vết xước của gai. Từng giọt nước rả rích chạy vào da thịt, từng giọt đếm nỗi buồn của một đêm. Ngày mai, ngày mốt, ngày kia, rồi đến ngày nào nữa. Có lẽ mong tôi, mảnh lựu đạn đã được gấp ra. Tôi gọi khê Quỳnh. Chú về năm Q.Y.V. lần thứ hai rồi đó. Quỳnh có đến an-ủi chú, không? Tôi trần trố. Có tiếng còi kêu cứu vẳng về đù-hiu. Có những tiếng súng rả rời từ xa xói. Hay từ đỉnh Kỳ-Sơn? hay từ những hốc đá, những bụi gai. Tôi nghiến. Còn bao nhiêu đũa nữa thoát về đêm nay, còn bao nhiêu đũa ở lại. Ngày mai, tôi phải về. Không thể nằm đây nữa.

Tôi nghe tiếng rên, tiếng khóc từ những giường bên. Hình như quen thuộc lắm. Tay rút cây kim chuyển serum, tôi lau nhẹ những giọt máu vừa bắn ra và nhẹ nhàng lếch thân về chỗ tiếng rên. Những người lính bị thương mới mang về hồi chiều đang nằm ngủ, thân thể bị băng dầy mình, trắng toát. Những cánh tay đưa lên, ống chuyển serum mang theo từng giọt nước cấp-cứu. Tất cả hình-ảnh của một phòng bệnh-viện mà tôi đã đi qua đêm nay, làm sao tôi có thể kể hết. Bên ngoài dãy hành-lang đù-hiu, xa hơn nữa là hàng rào kẽm, sẽ là nơi hết sức vô tư, bình thản. Sẽ có những nụ cười, những bàn tay ôm-ấp. Giờ này, người ta đang làm tình, mỗi một ôm nhau trên giường. Tôi đi qua, thất thểu. Tay nắm thanh giường. Có phải mày là thằng T.? thằng này què giò, thằng S., còn thằng nằm bị bó cả đầu, ở trường, mê man phải là thằng N.? Tôi trở về phòng, căn phòng tôi nằm lần thứ hai trong thời-gian chưa đầy ba tháng. Mắt mở lên trần, nghĩ đến trận đánh ban ngày, mà sờn tóc gáy. Tôi vội nhắm mắt. Rõ ràng bãi cỏ, có những bụi gai, những bụi dứa. Hường nằm trườn ở đó, tay chân bị bắn trúng, rên la kêu tên tôi. Đêm nay, không biết bọn nó về chưa, hay là nằm lại trên thung lũng, để chịu những lát dao, mả tấu của kẻ thù.

Bây giờ, tôi nghe đau nhức khắp mình mẩy. Tôi bắt đầu rên, chắt dưới móng còn ít nhiều mảnh lựu-dạn. Tai bắt đầu bùng lên, quấy loạn. Có lẽ sức nổ đã ảnh-hưởng đến màng nhĩ. Tôi chịu cực hình suốt cả đêm đó.

Buổi sáng, bác sĩ giám đốc vào phòng tôi. Ông ngạc nhiên nói: lại anh nữa. Sao bị thương hoi vậy? Tôi nói trong hơi thở: Bị thương thế này là may. Tưởng chết rồi, thiếu tá. Ông xoa bàn tay tôi, an ủi: Rán nằm, lần này tôi cho 3, 4 tuần nghỉ phép về thăm quê, nghe. Tôi nói: dạ.

Ông ta vừa ra khỏi phòng, tôi nhồm dậy, ra bãi cát tìm chỗ tiểu. Gió ở biển thổi về như còn mang theo vị mặn. Những cây dương rũ sau những phòng bệnh. Có tiếng động ầm ầm ở bãi đáp trực thăng. Trực thăng lại xuống. Chắc chỗ lính thuộc đại đội tôi. Có một giường bánh xe, một kẻ bị thương nằm trên máu me dầy mặt, từ từ qua dãy hành lang. Tôi cảm thấy lợm miêng và muốn mửa.

Người vợ thiếu úy Chấn ngồi ở sân thấy tôi kêu to. Chị đi tìm xác chồng. Chị hỏi : xác anh ấy đem về đây chưa. Tôi nói : Có lẽ ngày hôm nay. Hôm qua khó lấy lắm. Minh vào bị đánh bật ra lều. Tôi kể lại giờ phút anh ngã gục. Khi ấy, trung đội tôi leo chiếm trên các miệng hầm trên cao. Tôi thấy anh cố một người lính bị thương chạy xuống rồi trở lên. Sau đó anh bị đạn, nằm sấp trên đất. Bọn tôi ở trên hầm cố ném lựu đạn, nhưng chẳng ăn thua gì,

Tôi kể rưng rưng. Trước mặt tôi, người đàn bà, mẹ của năm đứa con dại, từ nay vĩnh biệt đôi mắt của người chồng. Tôi nhớ đến tiếng cười của anh, kiêu ngạo và hào hùng. Những lần chúng tôi say sưa đập phá. Những kỷ niệm làm tôi muốn khóc. Tôi từ giả chị Chấn, thất thểu ra đường lộ như con chó đói.

Thưa bà Trung Tá, với tư cách đồng đội của người lính bị thương này, tôi cầu xin Bà giúp đỡ bằng mọi cách, cho người lính này được vào Saigon hay qua bệnh viện Mỹ. Ở đây, hai ngày rồi hắn vẫn mê man, không ai đến săn sóc, chích mũi thuốc.

Thưa Bà, người lính này là trung đội phó của tôi. Hắn đã can đảm đi sau hết che chở đồng đội. Hắn bị V.C chém trên đầu và bị miếng lựu đạn. Cầu thì bị bắn. Hai ngày rồi hắn nằm trợn tròng mắt, đá ra máu, có hơi, miệng trào nước bọt. Thế mà không có một ai lưu tâm với bệnh trạng nặng nề đó. Nếu có, là một mũi thuốc làm vi hay một bình serum bắt buộc. Tôi nghĩ bà và mấy cô đem những món quà này thật là an ủi chúng tôi vô cùng. Nhưng chúng tôi còn xin được ân huệ, chẳng, phải là một, hai trái cam, một khăn lau mặt, mà tấm lòng của người mẹ, người em hay người chị. Đã hai ngày rồi, không một ai vào quạt một cái, hướng chỉ đến vắt một chút cam vào miệng. Xin Bà, hãy dùng những phương tiện và quyền uy, cứu giúp người lính này.

Bà trung tá, gương mặt điệu hiên, u buồn nghe bọn tôi nói gật đầu. Được các anh yên lòng. Tôi sẽ nói với bác sĩ giám đốc, cắt người trực suốt ngày đêm, hay sẽ xin qua nằm ở bệnh viện Mỹ, chớ nằm ở đây thì chết.

Một lát, vị trung úy bác sĩ đến hỏi tôi : Bà Trung tá đầu rồi. Bà cần gấp tôi phải không. Anh này bị té xe hay bị đạn. Tôi sưng sốt. Tôi muốn chụp ngay áo y và thoi một trận. Tôi muốn la lên : mày là bác sĩ, mày săn sóc bệnh nhân như thế hả. Hai ngày người ta nằm mê man ở đây mày cũng chẳng biết Té xe ? ăn đạn ? Hai ngày rồi mày vẫn chưa biết bệnh trạng của bệnh nhân.

Nhưng tôi không dám làm những điều tôi muốn. Lúc này phải dịu ngọt với nó, may ra nó lưu tâm đến bệnh nhân. Tôi nói nhỏ : Thưa trung úy hắn bị chém trên đầu, cũng với mảnh lựu đạn. Bọn nó ra xung phong chém về. Trung úy cứu giúp hắn. Trung úy thương hoàn cảnh hắn. Vợ mới cưới được nửa tháng, hiện ở Lục tỉnh : Tội hắn, trung úy. Tôi cầu khẩn viên bác sĩ nhưng tai và mặt tôi đỏ bừng. Nai ơi, tao đang ở bên mày. Rán ngủ yên. Lần này, về trại, tao sẽ lấy tấm ảnh vợ mày, đem để ở đầu giường. Nàng sẽ an ủi mày, sẽ quạt, sẽ nâng niu, sẽ vuốt nhẹ làn da, sẽ khóc lóc, và làm những gì của một người vợ trẻ hiền.

Tôi trở ra hành lang. Gió biển càng se sắt lạnh. Ngọn núi đằng xa, ẩn hiện

trong lớp sương mờ. Tôi tưởng tượng là ngọn Kỳ-Sơn. Có những đôi mắt lạnh lùng khép kín. Có những bàn tay bầu vú cầm lấy nhau. Buổi trưa địa ngục. Những tiếng khóc từng cơn tìm tôi. Có tiếng rên của thằng Hương đâu đây. Thiếu úy ơi, em chết mất. Mày rán bò rán bò đi. Tao thương mày lắm.

Tôi đứng chìm trong buổi trưa địa ngục. Bỗng có tiếng của hạ sĩ M. đằng sau. Thiếu úy vào phòng đi chớ. Họ sắp đến gần chiến-thương bội tình đó. Tôi rơm rớm nước mắt: Được mấy cái chiến thương mới thành anh hùng, hở mày?

TRẦN HOÀI THU

(Viết xong tại quán Thiện, Nha-trang trong ngày đi phép)

VỀ TRỜI

Thơ TRAN-HOÀI-THU

Kính nhớ cố Trung-úy Hào, Trung-úy Chấn 405 T.K.

*Người đã về xanh xao bờ mộ cỏ
Ngày chưa lên chưa đợi một tin mừng
Rừng núi lạ nghe trong hồn cơn hạ
Người đợi chờ trong lá ngập trời sương*

*Hôm qua ấy chim trên rừng khẽ gọi
Thăm thì nhau giờ con ngủ bình yên
Người đứng dậy tay buông dần súng đạn
Mắt nhìn lên, rừng cũng ngủ bình yên*

*Hôm qua ấy con suối mừng không chảy
Hạt lệ khô trên bờ đá hoang vu
Người đã đứng thân gầy trên đỉnh núi
Trăm quân người đang cất tiếng tung hô*

*Kỳ Sơn ơi, Kỳ Sơn Kỳ Sơn
Người chưa về mẹ đã bạc như sương
Ngày sau ai cướp hai giòng lệ
Kỳ Sơn ơi, Kỳ Sơn Kỳ Sơn.*

Quân y viện Qui-Nhơn
(tháng V)

NGƯỢC CHIỀU

« Mày qua sở ấy làm thì kè như trúng số. Chỉ một hai tháng là có xe hơi nhà lầu. Xếp cương mày lắm đó. Khi nào tậu xe thì bán lại cho tao chiếc Vespa nghe ». Vừa bừng mắt dậy, Trọng đã nhớ ngay câu nói đó của một người bạn đồng nghiệp gắp anh chiều hôm qua. Trọng còn nhớ nụ cười gượng của mình khi anh trả lời người bạn ấy. Xếp cương tao? Còn lâu! Ngài muốn biệt phái tao đi cho khuất mắt, nhưng không ngờ tao lọt vô phòng ấy. Chắc là Ngài tức lắm. Tao biết chỉ một tuần, hai tuần là cùng, tao sẽ vắng.

Trọng vức nước lên mặt, mỉm cười vu vơ. Ai cũng mong được vô làm việc ở phòng ấy. Nếu biết nhân viên biệt phái mà lọt vô đó thì còn lâu mới tới mình. Được, tên nào cứ tưởng mình có gốc lớn thì có ngày vỡ mặt. Trọng soạn mạnh chiếc khăn mặt ướt sưng nước. Những mảnh nước to nhỏ rơi xuống qua tia nắng như những mảnh thủy tinh vỡ. Mặt nước trong chậu bập bênh thành những lớp sóng chạy về chung quanh thành chậu. Trọng mỉm cười với khuôn mặt mình đang biến dạng trong mặt nước. Anh vắt khăn mặt qua giây kềm rồi lên tiếng hỏi người em gái :

— Sáng nay Thùy cho anh ăn gì đây?
À mà thôi, hôm nay thứ hai phải chèo cò, chắc không kịp ăn sáng ở nhà đâu.

Giọng Thùy có vẻ tiếu :

— Sao anh không bảo trước? Em mua rồi, uống không? Hay thôi anh cứ ăn đi, trễ vài phút có sao? Trọng nheo một bên mắt, nháy nháy, trêu chọc cô em gái. Thì em ăn đi. Trọng lật chiếc đĩa hoa dĩa trên chiếc tô lớn ở giữa bàn. Phở hả? Lẻ thế? Thôi Thùy ăn đi, ăn phở một hôm cho có vẻ con gái nhà giàu.

Thùy kéo chiếc ghế lùi xa chân bàn :

— Em ăn sôi rồi. Anh Nghĩa cũng đi học từ sớm. Uống ghê!

— Thì em ăn thêm đi, uống chi?
Hôm nay anh muốn ngoài phở, còn châu cà phê, cà pháo nữa. Đầu tháng lương mà. Phải hách một bữa chứ!

Thùy mở toang cánh cửa lớn rồi đứng nép vào một bên tường. Ánh nắng làm mắt Thùy lóng lánh. Trọng vừa dắt xe ra tới cửa thì Thùy chạy theo nói :

— Hôm qua mẹ gửi thư lên, anh Nghĩa đưa cho anh coi chưa? Mẹ không nói gì về tiền lương tháng này, anh đã gửi tiền về chưa, anh?

— Còn phải đợi cô bảo nữa. Trọng ngồi nhún nhún trên yên xe về thích thú. Mặt Trời chói lòa ở hướng đông. Chiếc

vòng sắt si men trắng ở quanh vòng chiếc đèn xe chiếu ánh sáng lấp lánh. Trọng đạp máy xe nổ đò. Thùy đứng dựa vào thành cửa mỉm cười. Trọng nheo mắt nhìn em gái rồi phóng xe đi. Tội nghiệp cô bé, suốt ngày chăm chút cái xe. Bảy tháng rồi, mình còn phải đóng năm tháng bụi chết nữa, mệt thật. Cái anh chàng Nghĩa chẳng được cái tích sự gì.

Trọng tăng vận tốc xe, len lỏi vào khoảng trống chật hẹp. Đến ngã tư đèn đỏ, ý nghĩ của Trọng ngừng lại ở cái Mandat rappel lên ngạch hạng tư. Cũng được trên hai sắp, mình phải cho Thùy một chiếc áo soir bankok. Cứ bảo là nó đồ bắc r rồi mình cho nó cái đồng hồ mà cũng chẳng cho được.

Mặc dầu gặp đến ba bốn cái đèn đỏ nhưng Trọng tới sở vẫn chưa chào cờ. Nhân viên đang tụ tập ở khoảng sân xi măng trước cổng sở. Trọng liếc mắt vào chiếc đồng hồ tròn lớn gắn ở bờ tường trên bậc tam cấp, Còn ba phút nữa. Thời gian mùa nắng đi thật chậm, mặt trời chói thế kia mà chưa tới 8 giờ.

Chiếc cột cờ bằng sắt to tròn sơn bạc dựng hơi nghiêng về phía trước, che lấp số 12 của chiếc đồng hồ tròn trên thành tường. Ánh nắng lờ mờ tới giữa sân còn xẫm màu sương. Bóng chiếc cột cờ gầy vòng trên mũi những chiếc công xa. Lá cờ men theo sợi giây nhựa trắng cong chùng xuống phía dưới, thung lại và thấp như tinh thần công chức sau ngày nghỉ. Trọng ra tới gần giữa sân thì Phi tới nắm tay Trọng lôi xềnh xệch ra cổng sắt. Trọng ngơ ngác hỏi đi đâu, chào cờ tới nơi rồi còn đi. Phi nức cười, cặp mắt anh ta long lanh. Đốp đã, đi bỏ mẹ. Cậu với tớ tà tà ra hẻm Casino. Trọng khựng lại phản đối.

— Đâu được, mình mới qua sở này phải tư cách «con nhà gia giáo» một tý chứ

— Xin lỗi bạn — Phi nói — không có bạn cũng xong mà có bạn thì cũng thế.

Trọng dậm bước vô sâu :

— Cậu không xem cái thông tư của ông Giám Đốc mới ký sao ? Ông không thấy mình chào cờ ông nạo là cái chắc. Hơn nữa mình phải tỏ ra có tinh thần cao.

Phi cười khanh khách :

— Xin cụ, cụ mới vô sở này cụ đừng dọa tôi chứ ! Cụ không biết rằng Ngài đang họp hội đồng gia tộc với vợ con quanh nồi cháo gà sao ? Cụ phải hiểu rằng cụ mới nhập tịch sở này còn moa là dân bản xứ.

Tiếng cười của Phi thật dòn, âm thanh đi từ dưới lên cao. Khi cười, mắt anh ta híp lại, làn da ở hai đuôi con mắt nhăn nheo. Phi vòng tay qua vai Trọng ấn xuống lúi đi. Trọng miễn cưỡng cất bước chậm chạp, thỉnh thoảng anh liếc nhìn vào sân sở. Bàn tay Phi xoa nắm một bên vai Trọng Minh có phải là đàn bà cóc đâu, đâu thấy mẹ, bàn tay nó bị bệnh ngứa chắc ?

Phi bồng khoa tay về phía trước như vẽ hình móng người đàn bà. Hôm nay moa có thể tự phong cho mình chức chủ tịch. Hôm qua moa mới trúng một áp phe vợ vẫn tôi có quyền hưởng thụ đến sức chịu đựng tận cùng của dạ dày,

Dáng hăng hái và cách xưng hô loạn xạ ngẫu của Phi làm Trọng thầm nghĩ là ở sở mới này anh em dễ thân thiện với nhau. Ánh nắng trải đầy trên nền đường. Xe cộ lớp lớp đi chuyển trên con đường một chiều như nước về nguồn. Thỉnh thoảng một chiếc xe gắn máy vu vút len lỏi kêu lanh lảnh. Khói và bụi

làm vắn đục nắng. Bầu trời trong vắt không có mây. Con đường này đang được bàn tay của phu kiều lộ vén rộng ra, nên hai bên lề đường không có bóng mát vì chỉ còn trơ lại vài gốc cây me mới đốn. Trọng búng tàn thuốc lá vào gốc cây. Phi bước thật mau, mặt anh ta hơi hếch về phía trước, về hăng hái tin tin tưởng. Trọng bỗng thấy khuôn mặt Phi bớt vẻ bóng nhẫy nhưng khi mới gặp. Mấy hôm trước Trọng đối với Phi có vẻ dè dặt vì anh không mấy có cảm tình đối với đôi mắt sắc sảo và nước da bóng loáng của Phi. Vài hôm sau Phi đến làm thân với Trọng. Đặc biệt là vào buổi sáng anh ta thường mời Trọng đi ăn sáng. Trọng lùi lại nhường bước cho Phi, khi gặp một tấm biển vàng của Ty kiều lộ. Anh chàng này có nụ cười thật dễ mến.

Đến khi bắt đầu ngồi vào bàn ăn thì Phi lại long trọng nhắc lại một lần nữa về chức vụ chuẩn chi viên mà Phi phong cho mình. Phi vui vẻ cười nói luôn miệng. Đôi lúc tia nhìn của vài thực khách đã hướng về tiếng cười của hắn.

Phi bỗng làm mặt nghiêm, giọng anh ta trầm xuống :

— Ê Trọng, tại nó bảo toa là cháu Ngài Đồng Lý phải không ?

Trọng ngạc nhiên nhìn Phi. Trọng bối rối vì anh không thể tưởng được Phi có lúc nghiêm trang như thế này.

Phi làm bộ thân thiện :

— Thôi đừng làm bộ nữa cha nội. Nhiều thằng bảo với moa như thế. Chỗ anh em cùng phòng đấu nhau làm chi. Hiện nay moi đang kẹt một chuyện, moi tính nhờ toi nói với Ngài thu xếp dùm cho. Như toa biết đấy, ông Bộ trưởng này mới lên, thế nào cũng có sự thay đổi về nhân viên. Mình quen việc rồi, sang chỗ khác phiền lắm.

Trọng lên tiếng bảo là mình không bà con gì với ông Đồng Lý. Phi không tin nên anh ta cố tạo cho mình có một nụ cười vừa hiểu biết vừa thân mật. Cử chỉ và giọng nói của hắn mang vẻ tự tin của người thắng cuộc. Toa kín đáo như thế cũng phải. Tại nó bảo Ngài Đồng Lý gọi giầy nói qua ông giám đốc sở toa, nên toa mới được biệt phái qua đây thế chỗ thằng Hào. Tội nghiệp thằng Hào đang phom phom ngon lành thì bị động viên. Phi thọc đũa vào lọ dấm ớt. Toa ăn ớt được chứ ? À hôm nào phải mời toa đi đớp thịt chó một bữa. Moa có biết một tiệm làm thịt chó ngon nhất Việt Nam Cộng Hòa. Ăn đi chứ ! Làm gì mà thù người ra thế kia ? Nhớ nhân tình bả. Trọng cười gượng. Anh vừa nâng đũa vừa tính cái chánh một lần nữa, nhưng thái độ vững trãi của Phi làm Trọng không còn muốn lên tiếng. Mẹ kiếp, tại nào đồn đều thật. Thào nào thằng cha nào cũng muốn làm thân với mình. Trọng dục Phi :

— Thôi lẹ lên cậu, bao nhiêu người đợi mình.

— Kệ cho họ đợi. Sự chờ đợi càng lâu thì khi trở về mình càng tăng giá trị.

Phi chợt có vẻ vui vẻ. Anh ta dơ tay lên cao vẫy một người đàn ông đang từ quầy trả tiền bước vô. Người đàn ông khom mình cúi xuống khi bắt tay Phi và Trọng.

Tiếng nói của Phi chậm, nhỏ nhưng trịnh trọng :

— Đây là ông Tài Sùi ở Cholon và đây là thầy Trọng, cháu Ngài Đồng Lý và mới về thay thầy Hào.

Trọng kéo ghế mời Tài Sùi ngồi. Bây giờ Trọng mới thấy gã Tàu này có nụ cười cầu tài dãi dãi tới mang tai. Tài Sùi quay

nhìn Trọng. Tiếng nói của gã không lơ lơ như Trọng nghĩ. Nếu thằng cha Phi không giới thiệu tên, thì rõ là mình đã nhầm hẳn là người Hải Phòng.

— Dạ thầy về thế thầy Hào. Trước đây tôi và thầy Hào thường liên lạc với nhau luôn. Gã Tàu quay sang nhìn Phi. Đề hôm nào nhờ thầy Phi mời thầy Trọng tới chúng tôi chơi. Xin thầy cho chúng tôi có lời kính thăm Ngài Đồng Lý.

Bây giờ Trọng mới cảm thấy nhột nhột bức bối về sự hiểu lầm của những người chung quanh. Anh đi mạnh điệu thuốc vào chiếc gạt tàn. Tôi không có bà con gì với ông Đồng Lý đâu. Trọng nhìn thẳng vào mặt Phi. Cậu cứ giới thiệu ầm như thế là bỏ mẹ tớ đấy. Mặt Tài sùi bong sụ xuống như sấm hối một tội lỗi. Gã hết lời xin lỗi Trọng. Phi tỉnh bơ mời Tài Sùi ăn sáng. Anh ta vừa dơ tay vẫy người bồi vừa liếc thật nhanh vào mặt Trọng. Mẹ kiếp, cứ dẫu dẫu điểm điểm, sớm muộn cũng có ngày lòi chèn ra. Không bà con thì sức mảy mà được thế thằng Hào.

Cái cảm giác nhột nhột khó chịu vẫn đè nặng Trọng. Anh chợt nhớ lại những nụ cười cầu thân của vài người cùng phòng. Mình cứ tưởng lầm là họ cởi mở thân thiện với nhân viên mới. Tài Sùi và Phi vẫn vui vẻ nói chuyện. Thỉnh thoảng họ quay sang Trọng đề lời anh vào câu chuyện. Trọng chỉ âm ừ trả lời cho qua. Tài Sùi kêu thật nhiều món ăn nhưng miệng gã thì luôn luôn nở nụ cười cầu tài. Mỗi lần Phi hay Trọng lên tiếng thì nụ cười của Tài Sùi được thay thế bằng vẻ mặt nghiêm trang và thận trọng. Cái cảm giác khó chịu của Trọng bỗng tăng thêm vì cái vẻ quá thận trọng của chú Tàu. Trọng dơ tay coi đồng hồ rồi nhìn Phi. Chín giờ rồi đấy cậu ạ, liệu mà về không

người ta đợi mình vỡ mặt. Phi vẫn tỉnh bơ trước vẻ dục đã nôm nong của Trọng. Anh ta nhìn Trọng rồi nhìn Tài Sùi và hẹn một cuộc đi chơi tay ba vào một ngày khác. Anh ta than phiền là lương ba cọc ba đồng không mua nổi cái xe hơi nên không dám đi chơi xa. Nụ cười của Tài-Sùi lại kéo tới gần mang tai khi Phi mỉm cười khen một cô gái mặc mi ni jupe đi ngang qua quán ăn. Trọng thì tưởng tượng cái cảnh dân chúng bu quanh bàn giấy đợi anh về. Trọng lại dơ tay coi đồng hồ và định bụng là nếu năm phút nữa Phi và Tài-Sùi chưa ăn xong thì anh sẽ về trước. Trọng liếc nhìn Tài-Sùi rồi nhìn vào tờ lịch trên tường để dấu về bức bối. Ăn đại đi cho nó xong. Mồm rộng bỏ mẹ mà ăn rón rén như con gái mới về nhà chồng.

Phi chợt làm ra vẻ vội vàng dục người bồi tính tiền. Người bồi bước lại gần bợn Trọng, nhìn Tài-Sùi và ra hiệu là Tài-Sùi trả tiền rồi. Tài-Sùi hơi mỉm cười và cúi đầu như đứa trẻ biết lỗi, sẵn sàng chịu sự trách mắng của người trên. Khuôn mặt của gã mang vẻ hài lòng của một người vừa làm một điều bảnh diện. Phi nữa đùa nữa thật trách Tài-Sùi. Tụi này mời ông một bữa không được sao? Lần sau chắc không dám mời ông ngồi chung bàn nữa.

Khi ra khỏi quán Trọng thở phào nhẹ nhõm. Trọng vỗ vào vai Phi khi hai người băng qua đường:

— Này cậu, tớ không hiểu thằng cha Tài-Sùi trả tiền lúc nào. Suốt từ lúc hẳn ngồi bàn mình có thấy ai đả động đến tiền đâu mà nó còn tiền thối lại.

— Tụi nó thường thế đấy toa ạ. Thấy bọn này ngồi bàn nào là tụi nó tới quấy trả tiền trước.

Trọng hải hươc :

— Đó cũng là một hình-thức hối-lộ

Phi tiếp theo .

— Và chúng mình đã ăn hối-lộ một cách trực-tiếp và hợp-pháp. Phi chấm dứt câu nói bằng một tràng cười. Rồi Phi chợt làm ra vẻ nghiêm-trang khi anh ta than phiền với Trọng một vấn-đề thời cuộc :

— Tớ làm ở sở này chưa được một năm mà dưới ba triệu đại. Mấy ông Bộ-Trưởng cứ lên xuống soành-soạch. Đấy cậu tính xem, mỗi ông một kế-hoạch, một chương-trình, một « đơ ê-kíp ». Ông này lên lại thay đổi toàn bộ kế-hoạch của ông kia. Xứ mình chậm tiến là vì thế.

Phi đá viên sỏi văng về phía trước. Vai sợi tóc lòa sòa dán vào trán anh ta. Có lẽ vì không muốn làm kinh-động tới vẻ chận-trọng của mình nên anh ta để mặc cho mồ hôi chảy từ thái-dương xuống chiếc cổ tròn bóng loáng. Trọng đi chậm lại một bước. Vai của Phi thật rộng. Mồ hôi in trên vai áo anh ta hai vệt xậm vòng. Trọng chỉ nhìn thấy gáy và một bên má Phi. Lát nữa thế nào hẳn cũng trở lại chuyện cháu ông Đồng-Lý. Mình sẽ cực-lực cải-chánh. Anh chàng này nếu là chức chỉ-huy cao-cấp thì cơ-quan ấy đầy vi-trùng tham nhũng. Nghĩ thế, Trọng lại lên tiếng về vấn-đề thuyên chuyển nhân-viên đề dò ý Phi :

— Mình là cấp thừa-hành, tớ chỉ mong sao được ở yên một chỗ, cuối tháng lĩnh lương đều. Việc tớ biết phải qua bên này là do xếp bên ấy ghét, đẩy đi. Sự thực là như vậy.

Phi cười nửa miệng. Một chiếc răng hàm dưới của Phi đen kịt vì khói thuốc lá. Trọng biết là Phi đã diễn-tả sự nghi-ngờ bằng nụ cười.

Giọng nói của Phi trầm, nhỏ nhưng làm Trọng bực bội.

— Ở sở bên ấy cậu đi điều-tra thì cũng kiếm chás được chút đỉnh, nhưng bị sao được bên này. Chiếc xe Vespa của cậu còn tốt chứ ?

Trọng lấy khăn lau mồ hôi trán. Chắc là mặt mình đỏ lắm nên mồ hôi mới ra nhiều thế này ? Sự nó, mình mua xe Vespa là do tiền mình dành dụm và mượn bát hụi của Thùy mà nó lại hỏi điều. Thằng này chó má thật.

Phi vẫn giữ dáng đi của người hăng hái sôi nổi. Mặt anh ta hếch về phía trước, tràn đầy ánh nắng. Trọng định lên tiếng về chiếc xe Vespa, nhưng anh bắt gặp những đường nhăn ở những thớ thịt dưới cổ Phi, nên Trọng không nói và hút một hơi thuốc thật dài.

Từ cổng sắt bước vào hành-lang, Trọng phải cúi mặt để tránh những nụ cười xã giao. Trọng bỗng thấy hai bên thái-dương nóng bừng-bừng. Có phải họ cười xã-giao với mình vì tưởng lầm mình là cháu ông Đồng-Lý ? Tôi không có bà con chi với ông ta đâu ! Trọng muốn nói câu đó với mọi người. Trọng thấy mình vô-lý nên cúi mặt. Người ta có hỏi thăm mình như thằng cha Phi đâu ?

Dân-chúng đang tụ-hợp ở hành-lang bên cánh cửa sổ kê bàn giấy của Trọng. Thấy Trọng về, mặt người nào cũng có vẻ hân hoan. Họ tự-động dạt ra nhường lối cho Trọng đi ! Ai nấy đều sửa soạn cho mình một dáng điệu và nụ cười dễ gây cảm-tình. Nỗi bất-khoản của Trọng bỗng dịu xuống. Anh mỉm cười và ngỏ ý xin lỗi vì đã để họ chờ đợi lâu. Trọng hơi luống-cuống vì tiếng kêu réo và hàng chục cánh tay thò vào cửa sổ ùng một lúc. Hích như họ muốn vươn cánh tay

thu ngắn thời gian chờ đợi. Trọng đứng dậy với những tấm « séc » trên bàn tay mọi người một cách vô thức tự. Trọng coi kỹ từng hồ-sơ rồi viết « bông » và đưa cho người Tùy-phái chuyển vào xin chữ ký ông Giám-Đốc. Mọi người ở ngoài hành-lang thở phào nhẹ nhõm.

Bầu không-khí trong phòng Trọng làm việc lúc nào cũng sôi nổi. Bàn giấy nào cũng đông người bu quanh Phi ngồi cách Trọng không bao xa. Anh ta luôn luôn giữ vẻ nghiêm-trọng trong lúc làm việc. Anh ta không bao giờ ngừng đầu nhìn kẻ đối-diện khi trả lời họ một điều thắc-mắc nào. Nhưng thỉnh thoảng Phi vẫn liếc chừng về phía Trọng. Đôi lúc hẳn mỉm cười ruồi khi gặp vẻ háng hái làm việc của Trọng. Bỏ khi, ai cũng nói là cháu ông Đồng-Lý mà còn giả vờ. Đúng là người của ông Đồng-Lý cho nằm vùng.

Phi bỗng chăm chú nhìn một người đàn ông đang khom mình cúi xuống nhỏ to nói chuyện với Trọng. Không biết thằng cha này nói gì mà mặt thằng Trọng đỏ bừng và có vẻ tức giận thế kia? Phi bỗng reo thầm — A! Thằng này tính hối lộ tên Trọng gì đây. Đúng rồi cái phong bì xanh xanh dưới tấm giấy揉éo và trên bàn tay nó. Mẹ! Thằng ngu! Thằng Hào thì xong từ lâu rồi. Cất mẹ nó vào ngăn kéo cho xong việc, cứ lẳng nhăng mãi.

Hình như người đàn ông đứng trước mặt Trọng có điều gì lo lắng nên mặc dù cố tạo một nụ cười trên môi nhưng khuôn mặt ông ta vẫn có vẻ bồn khoăn mệt mỏi. Phi cố ý lẳng tai nghe nhưng không nghe được điều gì nên anh ta tỏ sự bức mình bằng cách bẻ thật mạnh ngón tay cái vào trong lòng bàn tay. Chắc thằng Trọng còn đòi hỏi nhiều hơn

chăng? Trông bề ngoài có vẻ hiền lành mà không ngờ Tồ Sư.

Phi bỗng mỉm cười vì người đàn ông đứng trước mặt Trọng bỗng nhiên đổi thế đứng. Một tay ông ta vịn vào mép bàn và thật nhanh tay kia ông ném chiếc phong bì màu xanh vào ngăn kéo bàn giấy Trọng rồi chạy ra hàng hiên. Trọng vụt đứng dậy lên tiếng gọi người đàn ông và ném chiếc phong bì về phía ta. Tiếng nói của Trọng thảng thốt và quá to đã làm người đàn ông chùn bước. Khuôn mặt ông ta đầy vẻ sợ hãi. Ông ta nhìn Trọng bằng cặp mắt ngơ ngác xa lạ.

Bàn tay Phi chột vung ra, buông xuôi một cách hồ hững trên thành ghế, đồng thời khuôn mặt anh ta diễn tả một sự vừa ngạc nhiên vừa thất vọng. Thằng này ngu như con bò. Phi chạy lại gần Trọng vừa kịp lúc Trọng lên tiếng:

— Tôi đã biết là tôi không có quyền. Ông Giám Đốc đi họp từ sáng chưa về, chưa ký thì làm sao tôi phát «bỏ g» cho ông được. Tôi cũng không có quyền định đoạt kho hàng Ông cất cái này đi, đừng dở trò ấy ra, đừng làm phẫn tôi. Tôi có khó dễ gì với mấy người đâu.

Mặt Trọng đỏ gay và tiếng nói anh ta khá to làm mọi người trong phòng chú ý. Đến khi hiểu được nguyên do câu chuyện thì họ lại cúi đầu làm việc. Có người dơ tay che miệng, giả vờ ngáp để che dấu nụ cười tinh quái, chế riếu. Thật nhanh Trọng liếc nhìn trong phòng. Thái độ hồ hững của mọi người làm nặt Trọng nóng bừng. Tại sao họ cười thế kia? Bộ chuyện đồn chơi hay sao mà cười? Trọng bỗng thấy mặt Phi bỗng nháy hơn lúc nào hết.

Người đàn ông vừa nhét phong bì xanh vào túi vừa rồi rít xin lỗi Trọng bằng giọng nói lơ lớ ngập ngừng. Mái tóc ông ta xụp xuống ngang mắt. Mồ

hồi rịn ra khắp mặt: là ông ta càng thêm vẻ thiếu náo. Con giũa dũa của Trọng dịu xuống vừa khi anh bắt đầu gặp một cảm giác cô đơn như những lúc anh thấy mình bị hất hủi lạc loài ở sở cũ.

Phi nhìn chú Tàu đang run rẩy—rồi lên tiếng. Giọng anh ta tuy nhỏ nhưng lên án chú Tàu thật gắt gao vì tội hối lộ. Mồ hôi đọng lại từng giọt trên mặt trên cổ chú Tàu khi Phi đề nghị với Trọng là mời Cảnh sát làm biên bản. Trọng chán nản ngồi phịch xuống ghế. Anh vừa dơ tay ra hiệu là chú Tàu đã vụt chạy ra ngoài hành lang. Hai bẻ ngón tay cái kêu một tiếng rắc. Sự thẳng ngu nghèo thấy mẹ còn làm bộ thanh liêm, chả bù cho thằng Hào Diệu này chỉ độ

một tuần là vắng gặp. A! nó dám là dân nằm vùng của ông Đồng Lý nhưng Phi nhìn Trọng, lên tiếng:

— Cậu nóng quá, cái gì cũng phải từ từ giải quyết. Ở đây, chuyện đó xảy ra thường xuyên. Mình không bằng lòng thì thôi, việc gì phải làm từ từ lum lên. Tớ chắc là Ngai tân Đồng Lý sẽ có biện pháp bài trừ tệ đoan này.

(Còn tiếp)

BÙI KIM-ĐÌNH

Bạn đọc đang theo dõi ;

Xin tìm đọc :

CHỢ ĐÊM

tập truyện Bù-kim-Đình do Tuổi Mới ấn hành.

Rượu bổ
QUINQUINA



Quina '9'
CÔ ACIDE GLUTAMIQUE

*khai vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể



PUB. TÂN TRÍ

BÀN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2071.BYT

Thời-sự thế-giới

TỪ-TRÌ

Sau khi ngưng một thời-gian để tỏ lòng tôn kính Thượng Nghị-sĩ Robert Kennedy, các ứng-cử-viên Tổng-Thống Hoa Kỳ lại bắt đầu hoạt động lại. Trong khi đó một cuộc khủng-hoảng chính-trị lại xảy ra ở Bá-linh. Tại Liên-Hiệp-Quốc các quốc-gia hội-viên đã gần như đồng thanh chấp thuận hiệp-ước cấm phổ-biến vũ-khí nguyên-tử để phụng-sự hòa-bình.

Mỹ châu : Hoa-kỳ tiếp-tục cổ-động bầu-cử

Sau khi Thượng-Nghị-sĩ R. Kennedy bị sát hại, các ứng-cử-viên Tổng-Thống đều ngưng hoạt-động. Sau một tuần lễ tang, cuộc cổ-động bầu-cử đã rạo-nhiệt trở lại. Cái chết của Robert Kennedy đã đưa cuộc vận động bầu cử tới chiều hướng mới. Thật vậy, Robert Kennedy đã chết vì một lý-tưởng cấp-tiến. Lúc ông còn sống nhiều người còn tỏ ra thờ-ơ với chủ-trương của ông vì họ cho rằng ông là một người trẻ tuổi đầy tham vọng. Nhưng cái chết của Robert Kennedy đã mặc-nhiên quảng-cáo cho lý-tưởng của ông. Những người trước kia còn thờ ơ, còn hoài-nghi trước lý-tưởng của ông đã bắt đầu thán-phục ông. Vì vậy một số lớn cử-tri Mỹ giờ đây sẽ nghiêng về một chính-sách cấp-tiến.

Hiểu rõ tâm trạng đó của người dân Mỹ, các ứng-cử-viên đều tìm mọi cách để nêu lên cho bằng được một đường lối có tính cách cấp-tiến của mình.

Tuy biết rằng ông Nixon chắc chắn

sẽ được đại-hội đảng Cộng-hòa lựa-chọn làm ứng-cử-viên chính-thức của đảng, Ông Nelson Rockefeller vẫn không ngần ngại hoạt động mạnh mẽ bảo-vệ dân nghèo, náo bênh vực những phần-tử bị áp bức bị bóc lột của xã-hội Hoa-Kỳ. Tại Watt người ta thấy một Nelson Rockefeller hòa mình vào nhóm cử-tri trẻ tuổi da đen. Rockefeller đã cố ý tạo nên hình ảnh này để lấy thiện-cảm của những người ngưỡng-mộ Kennedy. Đồng thời ông Rockefeller cũng xử-dụng tài-sản vi-đại của ông để cổ-động bầu-cử. Những bài báo, những buổi truyền-thanh, những phim chiếu trên các đài truyền-hình nói về ứng-cử-viên Rockefeller sẽ là những món tiêu khiển cho ông. Rockefeller đã ước lượng rằng cho tới hôm 5 tháng 8 tới, khi Đại-hội Đảng Cộng-hòa nhóm họp, ông sẽ phải trích ngân-quĩ riêng của mình tới 1 triệu 800 ngàn Mỹ-kim.

Đảng Dân-chủ cũng hoạt-động không kém. Thượng-Nghị-sĩ Mac Carthy hy vọng rằng ông sẽ lược được phiếu của phe theo Kennedy vì ông có đường lối tương tự như Kennedy. Tuy nhiên phe Kennedy vẫn coi Mac Carthy như là một kẻ tiềm-vị, như là người muốn khai thác quá-khứ của Kennedy, nên không ưa ông. Vì vậy Phó Tổng-thống Humphrey mặc dầu trước đây bị Kennedy chống đối, nay lại có nhiều hy vọng được phe Kennedy ủng hộ. Là Phó Tổng-thống, ông Humphrey lại còn được sự yểm trợ của chính-quyền. Vì vậy ông Humphrey có rất nhiều hy-vọng được bầu làm ứng

cử-viên chính-thức của đảng Dân-chủ. Để có thể lôi cuốn được cử-tri của Kennedy và của Mac Carthy, ông Humphrey đã cố tạo cho chương-trình của ông tính cách khuynh tả. Chính theo lời khuyên của Tổng-thống Johnson mà ông Humphrey đang rời xa chính-sách đối nội bảo-thủ của chính-phủ Johnson... Biết rằng ông Humphrey được Đại-hội đảng chọn, ông Mac Carthy tuyên bố sẽ ủng hộ ông Humphrey nếu ông này không còn ủng-hộ Tổng-thống Johnson trong vấn-đề Việt-Nam nữa. Thật ra thì từ khi Mỹ quyết-định hòa-đàm với Bắc-Việt, vấn-đề Việt-Nam hầu như hết gay go vì phe nào cũng muốn tái lập hòa-bình. Nếu có sự khác biệt chỉ là ở chỗ nhượng bộ Bắc-Việt hay không mà thôi. Hiện thời, 3 trên 4 ứng-cử-viên đều tỏ ra cứng rắn trước vấn-đề Việt-Nam. Ông Humphrey thì cho rằng Tổng-thống Johnson đã nhượng bộ tới mức tối đa và không thể đi xa hơn nữa. Trong khi ông Nixon tuyên bố cương quyết không nhượng bộ vì theo ông, chấm dứt chiến-tranh bằng cách nhượng bộ vào lúc này sẽ chỉ gây ra một mầm chiến tranh trong tương-lai mà thôi.

Hiện thời uy-tín ông Humphrey đang lên mạnh. Tại cuộc bầu-cử sơ-khởi ở tiểu-bang Minnesota, ông vừa được 48% số thăm và ông Mac Carthy có 13%. Có lẽ trong tương-lai ông Humphrey sẽ cố đóng vai một nhà hòa-giải giữa các khuynh-hướng của đảng Dân-chủ. Vì vậy ông đang tính chuyện mời ông Edward Kennedy ra ứng-cử Phó Tổng-thống cùng một liên-danh với ông. Nếu ông Edward Kennedy nhận lời, ông Humphrey sẽ có hy-vọng đặc-cử hết sức vẻ vang.

Khủng-hoảng tại Bá-linh

Trong khi cuộc cách-mạng sinh-viên bắt đầu tạm lắng dịu tại Âu-châu, thì chính-quyền Đông-Đức lại gây ra một cuộc khủng-hoảng chính-trị tại Bá-linh khiến cho các quốc gia Tây phương lúng túng.

Bá-linh, theo thỏa-hiệp Yalta và Postdam giữa Nga Mỹ và Anh, là một tỉnh được bốn Đại-cường chiếm đóng. Bá-Linh không thuộc về chủ quyền của Đức mà của Anh, Nga, Pháp, Mỹ. Tuy nhiên Bá-Linh lại nằm sâu trong lãnh thổ Đông-Đức. Từ Tây Đức tới Bá-Linh phải qua lãnh thổ Đông-Đức nhưng Đông-Đức không có quyền cản trở việc lưu thông giữa Tây Đức và Bá-Linh. Đột nhiên chính phủ Đông-Đức quyết định bắt mỗi công dân Tây Đức, khi tới Bá-Linh, phải trả tiền chiếu-khán là 2,5 Mỹ-kim. Sau ngày 1-7-1968 các xe chở hàng phải trả thuế. Sau ngày 15-7-1968 mọi công dân Tây Đức đi Bá-Linh đều phải có thông hành thay vì thẻ căn-cước. Như vậy, Đông-Đức sẽ thu được lợi 20 triệu mỹ-kim một năm.

Thật ra Thủ-tướng Đông-Đức Walter Ulbricht không có ý định thu thêm lợi-tức mà muốn tỏ rằng Đông-Đức là một quốc-gia có chủ quyền và để gây khó khăn cho Tây Đức.

Các chính phủ Tây-Đức, Pháp, Anh Mỹ đã hội đàm với nhau để tìm cách đối phó với vấn đề này nhưng chưa ai tìm ra được giải pháp gì.

Thủ tướng Tây Đức phải dùng máy bay quân sự Mỹ để tới Bá-Linh vì ông không chịu nộp thuế. Tại đây, ông hứa sẽ tìm cách giúp dân Bá-Linh. Anh, Pháp và Mỹ đã phản đối Nga vì Nga có nhiệm vụ bảo vệ sự tự do lưu thông nói trên. Chính-phủ Tây-Đức có thể cắt đứt mọi

liên lạc kinh tế với Đông Đức để trả đũa nhưng còn e ngại, vì sợ nếu thi hành dân chúng Đông Đức sẽ thiệt thòi. Nếu không một nước nào có biện-pháp phản đối, chính quyền Đông Đức sẽ coi như được khuyến khích để có thể gây thêm khó khăn cho Bê-Lin sau này...

Nữu-ước : Liên Hiệp Quốc chấp thuận Hiệp-ước không phổ biến vũ-khí nguyên tử

Bằng 90 phiếu thuận, 4 phiếu nghịch và 21 phiếu trắng, Đại hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc đã chấp thuận dự-án hiệp-ước giữa Nga — Mỹ để cấm không phổ biến vũ-khí nguyên-tử.

Đây là một cử-chỉ hợp-tác thế-giới để phụng sự hòa-bình. Thật vậy, từ khi Mỹ thả bom nguyên-tử tại Hiroshima và Nagasaki, thế-giới luôn luôn sống trong e sợ một cuộc chiến tranh nguyên-tử. Lúc đầu chỉ có Mỹ có bom nguyên tử, sau đó, Nga, Anh, Pháp, Trung-cộng cũng đã trở thành cường-quốc nguyên-tử. Ngoài 5 cường-quốc nguyên-tử, người còn thấy có khoảng 7 nước có thể chế tạo bom nguyên-tử trong vòng từ 8 tháng tới 2 năm và 28 nước khác có thể chế-tạo trong một thời-gian lâu hơn 2 năm nữa. Nếu vũ-khí nguyên-tử được phổ-biến, tương-lai thế-giới sẽ hết sức bất-bình. Vì vậy năm 1961 Ái-Nhĩ-Lan

đã đưa ra một quyết-định cấm phổ-biến vũ-khí nguyên-tử. Quyết-nghị này được Đại-hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc chấp-thuận dưới tên là « quyết-nghị Ái-Nhĩ-Lan ». Thi hành quyết-nghị này, Mỹ và Nga đã thương-thuyết trong suốt 7 năm trời mới đi tới thỏa-hiệp.

Thỏa-hiệp này cấm các quốc-gia không hoặc chưa có vũ-khí nguyên-tử không được chế-tạo cũng như mua vũ-khí loại này. Ba cường quốc nguyên-tử Anh, Mỹ, Nga cam đoan không cung cấp vũ-khí nguyên-tử cũng như kiến-thức về vũ-khí nguyên-tử cho các nước khác. Ngoài ra các cường quốc nguyên-tử cũng cam kết sẽ dùng nguyên-tử-năng để phụng sự hòa-bình.

Hiệp-ước này bị nhiều nước chống đối nhất là Pháp và Trung-cộng. Hai nước này cho rằng hiệp-ước sẽ đưa tới sự độc quyền nguyên-tử của các cường quốc nguyên-tử.

Điều đáng chú ý là những nước có đủ khả-năng chế tạo bom nguyên-tử lại nồng nhiệt ủng-hộ hiệp-ước này : đó là Gia-nã-Đại, Ba-Lan, Do-Thái, Ý, Nhật... Hầu hết các quốc-gia Cộng sản và các quốc-gia Á-Rập đã chấp-thuận. Vì vậy hiệp-ước có giá trị tượng-trưng cho sự hợp-tác quốc-tế trong tình hình thế-giới lúc này.

TỪ TRÌ

SÁCH MỚI

Tạp chí Bách-Khoa nhận được, do nhà xuất bản Bách-Khoa Đại-chúng tặng, những sách sau đây nhằm phổ biến rộng rãi trong quảng đại quần chúng, mỗi cuốn khổ 12x17, dày từ 32 đến 40 trang, giá đồng loại 8đ :

- **Thượng nghị viện của Thanh-An**
- **Hạ nghị viện của Thanh-An**
- **Vệ binh đỏ của Dũng Tiến**
- **Văn-hóa dân-tộc của Thanh-Lãng**
- **Thi ca tiền chiến của Nguyễn Thạch Kiên**
- **Chiến tranh và phát triển kinh tế của Đỗ-khắc-Siêm**
- **Báo chí Việt-Nam (1954-67) của Mặc-Thu**

Xin trân trọng cảm ơn nhà xuất bản Bách-Khoa Đại-chúng.

THANG HẠ

Thơ PHAN-PHỤNG-THẠCH

tặng Nghiêm - Sỹ - Anh

Khi trở lại với nỗi buồn thán hạ
Lối xưa giờ hoa phượng nở rưng-rưng
Tình-nghĩa đó đã phai vàng như lá
Các em còn lưu luyến chút gì chẳng ?

★

Các em còn thương về ngôi trường cũ
Vườn thiên-đường của tuổi nhỏ vàng son
Thầy đứng đó như một loài cỏ-thụ
Chút bóng hiền che nắng lũ cây con

★

Buổi học cuối môi cười nhưng mắt khóc
Hồn rơi theo lá phượng rụng sân trường
Các em về với nắng vàng trên tóc
Vớ ve sầu cất tiếng hát bi thương

★

Từ hôm đó bay đi muôn vạn ngả
Trời quê hương có mỗi cánh ngàn chim ?
Lòng các em còn xanh màu lá mạ ?
Và lời thầy còn vang dội trong tim ?

★

Những âm vang của giờ chơi giờ học
Đã chìm theo cùng tiếng trống tan trường
Nhưng tin-yêu thầy gieo giờ đã mọc ?
Hay cũng tàn theo khói lửa quê-hương ?

★

Khi trở lại với nỗi buồn thán hạ
Lối xưa giờ hoa phượng nở rưng-rưng
Tình-nghĩa đó đã phai vàng như lá
Các em còn lưu-luyến chút gì chẳng ?

(Viết cho học trò)

CHIẾN QUỐC SÁCH

GIẢN-CHI và NGUYỄN-HIỂN-LÊ giới thiệu, dịch và chú thích.

CHIẾN QUỐC SÁCH (Mưu mô thời Chiến - Quốc), gồm khoảng 500 'cổ sự' về các mưu mô của bốn chính khách và các lời hùng biện của bốn tung-hoành gia thời Chiến Quốc, là một tác phẩm bất hủ của Trung Hoa, do nhiều người viết trong đời Tần và đầu Hán, về phương diện chép chuyện, chỉ kém Sử Ký của Tư-Mã Thiên, về phương diện dùng ngụ ngôn chỉ kém Nam Hoa Kinh của Trang Tử.

Mỗi đoạn, dù ngắn dù dài, cũng là một cổ sự hoàn chỉnh, tình tiết, kết cấu, nhân vật rất linh động, có cái phong vị tiểu thuyết.

Tương truyền Tô Tuân, cha của Tô Đông Pha, đi đâu cũng mang theo bộ đó, đọc đi đọc lại tới thuộc lòng, nhờ vậy mà có một giọng văn nghị luận mạnh mẽ, cõ kính, tinh luyện, nổi danh thời Tống.

Ngày nay chúng ta càng đọc bộ đó càng thấy chuyện thời xưa mà cứ y hệt chuyện trước mắt. Tâm lý, hành động của con người đông, tây, kim, cổ, đều như nhau cả.

o o o

Lần này là lần đầu tiên, bộ đó được dịch ra Việt ngữ và in thành sách.

Hai học-giả Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê đã bỏ ra một năm tham khảo ba bản Hoa-văn, một bản giới-thiệu bằng tiếng Pháp, một bản nữa bằng tiếng Anh, lựa chọn lấy khoảng 200 truyện hay nhất, dịch sát mà xuôi và chú thích rất công phu.

Công phu nhất là phần giới thiệu khoảng sáu chục trang ở đầu sách, trong đó hai ông nghiên cứu Thời Chiến Quốc. Nguồn gốc **Chiến Quốc Sách**, xã hội Trung-Hoa trong thời Chiến Quốc, phê bình giá trị về tài liệu lịch sử, và giá trị về phương diện văn học của tác phẩm bất hủ ấy.

Toàn bộ dày trên 500 trang, do nhà xuất LÁ BỒI bản ấn hành.

THỜI-SỰ KHOA-HỌC

Những chiếc móng tay khai bệnh

Những bà mẹ thương con thường hay ngồi chặt chiu cắt từng chút móng tay bé xíu xinh xinh của đứa hài nhi, sợ rằng lúc vô ý nó có thể cào xước mặt hay làm trầy mắt.

Hiện nay, có những nhà thông thái Hoa Kỳ đang làm công việc đàn bà ấy : họ cắt móng tay cho trẻ con.

Móng tay cắt xong được làm dấu cần thận rồi đem thử trong một lò phản-ứng hạch-tâm. Nơi đây, chúng được bắn phá với các trung-hòa-tử trong vòng một giờ đồng hồ. Sau đó các nhà chuyên-môn sẽ đo số lượng chất Sodium (Na) phóng-xạ vừa được tạo ra trong mỗi mẫu móng tay, để suy ra số lượng sodium đã có từ trước. Nếu số lượng sodium quá lớn so với bình thường thì đứa bé có mẫu móng tay nọ đã bị bệnh *cystic fibrosis*.

Cystic fibrosis là một chứng bệnh di truyền hiếm nghèo đã từng giết chết hàng ngàn trẻ em mỗi năm tại Hoa-Kỳ. Theo kết quả của các cuộc nghiên cứu chung giữa Viện đại-học Washington và Viện chỉnh-hình trẻ em ở Seattle thì số-lượng Sodium tìm ở thấy ngón tay, ngón chân, nước miếng và mồ-hôi của đứa trẻ mang bệnh rất cao so với bình thường. Do đó mà nước mắt, nước miếng và mồ-hôi của đứa trẻ rất mặn. Những trẻ ấy, rất háu ăn, lại thường bị ho và khó thở.

Người phát minh ra phương pháp định bệnh này là bà Marion Nelson thuộc viện đại-học Washington. Bà cho biết : « Nếu hơn một người bị bệnh *cystic fibrosis* đôi

khi có thể thấy vị mặn trên đầu lưỡi... »

« Đố ai nằm ngủ không mơ... »

Nếu Tần-Đà ăn ít hơn có lẽ ông đã không có « giấc mộng lớn » hay « giấc mộng con » gì cả.

Sở dĩ nhà thi-sĩ có nhiều mộng mị lãng nhăng là vì ông đã... ăn nhiều thịt. Nhà phê-bình văn-học đưa ra ý-kiến giải thích vô lễ như thế có tên là bác-sĩ Harold Williams, ở viện đại học Oklahoma thịt là nguồn cung cấp Protéine cho cơ-thể. Protéine sẽ được hấp thụ dưới dạng các Amino acids, là các đơn-vị nhỏ cấu-tạo nên nó. Amino acids có tất cả 20 thứ, trong đó có Phenylalanine. Phenylalanine cần thiết cho việc tạo nên kích-thích-tổ Noradrenalin của tuyến thượng-thận. Số lượng Noradrenalin tiết ra càng nhiều, giấc ngủ càng nhiều mộng mị.

Những ai muốn có những giấc mộng... thật lớn xin cứ ăn thật kỹ vào.

Vô-tuyến truyền-hình chữa bệnh

Vô-tuyến truyền-hình ở nước ta vừa khai sinh, nó mới chỉ dùng trong mục đích phổ-biến tin tức và cung cấp một phương tiện giải - trí cho dân chúng. Các bậc đàn anh của nó ở Âu, Mỹ trường thành từ lâu đang đảm nhiệm nhiều vai trò khác tích cực hơn.

Trong lãnh vực giáo dục chúng đóng vai trò những vị thầy dạy học mà khả năng hiểu biết cùng tính chính-xác và cần mẫn khiến chúng có hy vọng thế chân các ông thầy thật trong tương lai. Lúc đó, học trò sẽ có những lúc nghỉ ngơi bất ngờ khi ông thầy bị... cúp điện.

Ở Hoa-kỳ, vô-tuyến truyền-hình còn kiêm-nhiệm thêm nhiều chức vụ nữa trong lãnh-vực y-khoa. Mới đây, bác-sĩ Norman Kagan đã dùng chúng làm phương tiện tìm ra nguyên nhân căn bệnh của các thân-chủ có tâm-lý hơi bất thường.

Bệnh nhân được đặt ngồi một mình trước một màn-ảnh truyền-hình và suốt buổi khám bệnh họ chẳng bị chất vấn, hỏi han lời thôi gì cả cứ việc ngồi xem vô tuyến truyền hình. Trên màn-ảnh diễn viên diễn tả đủ cả thất tình : hỉ, nộ, lạc, ái, ố v.v... nghĩa là sẽ có những 'pha' cảm động không thua bất cứ một tuồng cải lương nào của chúng ta. Bệnh nhân tha hồ ngồi xem đã đời, lúc nhăn mặt, lúc mỉm cười, đôi khi bĩu môi khinh bỉ.

Tất cả những phản-ứng âm thầm và nhỏ nhặt đó của bệnh-nhân được ghi lại do một máy thu hình đặt gần đấy. Sau đó, bác-sĩ mới cho chiếu lại hai cuốn phim cùng một lúc và cùng với thân-chủ ngồi kế bên, tỉ mỉ đối chiếu và phân-tích mỗi phản-ứng của thân chủ mình đối với mỗi diễn-tả của diễn-viên. Cứ thế lần lần vị bác-sĩ đi sâu vào các ẩn-ức sâu kín của tâm-hồn người bệnh.

Gian nan... của chuột và người

Dân-tộc Việt-Nam vừa trải qua tám mươi năm Pháp thuộc, bị sưu cao thuế nặng, bóc lột đàn áp ; tiếp theo tám mươi năm Pháp thuộc là hai mươi năm chiến tranh, chúng ta bị đầy đọa đủ điều. Cuộc sống gian nan ấy chắc chắn phải ảnh hưởng đến sức khỏe của nòi giống, đến tuổi thọ của chúng ta, hoặc của thế hệ con cháu chúng ta...

— Nhất định có ảnh hưởng. Bác sĩ J.M.Ordy, thuộc viện Nghiên-cứu Cle-

veland (Ohio) đáp thế. Ảnh hưởng như sau : Tuổi thọ có hy vọng tăng lên !

Đó là kết-luận có thể rút ra từ những cuộc thí-nghiệm về loài chuột. Một nhóm chuột bị cho điện giật, bị kích thích phá quấy, bị thay đổi khí hậu liên tiếp v.v..., nhóm chuột ấy cuối cùng sống lâu hơn các con chuột được sống bình thường.

Chẳng có ai trên đó cả

Mấy năm gần đây, trong giới khoa học, có một luồng dư luận xôn xao, ngạc nhiên vì thỉnh thoảng có nhận được những tín-hiệu không phát xuất từ một nơi nào ở trái đất. Ở đâu đó trong khoảng không gian vô tận, có một loài sinh vật thông minh đang muốn liên lạc với loài người chăng ? Nhiều người tự hỏi như vậy.

Vừa rồi các nhà thiên văn ở Luân-Đôn và Hoa-Trịnh-Đốn tuyên bố các tín-hiệu bí mật từ vũ-trụ truyền xuống trái đất thật ra chẳng phải là của một nền văn minh vượt bậc nào trong dải Ngân-hà. Đó chỉ là một hiện tượng vật-lý có thể cắt nghĩa được.

Nhà thiên văn Thomas Gold cho rằng các tín hiệu đó xuất phát từ những ngôi sao đang xoang tít trong vũ trụ cách xa trái đất nhiều quang niên. Trong khi quay, ngôi sao phát sinh ra một từ trường rất mạnh cuốn theo các chất khí bên trong. Chính các chất khí này khi quay với một vận tốc gần bằng vận tốc ánh sáng đã tạo nên các luồng-sóng vô-tuyến đủ sức xuyên qua vũ trụ. Giả thuyết của Gold có vẻ phù hợp với các kết quả ghi nhận được của các khoa-học-gia tại thiên-văn-đài Jodrell của Anh-quốc.

Cho hay, chúng ta vẫn còn cô đơn trong vũ trụ.

Lý-do của các phi-hành-gia.

Sau khi đã bỏ ra 20 triệu đô-la để trang bị cho một hệ thống vô-uyển truyền-hình gắn trên phi-thuyền Apollo, tháng ba vừa rồi các viên chức của cơ quan N.A.S.A đã ra lệnh giới-hạn chương-trình lại. Họ chỉ cho truyền-hình lúc phi-thuyền bay vòng thứ ba trên quỹ-đạo và lúc các phi-hành-gia đặt chân lên nguyệt-cầu. Lý-do đưa ra là vì chiếc máy thu hình quá nặng !

Lý do không làm hài lòng các giới liên hệ. Sự thực, một chiếc máy thu hình khoảng 3 kí rưỡi đâu có gì là nặng

so với phi thuyền và những thứ tra g bị của nó ! Có một dư-luận cho rằng chính vì các phi-hành-gia đã lo sợ hình-ảnh của họ sẽ xuất hiện trên màn-ảnh truyền-hình với râu ria xồm xoàm và mặc độc có mỗi một chiếc quần lót. Họ không thích bị kiểm soát theo dõi quá kỹ như thế.

Nghe đâu khi luồng dư-luận này vừa lan rộng, thì cơ quan N.A.S.A đã lạng lẽ rút lui sự hạn chế nói trên.

TỬ-DIỆP

6-1968

SINH HOẠT

Hát lại Tâm-ca

«Tâm ca ra đời vào năm 1964. Khoảng thời gian mà biết bao u uất, tan rã của xã hội dồn vào tâm hồn mình, «pháo kích» vào đời mình. Tâm ca là tự đánh thức chính tâm hồn của tôi trong thời gian đó».

Không khí chính-trị tại miền Nam hiện tại, không khí chiến-tranh với những trận đánh ven-đô, với những đêm pháo kích.

Phạm Duy đã tự đánh thức một lần nữa, không bằng sáng tác Tâm ca, nhưng hát lại Tâm ca trước cả một giảng đường đông nghịt các sinh viên y-khoa và một số sinh viên khác.

Vẫn dáng điệu trẻ trung, «không bao giờ già», vẫn những cử chỉ linh hoạt, vẫn tiếng hát mạnh, to, Phạm Duy và Tâm ca đều không có gì thay đổi. Tâm ca và Phạm Duy vẫn hấp dẫn được đám

khán giả, vẫn làm say mê lôi cuốn sự theo dõi của mọi người sau một thời gian vắng bóng.

Phạm-Duy và nữ ca sĩ Thái-Thanh đã được hoan hô nhiệt liệt khi lần lượt trình bày những bản Tâm ca : «Ước mơ», «Giọt mưa trên lá», «Tôi sẽ hát to» và một số bản nhạc của ông sáng tác vào năm 1966, 67 : «Bi hài kịch», «Đi vào quê hương», «Chuyện hai người lính».v.v

Sự ngưỡng mộ còn thấy rõ khi Thái-Thanh nhận bó hoa đỏ của Ban tổ chức tặng và ra về trước. Tiếng vỗ tay hoan nghênh thật nhiều.

Xen vào những bài hát, Phạm-Duy đã cắt nghĩa xuất xứ của từng bản Tâm ca. Giữa cái không khí xao động của năm 1964 Những bài thơ của nhà thơ Kim Tuấn «điều thấy được trong khi ngủ» và bài thơ «Ước mơ» của Nhất Hạnh đã là

một cái gì khơi dậy cho ông nguồn cảm hứng để làm nhạc tự đánh thức mình

‘Ước mơ’ của Nhất - Hạnh cũng là ước mơ của Phạm Duy. Xã hội phân hóa, chia rẽ, ông tự đánh thức bằng ‘Ngồi gần nhau’. Tất cả những bản nhạc chỉ là hát lên để thức tỉnh mình ở giữa một xã-hội, không phải để phản-chiến hay mang một ý-nghĩa nào khác.

Phạm Duy hát lại Tâm ca. Ông còn hẹn sẽ trình bày trong những lĩn sắp tới những bản nhạc cũ và mới. Phạm Duy hát để chứng tỏ mình vẫn ‘thăng’ dù thời cuộc có thế nào.

Bác sĩ Bùi-Duy Tâm, khoa - trưởng Đại học Y khoa Huế giới thiệu: Dù mái tóc Phạm Duy đã bạc, nhưng Phạm Duy vẫn tiếp tục hát. Phạm Duy đã dơ tay vuốt mái tóc đen muốt vừa được nhuộm lại khiến cử tọa vui vẻ cười ầm.

Nhưng ông hát lại Tâm-ca không có ý nghĩa của một vụ nhuộm tóc. Những bài hát lại vẫn còn rung động cả đám đông ngồi nghe. Con người Phạm - Duy vẫn còn hăng say, ông sẽ tiếp tục hát những bài mới.

Đó là những hy vọng người ta mong ở ông trong lần trình diễn này.

Buổi trình diễn trên do Trường Đại học Y-khoa Huế phối hợp với trường Quân-Y tổ chức tại giảng-đường Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh sáng ngày 22-7-68. Giáo sư Trần-Ngọc-Ninh, trước đó, trình bày một vấn đề: ‘Những tư tưởng lớn trong phẫu khoa’.

Buổi diễn thuyết và trình diễn Tâm ca trên kéo dài gần ba tiếng đồng hồ và mọi người, dù đã quá trưa (12g30) mà đứng dậy ra về vẫn còn luyến tiếc./

TRẦN-ĐẠI

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 93.741 - 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

MỤC-LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH-KHOA

từ số 265 – 266 đến 276, từ tháng 1 đến tháng 6 năm 1968 *

Sự sắp xếp theo bộ-môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn, giúp bạn đọc dễ tra cứu, bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho.

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
BIÊN-KHẢO NGHỊ LUẬN				
<u>CHÍNH TRỊ</u>				
1	Qua một năm	Lê Tất Điều	265-66	11
2	Ba-lê màn cuối cùng	Trần Lương Ngọc	274	72
3	Kẻ ác người thiện	Võ Phiến	269-70	41
4	Bão đã nổi lên ở Đông-Âu	Việt Phương	271	11
5	Lịch-sử tranh-đấu của người da đen ở Hoa-kỳ	— id —	272	3
6	Thời sự Việt-nam dưới mắt người Âu-Châu	Nguyễn Quang	273	43
7	Một năm thử thách	Từ-Trì	265-66	5
8	Thế giới trong những tuần qua	— id —	267-68	94
	— id —	— id —	269-70	76
	— id —	— id —	271	73
	— id —	— id —	272	78
	— id —	— id —	273	80
	— id —	— id —	274	79
	— id —	— id —	275	75
	— id —	— id —	276	66
9	Những đặc tính của chính sách đối ngoại Hoa Kỳ	— id —	275	11
<u>DANH NHÂN</u>				
1	Martin Luther King, người con da đen của thánh Gandhi	Nguyễn ngọc Lan (L.M.)	271	65

* B.K.T.Đ. số 265-66 (15-1-1968)
và (01-2-1968)
B.K.T.Đ. số 267-68 (15-2-1968)
và (01-3-1968)
B.K.T.Đ. số 269-70 (15-3-1968)
và (1-4-1968)

B.K.T.Đ. số 271 (15-4-1968)
B.K.T.Đ. số 272 (01-5-1968)
B.K.T.Đ. số 273 (15-5-1968)
B.K.T.Đ. số 274 (01-6-1968)
B.K.T.Đ. số 275 (15-6-1968)
B.K.T.Đ. số 276 (01-7-1968)

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
	<u>GIÁO - DỤC</u>			
1	Lời đáp của những thanh niên về những thư ngỏ của André Maurois	Nguyễn-hiến-Lê	267-68	14
2	Một học chế thời chiến cho quốc gia	Đoàn-nhật-Tấn	269-70	7
3	Phê bình sách giáo khoa	— id —	274	24
4	Chống nạn mù chữ và cưỡng bách học văn	— id —	276	13
	<u>KINH - TẾ</u>			
1	Một sự kiện kinh tế lớn lao năm 1967 : kế hoạch kinh tế hậu chiến	Duy	265-66	19
2	Kinh tế sau cơn biến loạn	— id —	269-70	3
3	Trận giặc vàng	Trần-lương-Ngọc	271	3
4	Sự thách đố của người Mỹ	Lý-chánh-Trung	273	3
	Phê bình cuốn « sự thách đố của người Mỹ »	— id —	274	11
	<u>KHOA - HỌC</u>			
1	Đầu năm thử đề nghị một cải cách về cuốn lịch hiện dùng	Hoàng-Thao	267-68	3
2	Một cuộc cách mạng trong ngành nông : hóa chất thay cây	Võ-quang-Yến	267-68	18
3	Thời sự khoa học : Nguồn gốc màu da	Trần-lương-Ngọc	272	81
4	Thuốc điều sinh	— id —	273	37
	<u>NGHỆ - THUẬT</u>			
1	Nhạc Việt ở xứ người : những chuyến đi	Mộng-Trung	265-66	104
	— id —	— id —	267-68	39
	— id —	— id —	269-70	56

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
	— id —	— id —	271	44
	— id —	— id —	274	42
2	Vài chuyện hướng của điện ánh Tây phương hiện nay	Nguyễn trọng Văn	269-70	35
	<u>LÁ THƯ NƯỚC NGOÀI</u>			
1	Thời sự Việt-Nam dưới mắt người Âu-châu	Nguyễn-Quang	273	43
	<u>SỬ ĐỊA</u>			
2	Ngày Tết nhớ non Côi	Đỗ-bằng-Đoàn và Đỗ-trọng-Huê	265-66	60
3	Vấn đề lịch sử	Nguyễn-Phương	269-70	13
4	Trả lời ông Lý-Phật-Sơn về truyện kịch Quốc sư Vạn- Hạnh	Lê-văn-Siêu	271	29
	Sử học tranh đấu : giải phóng lịch sử	Tạ-Chí Đại-Trường	273	23
	— id —	— id —	274	30
	<u>TÔN GIÁO</u>			
1	Đóng khung giáo lý	Nguyễn--Thảo	275	26
2	Bước đi lịch-sử của Phật-giáo	— id —	276	18
	<u>TRIẾT</u>			
1	Ba-lê, chiều hướng văn học mới	Trần-thái-Đĩnh	265-66	34
	Quan niệm cơ cấu trong các khoa học nhân văn	— id —	267-68	45
	Quan niệm cơ cấu trong các khoa học nhân văn	— id —	269-70	52
	Quan niệm cơ cấu trong các khoa học nhân văn : những bình diện của ngôn ngữ	— id —	271	25
	<u>VĂN-HỌC, VĂN-HÓA</u>			
1	Khói lửa đầu năm với người cầm bút	Lê-phương-Chi	267-68	99
2	Ba-lê, chiều hướng văn học mới	Trần-thái-Đĩnh	265-66	34
3	Nghĩ về chữ hoa (góp ý với Ủy ban Điền chế văn tự)	Đông-Hồ	267-68	22
4	Đọc Nhật ký Hammar skjöld	Nguyễn-khánh-Hòa	276	41

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
5	Tình hình văn học Đài-Loan (từ 1949 đến 1958)	Nguyễn-hiến-Lê	265-66	51
6	Giới thiệu tiểu thuyết « Toàn Phong » của Khương - Quý (Văn học Đài-Loan)	— id —	267-68	28
7	Vài nét chính của Văn học Trung quốc hiện tại	— id —	269-70	45
8	Lỗ Tấn (1884-1936)	— id —	272	19
	— id —	— id —	273	11
9	Lão Xá	— id —	275	20
10	Viết trong tiếng súng	Võ-Phiến	267-68	86
11	Chửi	— id —	271	18
12	Nông dân, một cổ nhân	— id —	272	25
13	Từ chuyện chửi tục	— id —	273	29
14	Trả lời ông Lý-Phật-Sơn về truyện kịch Quốc sư Vạn- Hạnh	Lê-văn-Siêu	271	29
15	Chữ viết	Đoàn-nhật-Tấn	267-68	8
16	Chữ đồng âm	— id —	272	13
17	Sinh hoạt tiểu thuyết một năm qua	Nhật-Tiến	265-66	25
18	Các giải thưởng văn chương Pháp : năm 1967	Tràng-Thiên	265-66	160
19	Sartre trong đời tôi	Nguyễn-văn-Trung	265-66	116
	— id —	— id —	267-68	31
20	Sartre con người của một tạp chí	— id —	269-70	17
21	Rút kinh nghiệm cũ : Xét lại vấn đề văn hóa dân tộc	Hồ-dã-Tương	275	31
<u>XÃ-HỘI</u>				
1	Hội phụ mẫu độc thân	Linh-Bảo	275	68
2	Hát trên quê hương rã rời : Ban Du-ca Nguyễn đức Quang	Trần-Đại	276	31
3	Tuổi trẻ như một giai cấp	Võ-Phiến	274	3

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
4	Tuổi trẻ như một phát giác	Võ-Phiến	275	3
5	Tuổi trẻ và cách mạng	— id —	276	3
6	Lịch sử tranh đấu của người da đen ở Hoa-Kỳ	Việt-Phương	272	3
7	Nghĩ về hiện tượng "Hippies"	Nguyễn-trọng-Văn	265-66	123

VĂN - NGHỆ

BÚT KÝ — HỒI KÝ

1	Nhật ký.	Trần-Đại	267-68	76
2	Bút ký.	Bùi-kim-Đỉnh	id.	75
3	Bút ký	Lê-tất-Điều	id.	73
4	Chạy giữa mùa xuân	Minh-Quân	269-70	65
5	Tôi nhớ Huế	Vương-hồng-Sền	272	59
	Chuyến đi mười năm trước	— id —	273	17
	Buổi hội kiến với ô. Ngô-đình- Cần	— id —	274	35
	Một chuyến đi săn đồ cổ Huế	— id —	275	35
	— id —	— id —	276	24
6	Những ngày chưa quên : Anh và các em	Đoàn-Thêm	265-66	40

TÙY BÚT

1	Quê hương tôi, đồng bào tôi	Đỗ-phương-Khanh	267-68	83
2	Xóm Rạch Ong — Tế bần	Sơn-Nam	275	57
3	Viết trong tiếng súng	Võ-Phiến	267-68	86
4	Kẻ ác người thiện	— id —	269-70	41
5	Những món nợ tình thần	Nhật-Tiến	267-68	81

PHÓNG SỰ

1	Hội phụ nữ độc thân	Linh-Bảo	275	69
---	---------------------	----------	-----	----

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
	<u>TRUYỆN NGẮN</u>			
1	Mùi xuân của Bình	Hồ-trường-An	272	39
2	Tình và điện	Linh-Bảo	265-66	88
3	Khu chợ gió	Hồ-minh-Dũng	273	68
4	Khu mùa xuân tới	Trần-Đại	265-66	148
	— id —	— id —	267-68	54
5	Thành lũy hư vô	Ng-thị-Hoàng	265-66	138
6	Chim và rắn	Võ-Phiến	265-66	71
7	Xuân ngừng lại bên ngoài	Minh-Quân	265-66	109
8	Trên đồi nhìn xuống	Trần-quí-Sách	265-66	131
9	Những kẻ trốn chạy	— id —	273	59
10	Trưa địa ngục	Trần-hoài-Thư	276	55
11	Trong nhà hộ sinh	Nguyễn-văn-Xuân	271	57
	<u>TRUYỆN DÀI</u>			
1	Cúi mặt	Bùi-Đăng	274	56
	— id —	— id —	275	46
	— id —	— id —	276	47
2	Gió cuốn	Võ-Hồng	265-66	97
	— id —	— id —	267-68	50
	— id —	— id —	269-70	61
	— id —	— id —	271	49
	— id —	— id —	272	51
	— id —	— id —	273	47
	— id —	— id —	274	48
	— id —	— id —	275	41
	<u>THƠ</u>			
1	Thảo mộc gian truân	Trần-huyền-Ân	265-66	137
2	Con đường tuổi nhỏ	— id —	273	58
3	Con đường thứ tư	— id —	274	54
4	Bảy màu áo, bảy bài thơ	Nhất-phiến-Băng	265-66	146

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
5	Giao ước	Mạc-ly-Châu	274	70
6	Ngọn khô	Hồ-minh-Dũng	265-66	159
7	Trí nhớ của người Việt-Nam	— id —	274	55
8	Xuân ca ; Thi tứ xuân tình	Bùi-khánh-Đản	265-66	4
9	Mưa trên vùng đất cháy	Kiên-Giang	275	63
10	Ngồi đây thương nhớ họa bài thơ xuân	Đông-Hồ	265-66	66
11	Hương gây mùi nhớ	— id —	—	67
12	Thấy và nghe em hát	Ngê-bá-Lí	271	56
13	Lời đưa xa	Trần-thị-Tuệ-Mai	265-66	158
14	Người Việt	— id —	275	65
15	Tình ca Việt-Nam	Chu-vương-Miền	273	77
16	Mùa xuân trên tóc	Hoàng-đình-Huy-Quan	265-66	136
17	Mùa xuân ở Huế	Lữ-Quỳnh	274	71
18	Xuân	Đoàn-Thêm	265-66	65
19	Một vì sao lạ	Trần-hoài-Thư	265-66	116
20	Tháng Giêng	— id —	272	49
21	Tháp cổ	— id —	273	79
22	Về trời	— id —	276	58
23	Viết trong cơn biến động Mậu- Thân	Phan-nhự-Thức	273	78
24	Chia vui	Thành-Tôn	272	48
25	Thơ	Mộng-Trung	272	50
26	Về miền châu thổ	Ỡ-Yên	273	57
27	Tháng hạ	Phan-Phụng-Thạch	276	69

SINH - HOẠT

DIỄN SÁCH

I	« Luân lý và tư tưởng trong huyền thoại »	Trần-hương-Tử	272	29
---	--	---------------	-----	----

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
	<u>ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN</u>			
1	Người về đầu non (Võ-Hồng) Phá núi (Lê-tất-Điều) Nước non Bình-Định (Quách-Tấn)	Bách-Khoa Thời-Đại	269-70	71
2	Người Việt, đất Việt (Toan Ánh, Cửu Long Giang) Về nguồn (Hoài Mai)	— id —	273	63
	<u>SINH - HOẠT</u>			
1	Giải thưởng phê bình và kỷ niệm 10 năm của Bút-Việt	Một người cầm bút	271	77
2	Ca quan họ 36 điệu	Trần-Đại	265-66	161
3	Hát lại tâm ca	— id —	276	73
4	Thời sự khoa học	Ngọc	271	77
5	— id —	Tử-Diệp	275	67
6	Thời sự khoa học	— id —	276	71
7	Các giải thưởng văn chương Pháp năm 1967	Tràng-Thiên	265-66	160
8	Thời sự văn nghệ	— id —	267-68	105
	— id —	— id —	269-70	80
	— id —	— id —	271	79
	— id —	— id —	273	65
	— id —	— id —	274	65
	— id —	— id —	275	81

● tháng 7-68 Cơ sở xuất bản NHÂN - CHỨNG phát hành :

★ THAO - THỨC thơ Lương Trọng Minh

★ NÓI CHO CON thơ Phò Đức

Trong Gia-đình êm-ấm
Hãy trên đường xa
khát mệt

Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-COP"



Chai "HÒA TIỀN"!

CAPSTAN

MEDIUM

